**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Sự tích dưa hấu](%22%20%5Cl%20%22bm2)

[Sự tích trầu, cau và vôi](%22%20%5Cl%20%22bm3)

[Sự tích trái sầu riêng](%22%20%5Cl%20%22bm4)

[Sự tích cây huyết dụ](%22%20%5Cl%20%22bm5)

[Sự tích chim tu hú](%22%20%5Cl%20%22bm6)

[Sự tích chim quốc](%22%20%5Cl%20%22bm7)

[Sự tích chim đa đa](%22%20%5Cl%20%22bm8)

[Sự tích con muỗi](%22%20%5Cl%20%22bm9)

[Sự tích con khỉ](%22%20%5Cl%20%22bm10)

[Sự tích cá he](%22%20%5Cl%20%22bm11)

[Sự tích con sam](%22%20%5Cl%20%22bm12)

[Sự tích con dã tràng](%22%20%5Cl%20%22bm13)

[Gốc tích bộ lông quạ và bộ lông công](%22%20%5Cl%20%22bm14)

[Gốc tích tiếng kêu của vạc, cộc, dủ dỉ, đa đa và chuột](%22%20%5Cl%20%22bm15)

[Gốc tích cái nốt dưới cổ con trâu](%22%20%5Cl%20%22bm16)

[sự tích cái chổi](%22%20%5Cl%20%22bm17)

[sự tích ông đầu rau](%22%20%5Cl%20%22bm18)

[Sự tích cây nêu ngày tết](%22%20%5Cl%20%22bm19)

[Gốc tích bánh chưng và bánh dầy](%22%20%5Cl%20%22bm20)

[Gốc tích ruộng thác đao hay là truyện Lê Phụng Hiểu](%22%20%5Cl%20%22bm21)

[Sự tích hồ gươm](%22%20%5Cl%20%22bm22)

[Sự tích hồ Ba Bể](%22%20%5Cl%20%22bm23)

[Sự tích đầm nhất dạ và bãi tự nhiên](%22%20%5Cl%20%22bm24)

[Sự tích đầm mực](%22%20%5Cl%20%22bm25)

[Sự tích sông Nhà Bè hay là truyện thủ huồn](%22%20%5Cl%20%22bm26)

[Tại sao sông Tô Lịch và sông Thiên Phù hẹp lại](%22%20%5Cl%20%22bm27)

[Sự tích đá vọng phu](%22%20%5Cl%20%22bm28)

[Sự tích đá bà rầu](%22%20%5Cl%20%22bm29)

[Sự tích thành lồi](%22%20%5Cl%20%22bm30)

[Sự tích núi Ngũ Hành](%22%20%5Cl%20%22bm31)

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

I Nguồn gốc sự vật

**Sự tích dưa hấu**

Ngày xưa có một người trẻ tuổi tên là Mai An Tiêm. Chàng là người ở một nước đâu tận vùng biển phía Nam, bị bán làm nô. Một hôm, chàng bị bọn lái buôn chở đến bán cho Hùng Vương. Mai An Tiêm học nói tiếng Việt rất chóng. Chàng nhớ nhiều chuyện, biết nhiều điều thường thức, lại lắm tài nghề. Càng ngày vua càng yêu dấu, không lúc nào rời. Năm ba mươi lăm tuổi, chàng làm quan hầu cận, có một ngôi nhà riêng ở gần cung vua. Vợ Mai là con gái nuôi của vua đã sinh được một trai lên năm tuổi. Mai có đủ mọi người hầu hạ, trong nhà của ngon vật lạ không thiếu thứ gì. Tuy oai quyền không lớn lắm nhưng chàng được mọi người sợ phục. Nhiều kẻ vẫn thường lui tới cầu cạnh. Nhưng thấy Mai có địa vị cao, cũng không hiếm gì những kẻ sinh lòng ghen ghét. Một hôm, trong một bữa tiệc đãi các quan khách, giữa lúc mọi người không ngớt lời xưng tụng mình, Mai An Tiêm nhún nhường bảo họ:
-Có gì đâu! Tất cả mọi thứ trong nhà này đều là vật tiền thân của tôi cả! Mai nói rất tự nhiên. Bởi vì tôn giáo xứ sở chàng bảo rằng cái sướng cái khổ hiện tại là kết quả của sự ăn ở tốt hay xấu của tiền kiếp. Nhưng trong số người dự tiệc có mấy viên quan hầu gần vua, vốn ghét chàng từ lâu. Chụp lấy câu nói mà họ cho là ngạo mạn đó, họ bèn vội vàng về tâu cho vua biết. Vua Hùng nghe nói vô cùng giận dữ. Vua gầm lên:
-Chà! Thằng láo! Hôm nay nó nói thế, ngày mai nó còn tuôn ra những lời bất kính đến đâu. Quân nô lệ phản trắc! Giam cổ nó lại cho ta! Buổi chiều hôm ấy, Mai bị bắt bỏ vào ngục tối. Bấy giờ chàng mới hiểu chàng lỡ lời. Mai tự bảo: "Nếu từ nay trở đi ta bị đày đọa là vì kiếp trước ta đã cư xử không phải". Trong khi đó thì ở triều, các quan họp bàn để xử án Mai. Nhiều người đề nghị xử tử. Có người đề nghị cắt gót chân. Nhưng lời tâu của một ông quan già làm cho Hùng Vương chú ý:
-Hắn bị tội chết là đúng. Nhưng trước khi hắn chết, ta nên bắt hắn phải nhận ra một cách thấm thía rằng những của cải của hắn đây là do ơn trời biển của bệ hạ, chứ chả phải là vật tiền thân nào cả. Tôi nghe ngoài cửa Nga Sơn có một hòn đảo. Cho hắn ra đấy với một hai tháng lương để hắn ngồi ngẫm nghĩ về "vật tiền thân" của hắn trước khi tắt thở. Vua Hùng gật đầu chấp thuận. Nhưng sau khi ra lệnh, vua còn dặn: "Cho hắn lương vừa đủ dùng trong một mùa, nghe không".
\* \* \*
Hôm đi đày, tuy ai nấy hết lời can ngăn nhưng vợ Mai An Tiêm vẫn nhất quyết theo chồng ra hải đảo. Nàng bồng cả con trai đi theo. Tất cả mọi người đều cho là việc rồ dại. Còn nàng thì tin ở lời chồng: "Trời sinh voi trời sinh cỏ. Lo gì!". Nhưng khi bước chân lên bãi cát hoang vu mịt mù, người thiếu phụ đó cũng không ngăn nổi cảm giác tủi thân, nức nở gục vào vai chồng:
-Chúng ta đành chết mất ở đây thôi. Mai ôm con, bảo vợ:
-Trời luôn luôn có con mắt. Cứ phấn chấn lên. Đừng lo! Hơn một tháng đầu, đời sống của vợ chồng đã tạm ổn. Nhà ở thì chui trong hốc đá đã được đan phên che sương gió. Nước uống thì đã có nước suối. Muối không có thì đã có nước biển. Nhưng còn việc kéo dài sự sống? Hai vợ chồng nhìn vào bồ gạo đã vơi: "Nếu chúng ta có được một nắm hạt giống thì quyết không lo ngại gì cả". Tự nhiên, một hôm có một đàn chim lớn bay từ phương Tây lại, đậu đen ngòm cả một bãi cát. Rồi chúng bay đến trước mặt hai vợ chồng kêu váng cả lên, thả xuống năm sáu hạt. ít lâu sau từ những hạt ấy mọc ra một loại cây dây bò lan xanh um cả bãi. Dây bò đến đâu, những quả xanh non mơn mởn nhú ra đến đấy. ít lâu sau nữa, vợ chồng ra xem thì quả nào quả ấy đã lớn lên như thổi, da xanh mượt, tròn to bằng đầu người. Mai trẩy một quả, bổ ra thấy ruột đỏ hồng, hạt đen nhánh. Vợ chồng con cái cùng nếm thấy vị thanh thanh dịu ngọt. Càng ăn càng mát đến ruột gan. Mai reo lên:
-ồ! Đây là thứ dưa lạ, chưa từng thấy bao giờ. Hãy gọi nó là dưa Tây, vì thứ dưa này được bầy chim đưa từ phương Tây lại, từ đất liền ra cho chúng ta. Trời nuôi sống chúng ta rồi! Từ hôm đó hai vợ chồng cố trồng thêm cho thật nhiều dưa. Họ trù tính ăn dưa thay cơm để đỡ phải dùng số gạo đã gần kiệt. Một hôm vợ chồng Mai bắt gặp một chiếc thuyền đánh cá đi lạc ra đảo. Sau khi giúp họ sửa buồm lái để trở về đất liền, Mai còn đưa biếu một số dưa để họ đưa về cho mọi người nếm thử. Mai bảo họ chở gạo ra đổi lấy dưa. Chỉ cách mấy ngày, con thuyền thứ nhất đã đến cắm neo ở bến, chở ra cho hai vợ chồng khá nhiều gạo. Hai bên y ước: một bên nhận lấy số gạo còn một bên xếp dưa xuống thuyền. Từ đó trở đi, bữa ăn của họ đã khác trước. Ngồi bên nồi cơm trắng hơi lên nghi ngút, vợ Mai ôm lấy con, lẩm bẩm: "Trời nuôi sống chúng ta thực!" Cũng từ hôm đó, vợ chồng trồng thêm nhiều dưa nữa. Kết quả là thuyền buôn có, thuyền chài có, lũ lượt ra đỗ ở hải đảo đưa gạo, áo quần, gà lợn, dao búa, lại có cả các thứ hạt giống khác, để đổi lấy dưa. Những người trong thuyền nói với Mai:
-Thật quả từ xưa chưa hề có loại dưa nào quý đến thế. ở vùng chúng tôi ai cũng ao ước được nếm một miếng thứ "dưa hấu" này dù có phải đổi bao nhiêu gạo cũng không tiếc. Ngày ấy người ta tranh nhau mua dưa lấy giống cho nên chỉ trong vài ba năm giống dưa lan tràn khắp nơi. Tên tuổi vợ chồng Mai An Tiêm được truyền đi xa rộng. Dân gọi tôn là "Bố cái dưa Tây".
\* \* \*
Lại nói chuyện Vua Hùng một hôm la rầy viên quan hầu đã vì dốt nát để thợ dựng hỏng một ngôi nhà. Vua buột miệng than thở: "Phải chi có Mai An Tiêm thì đâu đến nỗi". Ngày hôm đó vua nhắc mãi đến chàng. Đã hai lần vua cho hỏi Lạc hầu xem hiện giờ Mai đang làm gì ở đâu. Lạc hầu đáp liều: "Chắc hắn không còn nữa!". Nhưng vua không tin. Vua sai ngay một tên nô khác cấp cho lương ăn và thuyền để hắn vào châu ái tìm Mai An Tiêm. Một tháng sau, hắn ta mang về cho vua một thuyền đầy dưa Tây và nói:
-Đây là lễ vật của ông bà Mai dâng bệ hạ. Hắn kể cho vua biết rõ những ngày tận khổ và tình trạng hiện nay của hai vợ chồng Mai. Rồi hắn tâu tiếp:
-Bây giờ ông bà Mai đã có nhà cửa ở ngoài ấy khá đẹp, có đến hơn mười người hầu hạ, có bãi dưa, có ruộng lúa và rất nhiều lợn gà... Vua Hùng càng nghe càng sửng sốt. Vua chắt lưỡi bảo mấy viên quan hầu cận ngày nọ đã tố cáo Mai:
-Hắn bảo là vật tiền thân của hắn, thật đúng chứ không sai! Vua bèn sai một đoàn lính hầu đi đón hai vợ chồng về, cho Mai trở lại chức cũ. Vua lại ban cho hai người con gái hầu để an ủi chàng. Bây giờ chỗ hải đảo, người ta còn gọi là bãi An Tiêm. Những người kế tiếp công việc của hai vợ chồng Mai trên đảo vẫn còn dòng dõi đông đúc. Họ lập thành làng gọi là làng Mai An. ở ngôi nhà cũ của Mai thì họ lập đền thờ hai vợ chồng chàng. Nhân dân gọi là "ông bà tổ dưa Tây" (hay dưa hấu)

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

I Nguồn gốc sự vật

**Sự tích trầu, cau và vôi**

Ngày xưa, một nhà nọ có Tân và Lang là hai anh em ruột, đặc biệt dáng người và mặt mày giống nhau như đúc, đến nỗi chính người nhà cũng nhiều phen nhầm lẫn. Cha họ là một người cao to nhất trong vùng đã từng được vua Hùng triệu về Phong-châu ban thưởng và đặt tên là Cao. Từ đó gia đình lấy tiếng "Cao" làm tên họ. Hai anh em lớn lên thì cha mẹ nối nhau qua đời. Cả anh lẫn em quyến luyến nhau không chịu rời nửa bước. Người cha trước khi mất có gửi gắm Tân cho một đạo sĩ họ Lưu. Nhưng khi Tân đến theo học thì Lang không chịu ở nhà một mình, chàng cũng cố xin cùng được học với anh một thể. Nhà họ Lưu có một cô con gái cũng cùng lứa tuổi với họ. Để tìm hiểu người nào là anh người nào là em, một hôm cô gái họ Lưu bày ra một mẹo nhỏ. Giữa lúc họ đang đói, nàng chỉ dọn cho họ một bát cháo với một đôi đũa. Đứng sau khe vách, nàng thấy người này nhường cháo cho người kia ăn. Nàng lẩm bẩm: "à ra anh chàng vui tính kia là anh!". Từ đó giữa Tân và cô gái có nhiều cuộc gặp gỡ. Tình yêu giữa hai người mỗi ngày một khăng khít.
Thấy thế, đạo sĩ họ Lưu vui lòng gả con cho Tân. Sau khi cưới, hai vợ chồng đến ở một ngôi nhà mới, có Lang ở chung. Từ ngày lấy vợ, Tân tuy vẫn chiều chuộng em nhưng không âu yếm em như trước nữa. Trước kia Lang thường được anh chăm sóc nhưng bây giờ thì chàng có nhiều ngày cô đơn. Lang nhận thấy nhiều khi Tân muốn lánh mình. "Phải rồi, anh ấy mê vợ quên ta". Trong lòng Lang đầy chán nản buồn bực. Một hôm Lang và Tân cùng lên nương đến tối mịt mới về. Lang về trước. Chàng vừa bỏ chân lên ngưỡng cửa thì vợ Tân từ trong buồng chạy ra ôm chầm lấy mình. Lang kêu lên. Cái nhầm của chị dâu làm cho cả hai người cùng ngượng nghịu xấu hổ. Giữa lúc đó thì Tân bước vào nhà. Từ đây Lang lại biết thêm một tính tình mới của anh. Tân ghen em. Cái ghen càng tăng thêm sự hững hờ của Tân đối với chàng. Lang vừa giận vừa thẹn. Chàng muốn bỏ nhà ra đi cho bõ ghét. Một hôm trời mới mờ sáng, Lang quyết định khởi hành. Chàng cứ theo con đường mòn đi mãi, trong lòng đầy bực bội oán trách. Đi luôn mấy ngày đường, Lang tới bờ một con sông lớn. Thấy nước chảy xiết, chàng lấy làm ngại ngùng. Xung quanh không nghe qua một tiếng gà gáy chó sủa. Nhưng Lang quyết không chịu trở lại. Lang ngồi cúi gục trên bờ, ôm mặt khóc. Chàng khóc mãi, khóc mãi, đến nỗi những con chim đi kiếm ăn khuya vẫn còn nghe tiếng nức nở. Sáng hôm sau, Lang chỉ còn là một cái xác không hồn. Chàng đã hóa đá.
Tân thấy mất hút em thoạt đầu không để ý. Mãi sau vẫn không thấy em về, Tân bổ đi tìm các nhà quen nhưng cũng không thấy tăm dạng. Biết là em bỏ đi vì giận mình, chàng lấy làm hối hận. Hôm sau nữa, cũng không thấy về, Tân hoảng hốt để vợ lại nhà, cất bước đi tìm. Sau mấy ngày, chàng đã đến bờ một con sông rộng. Không có cách gì qua được, Tân đi men dọc sông, cuối cùng thấy em đã hóa thành đá. Tân đứng bên cạnh hòn đá khóc mãi cho đến lúc chỉ còn có tiếng nước cuồn cuộn chảy dưới bờ mà thôi. Tân chết và hóa thành một cây thân mọc thẳng lên trời, bên cạnh hòn đá. Vợ Tân chờ mãi không thấy chồng về, cũng bỏ nhà đi tìm. Nhưng cuối cùng con sông nọ cũng ngăn cản bước chân của nàng. Người đàn bà ấy ngồi lại bên cạnh cây, khóc cạn cả nước mắt. Và sau đó nàng chết hóa thành một cây dây quấn quanh lấy cây kia. Đợi mãi không thấy ba người về, vợ chồng đạo sĩ nhờ mọi người chia nhau tìm kiếm. Trước hòn đá và hai cây lạ, họ chỉ còn biết dựng miếu thờ cả ba người trẻ tuổi ở ven sông. Nhân dân quanh vùng gọi là miếu "anh em hòa thuận, vợ chồng tiết nghĩa".
Về sau, một năm nọ trời làm hạn hán rất dữ. Mọi cây cỏ đều khô héo cả. Duy hai cây mọc bên cạnh hòn đá trước miếu là vẫn xanh mượt. Mọi người cho là linh dị. Vua Hùng một hôm ngự giá qua xứ đó. Khi đi qua trước miếu, vua hơi ngạc nhiên vì cảnh lạ cây lạ: "Miếu này thờ vị thần nào? Mấy loại cây này ta chưa từng thấy bao giờ? " Để trả lời câu hỏi của vua, Lạc tướng cho gọi mấy cụ già ở quanh vùng đến hỏi. Hùng Vương càng nghe, không ngăn được sự cảm động. Vua vạch lá trèo lên nhìn khắp mọi chỗ. Đoạn, vua sai một người trèo cây hái quả xuống nếm thử. Vị chát không có gì lạ. Nhưng khi nhai với lá cây dây thì một vị là lạ đến ở đầu lưỡi: nó vừa ngon ngọt, vừa thơm cay. Tự nhiên có một viên quan hầu kêu lên: "Trời ơi! Máu!" Mọi người giãn ra kinh ngạc. Thì ra những bãi nhai quả và lá của hai thứ cây đó một khi nhổ xuống đá bỗng đỏ ối ra như máu. Vua sai lấy cả ba thứ nhai lẫn với nhau thì bỗng thấy người nóng bừng như có hơi men, môi đỏ tươi, sắc mặt hồng hào tươi đẹp. Vua bảo:
-Thật là linh dị! Đúng là họ rồi! Tình yêu thương của họ thật là nồng nàn thắm đỏ. Từ đó vua Hùng ra lệnh cho mọi nơi phải gây giống cho nhiều hai loại cây ấy. Điều đáng chú ý là luật của nhà vua bắt buộc trai gái khi kết hôn thế nào cũng phải tìm cho được ba món: trầu, cau và vôi cho mọi người nhai nhai nhổ nhổ một tí để ghi nhớ tình yêu không bao giờ phai lạt. Vì thế từ đó dân Việt mới có tục ăn trầu

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

I Nguồn gốc sự vật

**Sự tích trái sầu riêng**

Ngày ấy, vào thời Tây Sơn, có một chàng trẻ tuổi người vùng Đồng Nai. Chàng là người tài kiêm văn võ, đã từng vung gươm hưởng ứng cái bất bình của mọi người. Chàng từng cầm quân mấy lần làm cho tớ thầy chúa Nguyễn chạy dài. Nhà Tây Sơn mất, chàng lui về quê nhà mượn nghề dạy trẻ để náu hình ẩn tích. Đột nhiên có tin dữ truyền đến làm cho mọi người xao xuyến. Gia Long vừa thắng thế trên đất nước Việt thì cũng bắt đầu giết hại những người đã từng làm quan cho nhà Tây Sơn. Nhà vua cứ dựa vào chức tước lớn hay nhỏ của họ mà gia hình: tư mã, quận công thì lăng trì, tùng xẻo; vệ úy, phân suất thì đánh gậy, phạt roi v.v...
Dân trong xóm sẵn lòng quý mến, khuyên chàng trốn đi thật xa. Họ giúp tiền gạo và mọi thứ cần dùng, trong đó có cả một chiếc thuyền nhỏ mui lồng để tiện đi lại. Vì không muốn để rơi vào tay quân địch, chàng ra đi. Ngược dòng sông Cửu Long, chàng tiến sâu vào nước Chân Lạp. Một hôm chàng cắm sào lên bộ mua thức ăn. Chàng bước vào một cái quán bên đường. Trong quán có một bà mẹ ngồi ủ rũ bên cạnh một cô gái nằm mê man bất tỉnh. Đó là hai mẹ con đi dâng hương trên núi, về đến đây thì con bị ốm nặng. Vốn có biệt tài về nghề thuốc, chàng hết sức chạy chữa, cuối cùng cũng giúp cô gái lấy lại sức khỏe. Và sẵn có thuyền riêng, chàng chở họ về tận nhà. Nàng là con gái chưa chồng, đã đến tuổi quay xa đạp cửi. Nàng có vẻ đẹp thùy mị. Tự nhiên có anh chàng trai người Việt ở đâu tận xa xôi đến trú ngụ tại nhà làm cho nàng quyến luyến. Sau một tuần chay tạ ơn Trời Phật, mẹ nàng cho biết là Phật đã báo mộng cho hai người lấy nhau. Chàng vui vẻ nhận lấy cuộc sống mới cho qua ngày. Từ đây chàng có chỗ ở nhất định. Nhà nàng là nhà làm ruộng nuôi tằm. Những việc đó chàng đều làm được cả.
\* \* \*
Mười năm thoảng qua như một giấc mộng. Hai vợ chồng quấn quýt với nhau như đôi chim câu. Trong vườn nhà vợ có một cây ăn quả gọi là cây "tu rên" mà ở xứ sở chồng không có. Lần ấy gặp kỳ quả chín đầu mùa, vợ trèo lên cây trẩy xuống một quả, xẻ đưa cho chồng ăn. Quả "tu rên" vốn có một mùi hôi đặc biệt. Thấy chồng nhăn mặt vợ bảo:
-Anh cứ ăn sẽ biết nó đậm đà như lòng em đây. Không ngờ một năm kia, vợ đi dâng hương về thì ngộ cảm. Chồng cố công chạy chữa nhưng không sao cứu kịp. Cái chết chia rẽ cặp vợ chồng một cách đột ngột. Không thể nói hết cảnh tượng đau khổ của người chồng. Nhưng hai người vẫn gặp nhau trong mộng. Chồng hứa trọn đời sẽ không lấy một ai nữa. Còn hồn vợ thì hứa không lúc nào xa chồng. Nghe tin Gia Long đã thôi truy nã những người thù cũ, bà con chàng ở quê hương nhắn tin lên bảo về. Những người trong xóm cũng khuyên chàng nên đi đâu cho khuây khỏa. Chàng đành từ giã quê hương thứ hai của mình. Trước ngày lên đường, vợ báo mộng cho chồng biết là mình sẽ theo chàng cho đến sơn cùng thủy tận. Năm ấy cây "tu rên" tự nhiên chỉ hiện ra có mỗi một quả. Và quả "tu rên" đó tự nhiên rơi vào vạt áo giữa lúc chàng ra thăm cây kỷ niệm của vợ. Chàng mừng rỡ quyết đưa nó cùng mình về xứ sở. Chàng lại trở về nghề cũ. Nhưng nỗi riêng canh cánh không bao giờ nguôi. Chàng đã ương hạt "tu rên" thành cây đem trồng trong vườn ngoài ngõ. Từ đây, ngoài công việc dạy học còn có công việc chăm nom cây quý. Những cây "tu rên" của chàng ngày một lớn khỏe. Lại mười năm nữa sắp trôi qua. Chàng trai ngày xưa bây giờ tóc đã đốm bạc. Nhưng ông già ấy lòng bỗng trẻ lại khi thấy những hàng cây mà mình bấy lâu chăm chút nay đã bắt đầu khai hoa kết quả. ạng sung sướng mời họ hàng làng xóm tới dự đám giỗ của vợ và nhân thể thưởng thức một thứ quả lạ đầu tiên có ở trong vùng. Khi những quả "tu rên" bứng ra đặt lên bàn, mọi người thoáng ngửi thấy một mùi khó chịu. Nhưng chủ nhân biết ý đã nói đón: "... Nó xấu xí, nó hôi, nhưng múi của nó ở trong lại đẹp đẽ thơm tho như mối tình đậm đà của đôi vợ chồng son trẻ...". ạng vừa nói vừa xẻ những quả "tu rên" chia từng múi cho mọi người cùng nếm. Múi "tu rên" nuốt vào đến cổ quả có một vị ngon ngọt lạ thường. Đoạn, ông kể hết đoạn tình duyên xưa mà từ lúc về đến nay ông đã cố ý giấu kín trong lòng. ạng kể mãi, kể mãi. Và khi kể xong, ở khóe mắt con người chung tình ấy long lanh hai giọt lệ nhỏ đúng vào múi "tu rên" đang cầm ở tay. Tự nhiên hai giọt nước mắt ấy sôi lên sùng sục trên múi "tu rên" như vôi gặp nước và cuối cùng thấm vào múi như giọt nước thấm vào lòng gạch. Sau đám giỗ ba ngày, người đàn ông ấy bỗng không bệnh mà chết. Từ đấy dân làng mỗi lần ăn thứ quả đó đều nhớ đến người gây giống, nhớ đến chuyện người đàn ông chung tình. Họ gọi "tu rên" bằng hai tiếng "sầu riêng" để nhớ mối tình chung thủy của chàng và nàng. Người ta còn nói những cây sầu riêng nào thuộc dòng dõi loại hạt có hai giọt nước mắt của anh chàng nhỏ vào thì mới là giống sầu riêng ngon.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

I Nguồn gốc sự vật

**Sự tích cây huyết dụ**

Ngày xưa có một bác đồ tể chuyên mua lợn về giết thịt để mang bán ở chợ. Nhà bác ta ở bên cạnh một ngôi chùa làng. Hàng ngày, vào lúc mờ sáng là lúc sư cụ bên chùa theo lệ thường thức dậy tụng kinh. Và cũng theo lệ thường, sư cụ thức chú tiểu dậy gõ một hồi chuông mai. Bấy giờ cũng là lúc bác đồ tể sửa soạn giết lợn, cho nên bác ta quen lấy tiếng chuông làm chừng thức dậy làm việc hàng ngày. Cứ như thế, ngày nào cũng như ngày ấy không bao giờ sai lạc. Một đêm nọ, sư cụ nằm mộng thấy một người đàn bà dắt năm đứa con nhỏ đến trước mặt mình rồi vái lấy vái để, miệng nói: "Xin cứu mạng! Xin cứu mạng!". Sư cụ hỏi người đàn bà: "A-di-đà Phật! Cứu mạng là cứu thế nào? Bần tăng phải làm gì đây? " Người mẹ có bộ điệu hãi hùng ấy trả lời: "Ngày mai xin hòa thượng hãy đánh chuông chậm lại. Như vậy mẹ con chúng thiếp rất đội ơn". Nhà sư tỉnh dậy không hiểu thế nào cả. Nhưng tờ mờ sáng hôm đó, vâng theo lời báo mộng, sư cụ chỉ lâm râm đọc kinh cầu nguyện mà không thức chú tiểu dậy thỉnh chuông. Lại nói chuyện hôm ấy bác đồ tể ngủ một giấc li bì. Mãi đến lúc mặt trời lên chừng một cây sào, tiếng chuông chùa mới bắt đầu vang rền làm cho bác giật mình choàng dậy. Thấy trời đã quá trưa, bác không dám giết lợn như thường lệ, vì nếu làm thịt thì khi đưa ra đến chợ, chợ đã vãn người rồi.
Tức mình vì lỡ mất một buổi chợ, bác ta lật đật sang chùa trách sư cụ. Sư cụ bèn đem câu chuyện nằm mộng đêm qua để phân trần với ông hàng xóm không phải lỗi tại mình. Nhưng lúc bước chân về chuồng lợn của nhà thì bác đồ tể ngạc nhiên thấy con lợn nái mua ngày hôm qua toan giết thịt sáng đó, đã đẻ được năm con lợn con. Vừa mừng vừa sợ, bác ta kể cho mọi người biết sự lạ lùng: "Đúng là linh hồn người đàn bà ẩn trong con lợn cái đã tìm cách cứu bầy con của mình khỏi chết". Tự nhiên bác đồ tể đâm ra suy nghĩ. Bác thấy bàn tay của mình đã từng vấy máu biết bao nhiêu là sinh mạng. Trong một lúc hối hận đến cực điểm, bác ta cầm cả con dao bầu chạy sang chùa bộc bạch nỗi lòng với sư cụ. Bác ta quả quyết cắm con dao của mình trước sân chùa, thề trước Phật đài từ nay xin giải nghệ. Không rõ bác đồ tể sau đó thế nào, nhưng con dao của bác tự nhiên hóa thành một loại cây có lá đỏ như máu và nhọn như lưỡi dao bầu, người ta vẫn gọi là cây huyết dụ.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

I Nguồn gốc sự vật

**Sự tích chim tu hú**

Ngày xưa có hai nhà sư Năng Nhẫn và Bất Nhẫn. Hai người cùng cạo đầu xuất gia từ ngày còn trẻ và cùng tu ở một ngôi chùa hẻo lánh. Sau một thời gian dài tu luyện thì bỗng một hôm, Năng Nhẫn được đức Phật độ cho thành chính quả. Bất Nhẫn thấy mình tu hành không kém gì bạn mà không được hưởng may mắn như bạn thì rất buồn bực. Chàng đến trước tòa sen hết sức kêu nài với đức Phật, bày tỏ lòng chân thành tu đạo cùng mọi sự khổ hạnh đã trải qua của mình. Đức Phật bảo chàng: "Nhà ngươi chuyên tâm cầu đạo, lại là người trong sạch, thật đáng khen ngợi. Nhưng tính tình nhà ngươi vẫn như con trâu chưa thuần, chưa thể đắc đạo được. Vậy hãy cố gắng tỏ rõ tấm lòng nhẫn nhục trong một cuộc khổ hạnh trường kỳ rồi sẽ theo bạn cũng chưa muộn". Bất Nhẫn nghe lời bèn lên núi chọn một gốc cây bắt chước người xưa ngồi xếp bằng tu theo lối trường định. Chàng cương quyết ngồi im lặng như thế mãi trong ba năm, dù có phải thế nào cũng không chịu dậy. Và từ hôm đó, Bất Nhẫn như một vật vô tri vô giác. Những con sâu con kiến bò khắp mình chàng. Những con thú cà vào thân chàng. Những con chim ỉa phẹt lên đầu chàng. Chàng đều không hề bận tâm. Chàng chỉ một mực tâm tâm niệm niệm nghĩa lý cao thâm của đạo Phật. Cứ như thế, trải qua hai mùa hè và sắp sửa qua một mùa hè thứ ba là kết liễu cuộc tu luyện. Một hôm tự dưng có hai vợ chồng con chim chích ở đâu đến làm tổ ngay trong vành tai của Bất Nhẫn. Chàng cứ để yên, mặc chúng muốn làm gì thì làm. Chúng đi về tha rác lên đầu, lên mặt. Rồi chim mái đẻ trứng. Rồi cả một thời kỳ hai vợ chồng thay phiên nhau ấp. Cho đến lúc trứng nở, những con chim non kêu léo nhéo suốt ngày. Nhưng Bất Nhẫn không lấy thế làm khó chịu. Một hôm, lúc ấy chỉ còn mười ngày nữa thì Bất Nhẫn hết hạn ngồi dưới gốc cây. Hôm đó, đến lượt con chim vợ đi tìm thức ăn cho con. Suốt một buổi chiều nó vẫn không kiếm được một chút gì. Mãi đến gần tối, lúc lượn qua một cái hồ, chim vợ mới thấy một con nhện đang giăng tơ trong một đóa hoa sen. Nhện nhác thấy chim liền ẩn mình vào giữa những cánh hoa làm cho chim mất công tìm mãi. Không ngờ hoa sen vừa tắt ánh mặt trời đã cụp ngay cánh lại, nhốt chim vào trong. Chim cố công tìm lối chui ra nhưng những cánh hoa vây bọc dày quá đành chịu nằm lại đó. ở nhà, chim chồng hết bay đi kiếm vợ lại trở về. Đàn con đói mồi nháo nhác suốt đêm. Mãi đến sáng mai, chờ lúc hoa nở, chim vợ mới thoát được bay về tổ. Một cuộc cãi lộn nổ ra bên tai Bất Nhẫn. Ghen vợ, chim chồng mắng nhiếc vợ hết lời. Nhưng chim vợ vẫn hết sức bày tỏ nỗi lòng trinh bạch của mình. Cuộc đấu khẩu kéo dài suốt cả buổi sáng và có cơ chưa chấm dứt. Bất Nhẫn rất khó chịu. Thêm vào đó, đàn con khóc đói chíu chít điếc cả tai.
Nhè lúc vợ chồng chim cãi vã đến chỗ găng nhất, Bất Nhẫn bỏ tay lên tai giật cái tổ chim vứt mạnh xuống đất và nói: "Đồ khốn! Chỉ có mỗi một chuyện đó mà chúng mày làm điếc tai ông từ sáng đến giờ". Thế là công sức tu luyện của Bất Nhẫn sắp hoàn thành thốt nhiên vứt bỏ trong chốc lát. Nhưng Bất Nhẫn vẫn không nản chí. Trước tòa sen, chàng hứa sẽ kiếm cách tỏ rõ sự hối lỗi của mình. Chàng tìm đến một khúc sông chảy xiết, tình nguyện làm người chèo đò đưa khách bộ hành quá giang mà không lấy tiền. Chàng quyết chở cho đến người thứ một trăm mới chịu nghỉ tay. Lần này Bất Nhẫn tỏ ra một người rất nhẫn nại. Tuy bến sông thường vắng khách, chàng vẫn không chịu bỏ dở công việc. Luôn trong hai năm chàng chở được chín mươi tám người mà không xảy ra việc gì. Một hôm vào khoảng giữa thu, nước sông tự nhiên tràn về chảy xiết hơn mọi ngày. Trời bỗng đổ một trận mưa lớn. Giữa lúc đó có một người đàn bà dắt một em bé đòi qua sông. Hắn có vẻ là vợ một viên quan sở tại; chưa bước xuống thuyền đã dọa Bất Nhẫn:
-Chú nhớ chèo cho vững nghe không. Che mui cho kín. Nếu để chúng ta mà ướt thì liệu chừng kẻo roi quắn đít đó. Nghe nói thế Bất Nhẫn đã hơi bực, nhưng chàng nín được và vẫn giữ vẻ mặt tươi cười đáp:
-Bà và cậu đừng sợ gì cả. Tôi xin cố sức. Rồi chàng vận dụng hết tài nghệ để đưa hai mẹ con nhà nọ qua bên kia sông được vô sự. Lúc sắp lên bờ, người đàn bà bỗng kêu lên:
-Ta quên khuấy đi mất. Có một gói hành lý bỏ quên ở quán bên kia. Vậy nhà ngươi chịu khó chèo sang lấy hộ. Bất Nhẫn nín lặng cắm cổ chèo qua sông giữa sóng gió. Mãi đến gần tối, chật vật lắm chàng mới đưa được gói hành lý sang cho người đàn bà. Nhưng khi soát lại gói, người đàn bà nọ lại kêu lên:
-Thôi rồi! Còn một đôi giày của thằng bé bỏ ở gậm giường. Thế nào nhà ngươi cũng phải gắng sang lấy cho ta một lần nữa. Người đàn bà nói chưa dứt lời thì Bất Nhẫn đã chỉ tay vào mặt:
-Cút đi đồ chó ghẻ! Ta có phải sinh ra để hầu hạ mẹ con nhà mày mãi đâu. Nhưng người đàn bà ấy vốn là đức Phật Quan âm hiện hình xuống thử lòng người đệ tử khổ tu đó, bấy giờ lại hiện nguyên hình và cất tiếng bảo chàng:
-Nhà ngươi vẫn chưa thực tâm nhẫn nhục, như thế thì tu gì mà tu. Có tu hú! Bất Nhẫn thẹn quá đành cúi đầu nhận lỗi. Phật bà Quan âm sau đó bắt Bất Nhẫn hóa thành một giống chim mà người đời sau quen gọi là chim tu hú. Họ bảo thứ chim đó vào khoảng cuối hè sang thu hay xuất hiện, đúng vào lúc xảy ra câu chuyện giữa Bất Nhẫn với Phật bà.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

I Nguồn gốc sự vật

**Sự tích chim quốc**

Ngày ấy có đôi bạn chí thân là Quắc và Nhân. Họ đều là con nhà học trò nghèo, lại đều mồ côi cha mẹ, Quắc được học nhiều hơn bạn: anh chàng làm thầy đồ dạy trẻ. Tuy bổng lộc chẳng có là bao nhưng Quắc vẫn thường giúp đỡ Nhân. Đối lại, có lần Quắc bị ốm nặng, giá không có bạn thuốc thang ngày đêm thì anh khó lòng sống nổi. Sau đó cũng vì sinh kế, đôi bạn phải chia tay mỗi người một ngả. Trong khi Quắc sống cuộc đời dạy trẻ thì Nhân cũng đi lang thang đến các vùng xa lạ làm thuê làm mướn. Trải qua một thời kỳ lang bạt, cuối cùng anh chàng vào làm công cho một phú thương. Thấy chàng thật thà chăm chỉ, phú thương rất tin cậy. Chẳng bao lâu Nhân được phú thương gả con gái cho. Vợ Nhân có nhiều của riêng. Vì thế Nhân nghiễm nhiên trở nên một phú ông có cơ nghiệp kha khá ở trong vùng. Nhân giàu nhưng không quên tình bầu bạn. Nhân vẫn nhớ tới lời thề "sống chết sướng khổ có nhau" với Quắc. Nhân cất công đi tìm và sung sướng thấy Quắc còn sống. Tuy Quắc đang dở năm dạy, nhưng Nhân cũng thương lượng được với cha mẹ học trò cho con em chuyển sang một cụ đồ khác rồi đưa Quắc về nhà mình.
Nhân dặn người nhà phải coi Quắc không khác gì mình, cơm nước hầu hạ không được bê trễ. Nhưng tính vợ Nhân không được như chồng. Xưa nay đối với những kẻ rách rưới, chị ta thường tỏ vẻ coi thường. Vả, chị ta không cùng sống những ngày hàn vi với Nhân nên có thấy đâu tình nghĩa giữa Nhân và Quắc như thế nào. Nhưng thấy chồng trọng đãi khách nên lúc đầu chị không dám nói gì. Nhân luôn luôn bảo vợ: "Đây là người thân nhất trong đời tôi. Nếu không có bạn thì tôi chưa chắc đã sống để gặp nàng". Vợ Nhân chỉ lẩm bẩm: "Khéo! Bạn với bè! Chỉ có ngồi ăn hại". Dần dần vợ Nhân bực mình ra mặt. Chị ta khó chịu vì cái ông khách lạ tự dưng ở đâu đến chả giúp ích gì cho nhà mình, chỉ chễm chệ trên giường cao, cơm rượu mỗi ngày hai bữa. Vợ Nhân trước còn nói mát sau thì ngoa ngoắt ra mặt. Có hôm người đàn bà ấy đay nghiến cả chồng lẫn khách:
-Chẳng phải bố già, không phải khách nợ, ở đâu lại rước về thờ phụng: ăn no lại nằm. Thôi liệu mà tống quách đi!
Thấy thái độ vợ ngày càng quá quắt, chồng chỉ sợ mất lòng bạn. Một mặt Nhân thân hành chăm chút bạn chu đáo hơn cả lúc trước, mặt khác Nhân tỷ tê khuyên dỗ vợ. Nhưng vợ Nhân chứng nào vẫn giữ tật ấy. Về phần Quắc thì chàng hiểu tất cả. Đã hai lần Quắc cáo bạn xin về nhưng Nhân cố giữ lại. Thấy bạn chí tình, Quắc lại nấn ná ít lâu. Nhưng hôm đó Quắc quả quyết ra đi vì chàng vừa nghe được những câu nói xúc phạm nặng nề. Quắc nghĩ, nếu mình không đi sớm thì có ngày bị nhục với người đàn bà này. Mà nếu ra đi như mấy lần trước thì sẽ bị bạn chèo kéo lôi thôi. Một hôm, trời còn mờ sương, Quắc cất lẻn ra khỏi nhà. Để cho bạn khỏi mất công tìm kiếm, khi đi qua một khu rừng, chàng cởi khăn áo treo lên một cành cây bên đường. Đoạn Quắc lần mò đến xứ khác trở lại cuộc đời dạy trẻ. Thấy mất hút bạn, Nhân bổ đi tìm. Khi nghe tin có người bắt được khăn áo ở mé rừng phía Nam, chàng lật đật đến xem. Nhận rõ ấy là khăn áo của bạn, Nhân rất thương cảm: "Ta nuôi bạn thành ra hại bạn! Chắc bạn ta bị cướp giết chết". Nhưng sau đó Nhân lại nghĩ khác: "Bạn ta ra đi trong túi không có một đồng một chữ thì dầu có gặp cướp cũng không việc gì. Đây một là hùm beo ăn thịt, hai là bị lạc trong rừng sâu". Nhân bắt đầu vào rừng tìm Quắc. Không thấy có vết máu, chàng lại càng hy vọng. Băng hết chông gai, chui hết bụi rậm, Nhân luôn luôn cất tiếng gọi: "Anh Quắc ơi! Quắc! Quắc!". Nhân đi mãi, gọi mãi, quanh quẩn trong rừng mênh mông. Cho đến hơi thở cuối cùng con người chí tình ấy vẫn không quên gọi: "Quắc! Quắc!". Rồi đó Nhân chết hóa thành chim quốc, cũng gọi là đỗ quyên. Vợ Nhân đợi mãi không thấy chồng về, lấy làm hối hận. Một hôm chị ta bỏ nhà bỏ cửa đi tìm chồng. Cuối cùng cũng đến khu rừng phía Nam. Nghe tiếng "Quắc! Quắc!", chị ta mừng quá kêu to: "Có phải anh đấy không anh Nhân!" Không có tiếng trả lời ngoài những tiếng "Quắc! Quắc!". Vợ Nhân cứ thế theo tiếng gọi tiến dần vào rừng sâu. Sau cùng không tìm được lối ra, chết bên cạnh một gốc cây.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

I Nguồn gốc sự vật

**Sự tích chim đa đa**

Ngày xưa có một em bé mồ côi cha từ hồi còn nhỏ. Người mẹ sau một thời gian tang chế cũng đi lấy chồng. Vì bà con thân thích nội ngoại không còn ai nên nó phải theo mẹ về ở với bố ghẻ. Bố ghẻ tính rất vũ phu, coi cả hai mẹ con như kẻ ăn đứa ở. Nhất là thằng bé chưa biết làm gì cả, nên hắn lại càng ghét dữ. Nhiều lúc có việc trái ý, hắn đánh thằng bé thâm tím cả mình mẩy. Nhà hắn cũng không có gì. Hắn thường sinh nhai bằng cách lên rừng đốn củi. Người đàn bà vừa về với hắn được một ngày đã phải gánh củi của chồng đi bán ở chợ. Không may, năm đó trời làm mất mùa. Miếng ăn kiếm rất chật vật. Củi rẻ như bèo. Trước kia một gánh củi nuôi sống gia đình được mấy ngày thì bây giờ không đủ nuôi được một bữa. Thằng bé chưa làm được nghề ngỗng gì cả, trở nên một cái gai trước mắt bố ghẻ.
-Thằng bé này chỉ ăn hại đái nát. Chỉ làm cho ta khó khăn thêm. Hắn bảo vợ thế và khuyên vợ đem con đi bán cho kẻ khác nuôi. Nhưng người đàn bà nhất quyết không chịu. Thà là cả hai mẹ con cùng chết chứ bà không đời nào chịu lìa con. Người bố ghẻ bèn có ý định muốn giết chết con riêng của vợ. Mạng người lúc này nhỏ bằng cái tơ cái tóc. Huống chi đối với hắn, hắn chẳng coi ra gì. Nạn đói coi chừng đang kéo dài và ngày càng dữ dội. Một gánh củi lớn bây giờ không đổi nổi một bát gạo. Hôm đó, chờ lúc vợ đi chợ sớm, hắn đưa thằng bé lên rừng. Hắn rủ:
-Mày có muốn trèo ổi và bắt bướm không? Trên ấy thì tha hồ. Thằng bé nghe thế lấy làm thích, cố xin đi theo cho được. Cảnh rừng có nhiều cái lạ làm cho thằng bé lon ton chạy theo bố ghẻ không biết mệt. Người đàn ông đưa nó vào rừng sâu. Khi đến chỗ mấy cây ổi rừng, hắn bảo thằng bé:
-ổi đấy. Và có bát cơm đây. Chốc nữa tao lại tìm. Thế rồi hắn bỏ mặc thằng bé, lẳng lặng chui ra, đến một chỗ khác kiếm củi. Nhưng buổi chiều, khi bước chân vào nhà hắn lấy làm ngạc nhiên thấy thằng bé đã về trước hắn rồi. Số là thằng bé trong khi đang bơ vơ giữa rừng rậm thì may mắn gặp một bọn đi đào khoai mài về ngang. Thế là họ đưa nó về. Nhờ có bát cơm, nó vẫn đủ sức đi được đến nhà. Nghe đứa bé kể, hắn bực mình vô hạn. Hắn vờ mắng:
-Chỉ vì mày, làm tao tìm mãi không được! Một lần khác hắn lại dỗ được đứa bé đi theo lên rừng. Lần này hắn cố tâm đưa nó vào thật sâu, đến những nơi chưa ai dám tìm vào hái củi bao giờ. Khi trốn khỏi thằng bé, hắn nghĩ bụng: "Không chết vì thú dữ thì cũng chết vì lạc, không chết vì lạc thì cũng chết đói mà thôi". Mãi đến chiều tối vẫn không thấy bố ghẻ trở lại, thằng bé khóc lóc, kêu gào nhưng chỉ có tiếng vọng của núi rừng trả lời nó thôi. Nó cuống cuồng chạy tìm khắp mọi ngả nhưng không hề thấy một bóng người. Khi đã mệt lử và đói bụng, nó tìm đến chỗ bát cơm của bố ghẻ để lại thì không ngờ đấy là một bát cát trên có rắc một lớp cơm với một quả cà để đánh lừa. Thằng bé nhặt những hạt cơm phủi cát bỏ vào miệng. Cuối cùng đói quá, nó cầm lấy bát chạy khắp nơi và kêu lên: "Bố ghẻ ơi! Bát cát quả cà! Bát cát quả cà!" Nhưng tiếng kêu gào của nó chỉ làm cho một vài con chim rừng giật mình mà thôi. Rồi thằng bé chết, hóa thành chim đa đa, luôn luôn kêu những tiếng "Bát cát quả cà! Bát cát quả cà!" Đợi mãi không thấy con về, người đàn bà khóc thương vô hạn. Đoán biết thằng chồng tàn bạo đã ám hại con mình, bà ta đứng lên xỉa xói vào mặt hắn. Cuối cùng bà ta bắt hắn phải đi kiếm con mình về ngay, nếu không sẽ lên quan tố cáo. Túng thế hắn phải vào rừng. Hắn tìm mãi. Đột nhiên trong khu rừng hẻo lánh nổi lên mấy tiếng "Bát cát quả cà". Hắn rụng rời. Đích thị là oan hồn thằng bé đã lên tiếng vạch tội ác của hắn. Nghe luôn mấy tiếng liên tiếp, hắn không còn hồn vía nào nữa, vội bỏ chạy. Nhưng mấy tiếng "Bát cát quả cà" đuổi theo hắn. Hắn chạy mãi, băng hết khu rừng nọ sang khu rừng kia. Tự nhiên hắn vấp phải đá ngã xuống bất tỉnh nhân sự. Mấy ngày sau, những người tiều phu thấy thi thể hắn nằm vật ở mé rừng.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

I Nguồn gốc sự vật

**Sự tích con muỗi**

Có hai vợ chồng nhà nọ yêu nhau rất mực. Ngày mới lấy nhau, họ đã từng ăn thề hẹn không bỏ nhau. Nếu không may một trong hai người chết đi thì người kia sẽ chết theo để xuống âm ty cho có bạn. Sau đó không bao lâu, người vợ trẻ tự nhiên bị cái chết mang đi một cách đột ngột. Không ai có thể tả được hết tình cảnh đau thương của người chồng. Anh chàng đã mấy lần toan tự tử, nhưng bị người nhà ngăn trở và canh phòng ráo riết. Hôm sắp sửa cất đám bỗng có một đạo sĩ đến bày cho chàng phép cải tử hoàn sinh mà theo lời ông ta, đã từng có nhiều người dùng rất ứng nghiệm. Phép của ông ta chẳng có gì khó, chỉ cần người sống gan dạ và kiên trì một chút là được. Nghĩa là người sống mỗi ngày ba lần ôm ấp và truyền hơi ấm của mình vào cho tử thi. Làm luôn như thế không nghỉ ngày nào thì chỉ trong khoảng ba tháng mười ngày là người chết sống lại. Người chồng cảm ơn đạo sĩ và làm đúng như lời dặn, hy vọng đưa người yêu trở lại cõi thế. Ngày ngày chàng ôm ấp vợ, truyền sức nóng, hơi thở của mình vào cái xác đã lạnh toát. Nhưng sau đó ba ngày, mùi thối của tử thi bay ra khắp xóm làm cho mọi người không chịu được.
Họ kéo nhau đến nhà bắt chàng phải chôn lập tức. Bất đắc dĩ, người chồng nhờ xóm giềng chặt nứa làm giúp một cái bè để mình đưa xác vợ đi một nơi khác. Nhiều người vui lòng giúp anh chàng trong việc này. Chỉ trong nửa ngày, hắn đã chở xác người yêu đi biệt. Chiếc bè theo dòng nước trôi mãi. Người chồng vẫn ngày ngày ấp ủ vợ không thôi. Cái tử thi đó trông vẫn như người nằm ngủ. Lòng anh chàng tràn trề hy vọng. Đến một nơi kia, hắn cắm bè lại kề một bãi cỏ rộng, lên bộ nấu ăn. Tình cờ trong khi đi nhặt củi chàng ta gặp một cụ già. Nhìn thấy ông cụ chống gậy đi một mình giữa cảnh trời nước hoang vu, lại râu tóc trắng xóa, hình dung không có gì là lam lũ, chàng trẻ tuổi lấy làm ngạc nhiên. Hắn đang suy nghĩ thì thoáng cái ông cụ đã đứng trước mặt. Hiểu ngay đó là bậc Tiên Phật, hắn vội phục xuống chân cụ già rồi kể lể sự tình, cuối cùng không quên cầu khẩn ông cụ sinh phúc giúp cho vợ mình sống lại. Cụ già đó chính là đức Phật, thấy anh chàng nài nỉ hết sức, bèn thương tình, đi theo xuống bè, bảo hắn chích máu ngón tay trỏ ba giọt vào miệng vợ. Tự nhiên người đàn bà mấp máy môi rồi từ từ ngồi dậy như vừa tỉnh một giấc mơ. Trước khi ra về đức Phật có hỏi người vợ:
-Anh chàng này cho vay ba giọt máu để ngươi được hồi sinh. Vậy nhà ngươi có yêu anh ta chăng? Trước câu thề bồi chắc nịch của người đàn bà, đức Phật bảo:
-Không can gì. Nếu không yêu nữa thì chỉ việc trả lại ba giọt máu cho anh ta là đủ!
\* \* \*
Thấy bọn họ nóng lòng muốn trở về quê hương, đức Phật gọi một con cá sấu khổng lồ từ dưới vực sâu lên bảo chở họ đi. Cá sấu vượt sông được nửa ngày đường thì bụng đã đói. Nó bảo hai vợ chồng lên bộ nghỉ ngơi để cho nó đi tìm cái ăn. Hai vợ chồng dắt nhau vào quán cơm. Trong quán hôm đó có một người khách thương sang trọng. Hắn ta thấy nhan sắc người vợ diễm lệ ít ai sánh kịp thì bỗng nảy tà tâm, mưu toan chiếm đoạt. Hắn lân la lại gần, đưa các mẫu hàng tơ lụa và đồ trang sức ra vờ chào khách, kỳ thực là để tán tỉnh người đàn bà đẹp. Hắn nói trong thuyền hắn đậu ở gần đấy còn có nhiều món hàng nữa rất quý và rẻ, muốn mời họ xuống xem. Nhưng người chồng thì chẳng thiết một tí nào. Cơm nước xong, chàng bỏ mặc người khách thương, dắt vợ ra bến vắng, ở chỗ hẹn với cá sấu, ngồi đợi. Họ ngồi dưới bóng cây trò chuyện một chốc rồi vì mệt quá, ngủ quên lúc nào không biết. Họ cũng chẳng ngờ sau lưng họ, người khách thương kia vẫn theo hút không rời. Khi thấy hai người nằm ngủ, hắn đi nhẹ đến thức riêng người vợ dậy, mời nàng xuống thuyền đậu kề đó để hắn biếu một món trang sức: "Thuyền của tôi chỉ cách đây mươi bước. Bà không phải đợi lâu đâu!"
Nghe nói thế, lòng người đàn bà bỗng thấy lay chuyển. Nàng đứng lên, đi theo người khách thương xuống thuyền. Chỉ trong nháy mắt, theo ám hiệu của chủ, bọn thủy thủ chiếc thuyền buôn nhổ neo và giong buồm cho thuyền chạy mất. Lại nói chuyện cá sấu lúc ngoi lên chỗ hẹn thì thấy chỉ có một mình người chồng, bấy giờ vẫn đang ngủ say. Cá sấu thức chàng dậy hỏi chuyện. Anh ta ngơ ngác không hiểu thế nào. Một mất mười ngờ, hắn đổ tội cho cá sấu đã ăn thịt mất vợ. Để giải mối ngờ, cá sấu mới bảo hắn kiếm cây luồn qua miệng mình, khua trong dạ dày xem thử cho biết. Anh chàng làm theo, chỉ thấy trong bụng cá sấu toàn là xương cá và đá cuội, mới biết mình ngờ sai. Tìm khắp mọi nơi chẳng thấy vợ, hắn trở về bến, ôm đầu kêu khóc rất thảm thiết. Cá sấu thương tình bèn bảo hắn cưỡi lên lưng rồi phóng đi, đuổi theo những chiếc thuyền vừa qua lại để dò tìm tung tích. Sau mấy lần dò hỏi, người ta cho biết một chiếc thuyền buôn vừa đi qua, trong đó có một người đàn bà trẻ và đẹp. Họ tả nét mặt và hình dạng thì đúng là vợ chàng. Cá sấu bèn cố công đuổi riết. Khi nhìn thấy vợ ngồi trong thuyền khách thương, người chồng nói với vào:
-Nàng cứ nhảy ra đây... Tôi không thể sống xa nàng được... Tôi sẽ làm cho nàng sung sướng... Nhưng người vợ trả lời chồng:
-Chàng về đi! Em đành phụ chàng. Chàng tha thứ cho em vậy. Rồi đưa cho chồng một gói vàng:
-Chàng hãy nhận lấy vật này và coi như em đã chết từ hôm nào rồi. Vừa bực tức vừa thất vọng, chồng ném gói vàng xuống nước rồi nhờ cá sấu đưa mình trở lại tìm đức Phật. Khi đức Phật gặp bọn họ, liền giục cá sấu hối hả rượt theo chiếc thuyền khách thương để cho anh chàng thất tình đòi lại ba giọt máu của mình. Lại nói chuyện người đàn bà sau khi chích máu ở tay để lấy ra ba giọt trả nợ cho chồng thì ngã vật xuống chết ngay. Người khách thương hết sức chữa chạy nhưng vô hiệu. Rồi sau đó hắn ném xác nàng xuống biển. Nhưng do phép mầu của đức Phật, người đàn bà ấy hóa thành con muỗi. Vì thiếu máu, nên lúc nào muỗi cũng lén lút đi chích trộm của mỗi người một tý để sống.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

I Nguồn gốc sự vật

**Sự tích con khỉ**

Ngày xưa có một người con gái đi ở với một nhà trưởng giả. Nàng phải làm việc quần quật suốt ngày, lại bị chủ đối đãi rất tệ. Cái ăn cái mặc đã chả có gì mà thỉnh thoảng còn bị đánh đập chửi mắng. Vì thế, cô gái tuổi mới đôi mươi mà người cứ quắt lại, trông xấu xí bệ rạc hết chỗ nói. Một hôm nhà trưởng giả có giỗ, cỗ bàn bày linh đình, họ hàng đến ăn uống đông đúc. Trong khi đó thì cô gái phải đi gánh nước luôn vai không nghỉ. Lần gánh nước thứ mười, cô gái mỏi mệt quá ngồi lại ở bờ giếng. Tự nhiên cô thấy tủi thân, ôm mặt khóc. Lúc đó đức Phật bỗng hiện ra với trạng mạo một ông cụ già. ạng cụ có vẻ đâu từ xa lại, dáng điệu mệt nhọc đến xin nước uống. Nàng vội quảy gánh xuống giếng vực nước lên cho ông già giải khát. ạng cụ uống xong lại đòi ăn. Cô gái nhớ tới phần cơm của mình chưa ăn, bèn bảo ông cụ ngồi chờ rồi quảy gánh nước về. Lần sau ra giếng, cô lấy cơm trong thùng đưa cho ông già và nói:
-Họ dành phần cho con toàn cơm cháy cả, cụ ăn một bát này cho đỡ đói. †n xong, ông cụ bảo nàng:
-Hồi nãy làm sao con khóc? Cô gái ngập ngừng, cúi mặt xuống không trả lời.
-Ta là đức Phật,
-ông cụ nói tiếp,
-ta thấy con có lòng tốt. Nếu con muốn gì, ta sẽ làm cho con vui lòng. Cô gái ngạc nhiên mừng rỡ, kể nỗi lòng với đức Phật. Thấy điều ước muốn của người con gái chỉ là làm sao cho bớt xấu xí, ông cụ bảo nàng lội xuống giếng, hễ thấy bông hoa nào đẹp mút lấy thì sẽ được như nguyện. Khi xuống nước, cô gái chỉ mút mấy bông hoa trắng. Tự nhiên lúc lên bờ, nàng trở nên trắng trẻo xinh xắn, đồng thời quần áo cũng biến thành những thứ tốt đẹp. Khi cô gái quảy gánh nước trở về, cả họ nhà trưởng giả vô cùng kinh ngạc. Nàng xinh đẹp đến nỗi họ không thể nào nhận ra. Nghe cô gái kể chuyện, ai nấy cũng muốn cầu may một tí. Họ lập tức đổ xô cả ra bờ giếng mong gặp lại đức Phật để được trẻ lại và đẹp ra. Thấy ông cụ già vẫn còn ngồi ở chỗ cũ, họ sung sướng như người được của. Họ đưa xôi thịt ra mời tới tấp:
-Này cụ xơi đi! Cụ xơi đi. Rồi cụ làm phúc giúp cho chúng tôi với! Đức Phật cũng bảo họ lội xuống giếng và dặn họ y như dặn cô gái lần trước. Dưới giếng lúc đó đầy hoa đỏ và hoa trắng. Ai nấy đều cho màu đỏ là đẹp nên khi lội xuống giếng đều tìm hoa đỏ mút lấy mút để. Nhưng không ngờ lúc lên bờ, họ không phải trẻ lại mà già thêm ra: mặt mũi nhăn nheo, người trông quắt lại, lông lá mọc đầy người, đằng sau lưng là cả một cái đuôi. Những người đi gánh nước thấy vậy hoảng hồn: "Kìa trông con quỷ, nó cắn bà con ôi!". Nhưng lại có những tiếng khác: "Đánh cho chết chúng nó đi! Sợ gì". Lập tức mọi người cầm đòn gánh xông lại. Cả họ nhà trưởng giả kinh hoàng bỏ chạy một mạch lên rừng. Từ đó, cô gái cùng với số người nghèo hầu hạ trưởng giả được hưởng những của cải do chúng để lại. Lại nói chuyện trưởng giả và họ hàng đành phải nấp náu trong rừng sâu, ngày ngày kiếm quả cây nuôi thân. Chúng đi lom khom, áo quần rách nát trông rất thiểu não. Nhưng chúng vẫn tiếc của. Cho nên thỉnh thoảng ban đêm chúng lại mò về, hoặc gõ cửa, hoặc ngồi trước nhà kêu léo nhéo suốt đêm, gần sáng mới trở về rừng. Thấy vậy cô gái và mọi người sợ quá, đêm đêm đóng cửa rất chặt. Họ bàn nhau tìm cách đuổi chúng. Họ bôi mắm tôm vào các cánh cửa, lại nung nóng rất nhiều lưỡi cày đặt rải rác ở cổng các nhà. Quả nhiên, một đêm nọ chúng lại mò về. Theo lệ thường, chúng đánh đu vào song cửa kêu rít lên. Nhưng lần này chúng vừa mó đến đã bị mắm tôm vấy đầy tay, rồi từ tay vấy khắp cả người, hôi hám không thể nói hết. Chúng kinh sợ dắt nhau ra ngồi trước cổng quen như thói cũ. Nhưng vừa đặt đít ngồi xuống các lưỡi cày thì chúng đã kêu oai oái, rồi ba chân bốn cẳng bỏ chạy lên rừng. Từ đó chúng kệch không dám về nữa. Trong những khi lên rừng hái củi, người ta thỉnh thoảng vẫn gặp chúng. Thấy bóng người từ đàng xa, chúng liền chuyền theo nhánh cây, lủi nhanh thoăn thoắt. Người ta gọi chúng là những con khỉ. Ngày nay vẫn có nhiều người cho khỉ là thuộc nòi trưởng giả. Còn những con khỉ sở dĩ đỏ đít là vì chúng chịu di truyền dấu vết bỏng đít của tổ tiên.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

I Nguồn gốc sự vật

**Sự tích cá he**

Ngày xưa có một nhà sư trẻ tuổi rất ngoan đạo. Sau hơn ba mươi năm khổ công tu luyện, sư thuộc lòng tất cả các kinh kệ nhà Phật, lại giỏi thuyết pháp. Vậy mà lâu rồi vẫn chưa được thành chính quả. Sư bụng bảo dạ: "Phải đến đất Phật một phen mới có hy vọng thành Phật". Nghĩ vậy, sư ta quyết chí tìm đường sang Tây Trúc. Đường đi từ nước nhà sang Tây Trúc thuở đó thật muôn phần vất vả. Việc giao thông hầu hết là đường bộ, mà đi bộ trên con đường mịt mùng thăm thẳm thì mỗi bước là một hiểm nguy. Nhưng nhà sư trẻ tuổi vẫn quả quyết nhằm hướng Tây khởi hành.
Cuộc hành trình đã được năm mươi ngày. Nhà sư đã nhiều lần lạc đường và mấy lần mê man vì sốt, nhưng nhờ được giúp đỡ nên đều qua khỏi. Hễ dứt bệnh là chàng lại tiếp tục cuộc hành trình. Một hôm, đến một khu rừng thì trời đã chiều. Sư cố bước dồn hòng tìm một nơi nghỉ vì trong người đã thấy ớn rét. May sao giữa rừng sâu, sư bỗng gặp một ngôi nhà. Nghe tiếng gọi cửa, một bà cụ già bước xuống sàn. Sư tỏ ngay ý định của mình là xin ngủ nhờ một đêm. Nhưng bà cụ vừa thấy khách đã xua tay rối rít:
-Đi mau lên! Mau lên! Con ta mà về thì không còn tính mạng đâu. Sư đáp:
-Tôi bây giờ thật là kiệt sức, không thể nào bước được nữa. Nếu không cho nghỉ thì cũng đành nằm liều trước cửa đây thôi. Bà cụ bảo:
-Chao ôi! Con ta vốn là ác Lai hay ăn thịt người. Cố đi nhanh lên, bây giờ nó sắp về rồi đó. Nhưng sư đã vứt tay nải, nằm vật xuống đất. Hai đầu gối va vào nhau chan chát. Bà cụ không biết nói thế nào nữa, đành nắm tay y lôi đến một cái hầm đá lớn. Sau khi đẩy vào, bà cụ bảo y phải giữ cho thật im lặng để tránh một cái chết thê thảm. Đoạn, bà cụ chất củi phủ lá rất kín đáo. Trời tối hẳn thì ác Lai về đến nhà, tay xách một con mang. Hắn dừng lại ở chân thang và khịt mũi mãi. Hắn nói:
-Có mùi thịt mẹ ạ! Mẹ hắn đáp:
-Thì chả thịt mày mang về đấy là gì?
-Không phải. Thịt người. Con biết lắm. Có thịt người. Bà cụ chưa kịp can thì hắn đã quẳng con mang lên sàn rồi chạy đi tìm. Chả mấy chốc, hắn đã lôi được nhà sư bất tỉnh nhân sự từ dưới hầm về phòng mình. Khi sư tỉnh dậy thì đã thấy ác Lai đang cầm một mũi mác lăm lăm ở tay. Hắn quát:
-Mày đi đâu?
Sư nhìn kỹ thấy hắn cũng không khác gì người thường bèn tỉnh táo đáp:
-Tôi đi tìm Phật.
-Tìm để làm gì? Sư bấy giờ mới nói rõ mục đích của mình. Rồi luôn miệng, sư giảng giải đạo từ bi cho hắn. Sư nói mãi, nói mãi, kể lại bao nhiêu nỗi gian truân dọc đường, và niềm mong muốn cuối cùng là làm sao được nhìn mặt đức Phật để Phật độ cho thành chính quả. Sư nói khéo quá, đến nỗi mẹ con ác Lai đều cảm động đến rơi nước mắt. Thấy họ thành thật hối lỗi, sư cho họ biết là họ cũng sẽ trở nên "vô sinh vô diệt", sẽ sống một đời sống bội phần sung sướng trên Nát-bàn, nếu họ nhất quyết bỏ ác làm thiện. Tự nhiên mũi mác ở tay ác Lai rơi xuống sàn. Những đường nhăn hung ác mới đó giờ đã dịu lại. Sáng hôm sau, khi sư sắp sửa lên đường thì mẹ con ác Lai vui vẻ sắp sẵn lương thực cho chàng. Họ lại tiễn đưa sư sang tận bên kia một ngọn núi đá. Khi sắp từ biệt, ác Lai hỏi:
-Tôi biết lấy gì mà dâng Phật đây? Sư đáp:
-"Tâm tức thị Phật, Phật tức thị tâm". Chỉ dâng tấm lòng mình là đủ. Sư không ngờ ác Lai đã rút mũi mác, nhanh như cắt tự rạch bụng mình lôi ra cả một mớ ruột gan đưa cho sư và nói:
-Nhờ hòa thượng đưa hộ dâng lên đức Phật. Sư lấy làm bối rối quá. Chỉ vì ác Lai hiểu nhầm lời nói của mình. Bây giờ còn biết làm thế nào đây. Cuối cùng sư ta đành nhìn vào cặp mắt của ác Lai, gật đầu nhận lời rồi gói bộ lòng của con người đáng thương đó lại và quảy lên vai, cất bước ra đi. Sư vừa đi được mấy ngày thì khu rừng rậm chấm dứt, biển lộ ra trước mặt mênh mông bát ngát. Nước trời một vẻ trông rất vui mắt, nhưng trong bụng sư lại chẳng vui một tí nào. Món lễ vật của đức Phật đè nặng trên vai. Nếu chỉ có thế thì không có gì đáng ngại cho lắm. Khổ một nỗi là mùi thối từ bộ lòng kia xông ra khó tả. Sư đã bọc nó ba tầng bốn lớp mà mùi thối vẫn nồng nặc. Sư lẩm bẩm: "Như thế này thì các nhà quán dọc đường còn ai dám chứa mình". Qua ngày hôm sau, không thể chịu nổi nữa, sư bèn vứt bộ lòng ác Lai xuống biển. Nhà sư đi mãi rồi cũng đến Tây Trúc. Nhưng khi phủ phục trước Phật đài nói lên nỗi thắc mắc của mình vì sao chưa được đắc đạo thì bỗng nhiên trên điện cao có tiếng vọng xuống bảo chàng: "Còn thiếu một vật nữa mới thành chính quả". Sư rất đỗi kinh ngạc, cố ngước mắt nhìn lên một tí. Trên cao vòi vọi, sư thấy đức Phật ngự giữa tòa sen sáng chói, sau lưng có bóng dáng hai người tựa hồ như hai mẹ con ác Lai. Sư bỗng hiểu hết: Đức Phật đã rõ sự thiếu thành thực, thiếu tận tâm của mình rồi; còn mẹ con ác Lai nay đã thành chính quả chỉ là nhờ trong một lúc, ngộ đạo mau lẹ và chân thành. Sư nằm phục vị hồi lâu, lòng thẹn thò vô kể.
\* \* \*
Nhà sư ta sau đó lại trở về chốn cũ để tìm lại bộ lòng. Tuy biển mênh mông sâu thẳm, nhưng sư cũng cố lặn ngụp để mong thấy lại món quà dâng Phật mà ác Lai gửi cho mình. Sư nghĩ chỉ có làm thế mới dám nhìn lại mẹ con ác Lai và hy vọng tới gần tòa sen đức Phật. Sư bơi lên lặn xuống mãi. Sau đó sư hóa làm loài cá mà người ta vẫn gọi là cá he, cũng gọi là cá nược hay có nơi gọi là cá ông sư. Vì cho đến ngày nay dòng dõi loài cá đó con nào con ấy có cái đầu trọc như đầu ông sư và vẫn làm cái việc của nhà sư, nghĩa là chúng đi hàng đàn, cứ lặn xuống nổi lên luôn không chịu nghỉ. Những người đánh cá còn nói loài cá he rất ghét những ai trêu chọc mình. Ai trêu chọc nghĩa là gợi lại chuyện cũ của tổ tiên chúng nó, chúng nó sẽ làm cho đắm thuyền rách lưới. Trái lại, ai khen ngợi reo hò thì chúng nó sẽ lặn xuống nổi lên nhiều lần cho mà xem.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

I Nguồn gốc sự vật

**Sự tích con sam**

Ngày xưa có hai vợ chồng một người đánh cá nghèo. Một hôm người chồng ra khơi với bạn nghề. Không may có một trận bão rất lớn nổi lên giữa lúc họ đang thả lưới. Không một người nào thoát khỏi tai nạn. Tin dữ về đến làng, tất cả mọi gia đình đánh cá đều đau khổ. Tiếng khóc lan đi các nhà. Riêng người đàn bà lòng đau như cắt. Như điên như cuồng, bà bỏ nhà ra đi, hy vọng tìm thấy chồng. Bà cứ theo bờ biển đi, đi mãi. Trải qua hai ngày đến một hòn núi lớn. Bà trèo lên rồi vì mệt quá ngủ thiếp dưới một gốc cây. Đang ngủ bỗng có một tiếng nổ dữ dội. Bà choàng dậy thấy một ông lão đầu tóc bạc phơ đứng trước mặt mình, hỏi:
-Người là ai mà dám đến nằm trước nhà ta? Người đàn bà mếu máo đáp:
-Tôi đi tìm chồng. Cụ làm ơn chỉ giúp kẻo tôi nóng lòng nóng ruột quá! Cụ già nói:
-Ta là thần Cây. Thấy nhà ngươi chung tình ta rất thương. Vậy ta báo cho biết là chồng ngươi còn sống, hiện ở ngoài hải đảo. Nói rồi, ông cụ trao cho người đàn bà một viên ngọc và bảo:
-Ngươi hãy ngậm viên ngọc này vào miệng thì sẽ bay qua được biển để gặp chồng. Nhưng phải nhớ là nhắm mắt ngậm miệng kẻo rơi ngọc mà nguy đó. ạng cụ nói xong biến mất. Bà ta lấy ngọc ngậm vào miệng và nhắm mắt lại. Thốt nhiên trời bỗng nổi gió ù ù. Bà thấy người như nhẹ bỗng, hai bên tai nghe tiếng vo vo. Được một lúc sau thấy chân chấm đất, bà mở mắt ra thì thấy mình đang đứng trên một bãi cát lạ mà gió bấy giờ đã lặng. Trông thấy chồng ngồi co ro trên bãi, bà mừng quá. Hai vợ chồng hàn huyên một hồi lâu rồi mới tính chuyện trở về làng cũ.
Người chồng ôm ngang lưng vợ để vợ đưa qua biển cả. Lòng người vợ sung sướng không thể nói hết. Vì thế, bà ta đã quên mất lời của thần Cây dặn. Miệng mắc ngậm ngọc nhưng bà vẫn cố hỏi chuyện chồng. Đột nhiên viên ngọc văng ra giữa không trung. Bà chỉ kịp kêu lên một tiếng rồi cả hai vợ chồng đều sa xuống biển. Rồi đó họ hóa thành những con sam. Ngày nay, những con sam thường đi cặp đôi ở dưới nước, lúc nào con sam đực cũng ôm lấy con sam cái như khi chồng ôm vợ để bay qua biển. Có câu tục ngữ "Thương như sam", là do truyện này mà ra.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

I Nguồn gốc sự vật

**Sự tích con dã tràng**

Có hai vợ chồng một ông già tên là Dã Tràng. Trong vườn họ có một hang rắn. Thường ngày làm cỏ gần đấy, ông già vẫn thấy có một cặp vợ chồng rắn hổ mang ra vào trong hang. Một hôm, con rắn chồng bò ra khỏi hang một mình. ạng nhìn thấy rắn vợ nằm cuộn ở trong. Vì mới lột nên mình mẩy nó yếu ớt không cựa quậy được. Một lúc lâu, rắn chồng bò trở về, miệng tha một con nhái đút cho vợ ăn. ít lâu sau, Dã Tràng lại thấy rắn vợ bò ra khỏi hang một mình. Lần này rắn chồng đến kỳ lột nằm im thin thít, lốt da cũ còn bỏ lại bên hang. Hồi lâu, rắn vợ trở về, theo sau có một con rắn đực khác khá lớn. Dã Tràng thấy hai con bò đến cửa hang thì dừng lại rồi quấn lấy nhau như bện dây thừng. Một lát sau, con rắn đực một mình bò vào hang. Dã Tràng biết con rắn đực này toan làm gì rồi. ạng cảm thấy ngứa mắt, muốn trừ bỏ con rắn đó đi để cứu con rắn chồng đang lúc suy nhược. Lúc đó bên mình không có cái gì cả, ông bèn rút một mũi tên nhằm con rắn mới, bắn ngay một phát. Không ngờ mũi tên lại trúng đầu con rắn vợ chết tươi, còn con kia hoảng hồn chạy mất. Dã Tràng nghĩ cũng thương con rắn cái nhưng trong thương có lẫn cả giận, nên ông chán nản bỏ đi về nhà. Từ đó, ông không thèm để ý đến hang rắn nữa. Chừng dăm ngày sau, một hôm, Dã Tràng nằm võng thuật chuyện vợ chồng con rắn cho vợ nghe và vui miệng, ông kể luôn những việc mình đã thấy và đã làm. ạng kể vừa dứt lời thì bỗng nghe trên máng nhà có tiếng phì phì. Cả hai người hốt hoảng nhìn lên thì thấy có một con rắn hổ mang rất lớn, đuôi quấn lấy xà nhà, đầu vươn tới gần chỗ ông nằm, miệng nhả một viên ngọc. ạng vừa cầm lấy thì bỗng nghe được tiếng rắn nói:
-ạng là ân nhân mà tôi cứ ngỡ là kẻ thù. Mấy hôm nay tôi đợi ông trên máng này chỉ chực mổ chết để báo thù cho vợ tôi. Nhưng vừa rồi nghe ông kể chuyện rõ ràng, tôi mới biết là lầm. Xin biếu ông viên ngọc nghe này. Đeo nó vào mình thì có thể nghe hiểu được mọi tiếng chim muông ở thế gian. Từ kinh ngạc đến sung sướng, Dã Tràng nhận viên ngọc quý và từ đó không bao giờ rời.
\* \* \*
Một hôm, Dã Tràng đang hái rau, bỗng có một bầy quạ đến đậu ở mấy ngọn cau nói chuyện lao xao. Chúng nó bảo Dã Tràng như thế này: "ở núi Nam có một con dê bị hổ vồ. Hãy lên đó lấy về mà ăn nhưng nhớ để lòng lại cho chúng tôi với". Dã Tràng làm theo lời quạ, quả thấy xác một con dê trên núi Nam. ạng xẻo lấy một ít thịt xâu lại xách về. Đến nhà, ông vội mách cho xóm giềng biết mà đi lấy, không quên dặn họ để bộ ruột dê lại cho bầy quạ. Nhưng ông không ngờ người trong xóm nghe tin ấy đua nhau đi đông quá, thành ra họ lấy hết cả, chẳng chừa một tý gì. Lũ quạ không thấy ruột dê, cho là Dã Tràng đánh lừa, bèn đổ xô đến vườn ông réo lên om sòm. Thấy vậy, ông biết là người trong xóm đã làm hại mình không giữ chữ tín với bầy quạ. ạng phân trần mấy lần nhưng bầy quạ không nghe, cứ đứng đó chửi mãi. Tức mình, ông bèn lấy cung tên ra bắn vào chúng. Chủ ý là để đuổi chúng đi chứ không định giết. Chẳng ngờ bầy quạ thấy vậy cho là ông lấy oán trả ân, liền cắp lấy mũi tên có đề tên Dã Tràng ở đuôi, tìm dịp báo thù. Lúc bay qua sông thấy một cái xác chết trôi, đàn quạ bèn đem mũi tên cắm vào yết hầu xác chết. Khi quan sở tại đến làm biên bản, thấy mũi tên, liền đoán Dã Tràng là thủ phạm, sai lính bắt ông hạ ngục.
Dã Tràng bị bắt bất ngờ, hết sức kêu oan, nhưng mũi tên là một chứng cớ sờ sờ làm cho ông đuối lý, đành chịu chui đầu vào gông. Tuy nhiên, ông vẫn một mực xin quan xét nỗi oan uổng. Thấy vậy, quan sai lính giải ông về kinh để vua phân xử. Từ đề lao tỉnh, ông lại bị điệu đi. Dọc đường trời tối bọn lính dừng lại quán ăn uống và nghỉ ngơi. Dã Tràng cổ bị gông, chân bị xiềng nằm trên đống rơm buồn rầu không ngủ được. Lúc trời gần sáng, ông nghe có một đàn chim sẻ bay ngang đầu nói chuyện với nhau: "Nhanh lên! Chuyến này sẽ không lo đói nữa mà cũng chả sợ ai đánh đuổi cả". Một con khác hỏi: "Của ai mang đến bỏ vương vãi thế nhỉ?". Con nọ trả lời: "Của vua nước bên kia. Họ toan kéo sang đánh úp nước bên này. Ngày hôm qua quân đội giáo mác kéo đi liên miên không ngớt. Nhưng xe thóc vừa sắp đến biên cương thì bị sụp hầm đổ hết. Họ đang trở về lấy thứ khác, cho nên chúng mình tha hồ chén". Nghe đoạn, chờ lúc bọn lính đến dẫn ông lên đường, Dã Tràng bảo họ:
-Xin các ông bẩm lại với quan rằng việc của tôi là việc oan uổng và nhỏ mọn không nên bận tâm, mà giờ đây có một việc quốc gia trọng đại và cấp bách nữa, cần tính liệu gấp. Bọn lính tra gạn ông mãi nhưng ông không nói gì thêm, chỉ nài rằng hễ có mặt quan mình mới tỏ bày rõ ràng.
Khi gặp mấy vị quan đầu tỉnh, Dã Tràng liền cho họ biết rằng vua Hiền Đế ở phương Bắc đã sai tướng cầm quân sang đánh úp nước mình. Hiện họ đang đóng quân đầy ở biên giới, chỉ vì bị sụp hầm, xe lương đổ hết, chưa tấn công được. Bây giờ họ đang vận thêm lương, chờ đầy đủ sẽ vượt cửa ải sang Nam. Bọn quan tỉnh lấy làm lo lắng nhưng cũng gạn hỏi ông có dám chắc như vậy không. Dã Tràng chỉ vào đầu mình đoan rằng nếu nói sai, ông sẽ xin chịu chết. Nhưng nếu lời của ông đúng thì xin bề trên phóng thích cho ông. Ngay lúc đó, những tên quân do thám được tung đi tới tấp mọi ngả để lấy tin. Chỉ nội ngày hôm sau, Dã Tràng đã được thả vì lời mách của ông quả đúng và vừa vặn để chuẩn bị đối phó với địch. Được tha, Dã Tràng đi bộ lần về quê nhà. Bóng chiều vừa ngả, ông mới đến vùng Hồng Hoa. ạng tìm vào nhà người bạn rất thân là Trần Anh nghỉ chân. Gặp lại bạn cũ, vợ chồng Trần Anh vui mừng khôn xiết. Nghe tin ông bị tra tấn giam cùm và suýt mất đầu, hai vợ chồng rất thương cảm. Thấy bữa ăn tối thết bạn không có gì, Trần Anh xuống bếp bảo vợ:
-Bạn ta đến lại gặp lúc trong nhà chả có gì ăn. Sẵn có cặp ngỗng, con nó đã khôn, ta làm thịt một con, ngày mai đãi bạn lên đường. Người vợ bằng lòng nhưng dặn chồng sáng dậy sớm bắt ngỗng và cắt tiết vặt lông giúp mình một tay. Trong khi hai vợ chồng bàn tính thì cặp ngỗng ở ngoài chuồng nghe được câu chuyện. Ngỗng trống bảo ngỗng mái: "Mình ôi! Mình hãy ở lại nuôi con, tôi sẽ đứng sẵn cho chủ nó bắt". Ngỗng mái không nghe, xin chết thay chồng. Nhưng ngỗng trống nhất quyết hy sinh, nên chạy ra sân từ giã đàn con: "Con ơi! Các con ở lại với mẹ nghe. Cha sẽ không bao giờ gặp lại các con nữa". Song ngỗng mái vẫn lạch bạch chạy theo, đòi chết thay chồng cho bằng được. Lúc bấy giờ Dã Tràng nằm trên bộ ván đặt kề cửa sổ nên nghe được tiếng ngỗng than thở. ạng bỗng thấy thương con vật vô tội chỉ vì mình mà phải lìa đàn con bé bỏng. ạng toan nói trước với bạn, nhưng thấy bất tiện. ạng đành nghe ngóng ở chỗ chuồng ngỗng chờ lúc bạn ra bắt thì sẽ cản lại. Suốt đêm hôm đó tuy mệt mà ông không dám ngủ. Quả nhiên, vào khoảng canh tư, Trần Anh thức dậy bước ra chuồng. Ngỗng trống xua ngỗng mái chạy rồi vươn cổ ra để cho bắt. Khi Trần Anh sắp cắt cổ ngỗng thì Dã Tràng đã lật đật chạy xuống bếp nắm lấy dao. ạng nói:
-Xin bạn thả nó ra. Tính tôi không hay sát sinh. Tình thân của đôi ta lọ phải cỗ bàn mới thân. Nếu bạn giết nó thì tôi lập tức đi khỏi chỗ này. Thấy bạn có vẻ quả quyết, Trần Anh đành thả ngỗng ra, rồi giục vợ chạy đi mua tép về đãi bạn. Cơm nước xong, Dã Tràng từ giã bạn lên đường về nhà. Đến ao, ông đã thấy vợ chồng ngỗng cùng với bầy con đứng chực ở đấy. Ngỗng đực tặng Dã Tràng một viên ngọc và nói:
-Đa tạ ân nhân cứu mạng. Không biết lấy gì báo đền, chúng tôi xin tặng người viên ngọc này, mang nó vào người có thể đi được dưới nước dễ dàng không khác gì trên bộ. Nếu đem ngọc này xuống nước mà khoắng thì sẽ rung động đến tận đáy biển. Ngỗng lại nói tiếp:
-Còn như con tép là vật đã thế mạng chúng tôi thì từ nay, dòng dõi chúng tôi sẽ xin chừa tép ra không ăn, để tỏ lòng nhớ ơn! Dã Tràng không ngờ có sự báo đáp quá hậu như thế, sung sướng nhận lấy ngọc rồi về. Khi đến bờ sông, Dã Tràng muốn thử xem công hiệu của viên ngọc mới, liền cứ để nguyên áo quần xuống nước. Thì lạ thay nước rẽ ra thành một lối cho ông đi thẳng xuống đáy sông. ạng dạo cảnh hồi lâu rồi cầm viên ngọc khoắng vào nước nhiều lần thử xem thế nào. Hôm đó, Long vương và các triều thần đang hội họp ở thủy phủ bỗng thấy nhà cửa lâu đài và mọi kiến trúc khác bỗng nhiên rung động cơ hồ muốn đổ. Ai nấy đều nháo nhác không hiểu duyên cớ. Vua lập tức truyền cho bộ hạ đi dò la sự tình. Bộ hạ Long vương đi theo con đường sóng ngầm lọt vào cửa sông thì thấy Dã Tràng đang cầm ngọc khoắng vào nước. Mỗi một lần khoắng như thế, họ cảm thấy xiêu người nhức óc. Tuy biết đích là thủ phạm, họ cũng không dám làm gì, chỉ tiến đến dùng lời nói khéo mời ông xuống chơi thủy phủ. Gặp Long vương, Dã Tràng cho biết đó là mình chỉ mới làm thử để xem phép có hiệu nghiệm chăng. Long vương và triều thần nghe nói, ai nấy đều xanh mắt. Nếu hắn làm thật thì thế giới thủy phủ sẽ còn gì nữa! Vì thế, Long vương đãi Dã Tràng rất hậu. ạng muốn gì có nấy. Cho đến lúc ông ra về, Long vương còn đem vàng bạc tống tiễn rất nhiều để mong ông nể mặt. Dã Tràng lên khỏi nước có bộ hạ của Long vương tiễn chân về tới tận nhà mới trở lại. Bà con xóm giềng thấy ông đã không việc gì mà lại trở nên giàu có thì ai cũng lấy làm mừng cho ông. Từ đó Dã Tràng rất quý hai viên ngọc. ạng may một cái túi đựng chúng và luôn luôn đeo ở cổ.
\* \* \*
Một hôm Dã Tràng đi bộ nửa ngày đường đến nhà một người bà con ăn giỗ. Lúc đến nơi, Dã Tràng sờ lên cổ giật mình mới nhớ ra vì vội quá nên ông đã bỏ quên mất túi ngọc ở nhà. ạng không thể nào còn an tâm ngồi ăn được. Mọi người đều lấy làm ngạc nhiên thấy ông vừa chân ướt chân ráo đến nơi đã vội cáo từ về ngay. Nhưng khi về đến nhà, ông tìm mãi vẫn không thấy túi ngọc đâu cả. ạng rụng rời cả người. Đi tìm vợ, vợ cũng không thấy nốt. Nóng ruột, ông lục lọi khắp nơi. Cuối cùng ông bắt được một mảnh giấy do vợ viết để lại gài ở chỗ treo áo.
Trong đó, vợ ông nói rằng có người của Long vương lên bảo cho biết hễ ai bắt được túi ngọc đưa xuống dâng Long vương thì sẽ được phong làm hoàng hậu. Bởi vậy bà ta đã trộm phép ông đưa túi ngọc xuống thủy phủ rồi, không nên tìm làm gì cho mệt. Đọc xong thư vợ, Dã Tràng ngất đi. ạng không ngờ vợ ông lại có thể như thế được. ạng cũng không ngờ âm mưu của Long vương thâm độc đến nước ấy. Nghĩ đến hai thứ bảo vật, ông tức điên ruột. Sau cùng, ông dự tính chở cát lấp biển thành một con đường đi xuống thủy phủ để lấy lại túi ngọc vì ông còn nhớ rõ đường lối đến cung điện của Long vương. Mặc dầu mọi người can ngăn, ông cũng không nghe, nên dọn nhà ra bờ biển để làm công việc đó. Ngày ngày ông xe cát chở đến bờ quyết lấp cho bằng được. Cho tận đến chết, Dã Tràng vẫn không chịu bỏ dở công việc. Chết rồi ông hóa thành con còng còng hay cũng gọi là con dã tràng, ngày ngày xe cát để lấp biển. Tục ngữ có câu: Dã tràng xe cát biển Đông, Nhọc lòng mà chẳng nên công cán gì. hay là: Công dã tràng hàng ngày xe cát, Sóng biển dồn tan tác còn chi. hay là: Con còng còng dại lắm không khôn, Luống công xe cát sóng dồn lại tan. Người ta nói ngày nay loài ngỗng sở dĩ không bao giờ ăn tép là vì chúng nó nhớ ơn loài tép đã thế mạng cho tổ tiên mình ngày xưa. Họ còn nói loài ngỗng có một cái mào trắng trên đầu là dấu hiệu để tang cho Dã Tràng để nhớ ơn cứu mạng

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

I Nguồn gốc sự vật

**Gốc tích bộ lông quạ và bộ lông công**

Xưa kia Quạ và Công là đôi bạn chí thân. Cũng vì màu lông của chúng giống nhau: con nào con nấy đều xám xịt như vừa rúc ở bùn lên. Lúc ấy chúng làm gì đã có bộ cánh như bây giờ. Cả hai con đều tự biết mình xấu nên không dám chơi với ai cả. Riêng Công dưới mắt Quạ thì lại càng xấu tệ: cái đầu bé tí chẳng cân xứng với con người. Thêm vào đó, một cái cổ dài và ngẳng nghiu, thật khó coi hết sức. Một hôm Quạ bảo Công:
-Đằng kia có người thợ vẽ có thuốc đủ các màu, chúng ta hãy ăn trộm về mà tô chuốt cho nhau, sửa lại bộ cánh cho đẹp. Công gật gù nhận lời. Hôm ấy, người thợ đang vẽ dở cho người ta một bộ tứ bình, thuốc vẽ còn bỏ lăn lóc bốn bên người. Thừa dịp người thợ ngủ ngày, hai con vật lần lượt mò vào lấy trộm bút lông và thuốc vẽ đưa ra một gò con ở giữa hồ gần đấy. Lần thứ ba chúng nó toan vào lấy một mẻ nữa nhưng người thợ vẽ đã ngủ dậy. Chúng đành trở ra kiểm lại thì thấy chỉ được có một thỏi mực tàu, một gói thuốc xanh và một gói kim nhũ. Quạ bảo:
-Thôi được, ta cứ bắt đầu vẽ cho nhau đi! Nói đoạn, Quạ bắt Công nằm xuống cho mình tô điểm. Quạ vốn khéo tay, thoạt tiên nó dùng màu xanh tô vào đầu vào cổ và mình Công. Tô đến đâu, rắc kim nhũ đến đấy. Đến cái đuôi, Quạ bắt Công phải cố xòe ra như cánh quạt cho mình vẽ được kỹ lưỡng. ở mỗi lông đuôi Quạ vẽ những vòng tròn và tô bằng mực tàu và kim nhũ rất đẹp. Tô xong đắc ý, Quạ bắt Công phơi cái đuôi cho thật khô. Công vốn vụng về nên khi bắt tay vào tô điểm cho Quạ thì nó lúng túng. Hơn nữa lúc đó màu xanh và kim nhũ đã cạn. Giữa lúc Công chưa biết trang sức cho Quạ như thế nào thì bỗng có Quạ khoang ở đâu bay đến. Quạ khoang vốn có họ với nhà Quạ. Hồi ấy màu lông của nó trắng toát như vôi. Chưa đỗ xuống, nó đã giục tíu tít:
-Anh Quạ! Anh làm gì đó? Mau đi về phương Đông!
-Để làm gì?
-Có tin cho biết rằng phía đó mới có một trận đánh nhau to, thây chết như rạ. Thật là một dịp may hiếm có. Quạ nghe nói đến thịt người thì sự thèm muốn làm cho nó không tự chủ được nữa. Quạ bảo Quạ khoang:
-Thế à? Nhưng để nó tô điểm cho tao cái đã. Chịu khó chờ tý nhé!
-Không được. Phải đến trước ban đêm... Ngày mai mới đến thì người ta chôn hết còn gì nữa. Quạ nóng nảy, giục Công:
-Thế thì phải làm gấp lên mới được! Quạ khoang thấy Công đẹp nên cũng muốn có một bộ cánh tươm tất. Nó xen vào:
-Anh Quạ! Anh làm ơn cho tôi một tí với. Tôi cũng cần ăn mặc tử tế một chút. Quạ vui lòng chia sẻ phần thuốc vẽ của mình cho người em họ. Công nhân lúc Quạ vội nên chả cần ngắm nghía gì lôi thôi, trút một nửa số mực tàu lên đầu Quạ. Mực chảy đến đâu, người Quạ đen đến đó. Công còn hữu ý bôi cả vào mỏ vào chân làm cho toàn bộ người Quạ đen nhánh như cột nhà cháy. Đến lượt tô cho Quạ khoang, Công cũng đổ số mực còn lại lên người nó. Khi nước mực rót xuống đầu, Quạ khoang hơi ngại vội rụt cổ lại, thành thử cổ của nó có một cái ngấn không bị mực thấm đến. Nhìn thấy Công tô điểm cho Quạ khoang, Quạ mới biết là mình dại, không dưng lại để cho một kẻ vụng về trang điểm. Nhưng việc đã lỡ còn biết làm gì được nữa. Tức mình quá hai anh em nhà Quạ chỉ còn biết mắng cho Công một trận rồi bỏ đi. Từ đó Quạ không chơi với Công nữa. Cũng vì thế mà ngày nay dòng dõi loài Công có bộ cánh rất sặc sỡ. Đi đâu chúng nó cũng ưỡn ẹo và luôn miệng khoe khoang: "Cuông tốt! Cuông tốt!" Trái lại, dòng dõi loài 81 82 Quạ thì bộ cánh đen thui như mực, trong đó có Quạ khoang đặc biệt có một cái ngấn trắng ở xung quanh cổ. Vì phải bộ cánh xấu quá nên Quạ rất thẹn thò, đi đâu cũng than thở: "Quạ xấu hổ! Quạ xấu hổ!"

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

I Nguồn gốc sự vật

**Gốc tích tiếng kêu của vạc, cộc, dủ dỉ, đa đa và chuột**

Xưa Cò, Vạc, Cộc, Dủ dỉ và Đa đa ăn ở với nhau như anh em một nhà. Chúng nó sống một cuộc đời sung sướng và hòa thuận. Con nào con ấy đều có nhà cửa, ruộng đồng riêng, nhưng mỗi khi kiếm được món gì ngon như mớ cá, rổ tép v. v... trong đồng của mình thì chúng thường chia nhau ăn rất vui vẻ, tử tế. Không ngờ một ngày kia chúng nó rủ nhau đánh bạc. Trước còn đánh một đồng, hai đồng nhưng sau ăn thua lớn. Trong cuộc bạc hôm ấy, Cò vơ tất cả. Cuối cùng cả mấy con kia phải vay nợ của Cò để gỡ gạc, nhưng chúng chỉ "gỡ vào" mà thôi. Hơn nữa, Cò âm mưu với Chuột viết vào văn tự nhiều hơn số tiền bọn họ đã vay. Vì không biết chữ, không ngờ bị Chuột làm gian nên hầu hết tài sản của Vạc, Cộc, Dủ dỉ và Đa đa đều thuộc về tay Cò cả. Thua cay hơn hết là Đa đa. Cờ bạc đến lúc "khát nước" nó bèn đánh những tiếng rất táo bạo. Vì thế, đến lúc phủi áo đứng dậy, Đa đa đã gán hết từ ruộng đồng cho đến nhà ở của mình cho Cò. Ngay buổi sáng hôm sau, Đa đa trần như nhộng, phải bán xới đi kiếm ăn ở miền núi cao. Dủ dỉ không thua quá nhiều như Đa đa. Nhưng Chuột đã chơi cho nó một vố khá đau. Trong văn tự, Chuột đã viết là Dủ dỉ sẽ gán tất cả phần đồng điền của nó nếu quá hạn không trả được nợ.
Vì thế đến hạn, Dủ dỉ mất hết cả ruộng đồng, chỉ còn lại cái nhà ở. Từ đó nó phải ngày ngày đi làm thuê làm mướn kiếm ăn rất cực khổ. Còn Vạc chỉ thua có ba mươi quan. Nhưng khi nhờ Chuột làm giấy hộ, Chuột đã viết con số ba thành con số chín. Cho nên cuối cùng Vạc cũng mất gần hết phần ruộng đồng của mình cho Cò. Nhưng Vạc vốn không sợ Cò. Không dám kiếm ăn công khai thì Vạc ta lại kiếm ăn lẩn lút trên đồng đất của Cò. Đêm đến, chờ khi Cò về nhà nghỉ ngơi, Vạc mới mò ra đồng ăn trộm con tôm cái tép. Nhờ thế cũng đủ sống qua ngày. Riêng Cộc cũng thua cháy túi như Đa đa. Cuối cùng vốn liếng còn lại chỉ mười quan định để dành đong gạo, nhưng máu mê cờ bạc xui nó đánh luôn một tiếng vào cửa lẻ. Khi mở bát ra thì bốn đồng tiền trắng xóa làm cho Cộc sững sờ, rồi ngất đi. Cho đến khi những con khác gào vào tai: "Thua rồi, ớ Cộc!" thì nó mới tỉnh dậy, và vì xấu hổ quá nên đâm đầu chạy miết, không ngoái cổ lại. Còn Cò nhờ cuộc bạc hôm ấy lại nhờ khóe gian của Chuột, nên làm chủ đồng ruộng mênh mông. Hàng ngày nó bay hết đồng này sang đồng khác ăn uống thỏa thích. Từ đó, dòng dõi của Cò thong dong đi lại kiếm ăn ban ngày. Người ta bảo "ruộng cò bay thẳng cánh" là thế.
Trên đầu nó có mấy cái lông "seo" người ta vẫn gọi là "cò văn tự", để chỉ những khế tự giấy tờ của nó mang theo luôn luôn bên người. Dòng dõi Vạc thì chờ lúc tắt mặt trời mới rúc ra khỏi bụi tre và kêu luôn mồm: "Thua một vác! Thua một vác!". Trời chưa sáng, chúng nó đã lò mò về tổ, chỉ sợ dòng dõi nhà Cò bắt gặp. Dòng dõi của Dủ dỉ thường kêu những tiếng ai oán: "Đông Tây tứ chi bán hết! Mần như ri cực cực! Mần như ri cực cực!". Dòng dõi nhà Đa đa thì không dám trở về quê hương đồng ruộng nữa. Tuy thế, chúng nó vẫn kêu lên những lời tỏ ý tiếc nhớ đời sống sung sướng ở đồng ruộng của cha ông chúng ngày trước: "Tiếc rổ tép đa đa! Tiếc rổ tép đa đa!"(3). Dòng dõi Cộc thì thỉnh thoảng lại gào lên mấy tiếng: "Thua rồi, ớ Cộc!" rồi đâm đầu xuống nước, lặn một mạch thật xa mới trồi đầu lên tìm chỗ vắng mà đậu. Còn chuột, người ta bảo trong việc làm gian lận nói trên, nó chả được lợi lộc gì cả. Dòng dõi của nó ngày nay sống trốn tránh lẩn lút chỉ sợ con cháu Vạc và Dủ dỉ báo thù. Miệng vẫn kêu mấy tiếng: "Chín chục! Chín chục!". Tục ngữ có câu: Con vạc bán ruộng cho cò, Cho nên vạc phải ăn mò cả đêm. hay là: Vạc sao vạc chẳng biết lo, Bán ruộng cho cò, vạc phải ăn đêm.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

I Nguồn gốc sự vật

**Gốc tích cái nốt dưới cổ con trâu**

Ngày đó trâu cùng nói một thứ tiếng với người. Nhờ thế người dùng lời nói để sai khiến con vật theo ý muốn của mình rất tiện. Cũng nhờ thế, những gã mục đồng đối với trâu không dám đánh đập tàn tệ hoặc cho ăn thiếu thốn vì sợ trâu mách chủ. Vào hồi đó có một người làm ruộng nuôi một con trâu cày, đồng thời cũng thuê một cậu bé để chăn con trâu ấy. Người và vật lúc đầu rất tương đắc. Nhưng sau rồi hai bên bất bình với nhau. Cậu bé này tính ham chơi, nhiều khi quên mất phận sự của mình làm cho trâu nhiều lúc chả được miếng gì vào bụng. Có bữa vì say mê một cuộc đánh khăng hay đánh đáo, nhưng lại sợ trâu ăn lúa, cậu ta đã cột trâu lại một nơi không cho ăn. Những lúc đó, để che mắt chủ, hắn đã dùng một mẹo là lấy mo cau áp một lớp vào bụng con vật, rồi trát đất bùn ra ngoài. Cứ như thế, hắn dắt trâu về chuồng. Chủ nhà nhìn thấy bụng trâu căng lớn tướng thì tỏ ý hài lòng mà không căn vặn gì nữa. Nhờ mẹo ấy, cậu ta đã lừa được chủ nhiều lần nhưng cũng nhiều lần làm cho trâu rất tức tối. Một hôm, cậu bé mải chơi quá. Hội khăng vui đáo để làm cho hắn quên mất cả. Nhưng trâu thì nhịn từ trưa cho đến chiều. Trâu gọi mãi, nhưng hắn ta nào có để ý đến. Buổi chiều hôm ấy trâu định mách chủ nhưng hắn khôn ngoan dùng lời lấp liếm không cho trâu có dịp mở miệng. Buổi sáng hôm sau, người chủ dắt trâu ra cày ruộng. Trâu cố làm ra bộ bước không muốn nổi. Chủ gắt:
-Nào có đi mau lên không. Đồ lười! Trâu trả lời:
-Không phải lười mà tại đói. Chủ hỏi tiếp:
-Thế nào? Ngày nào mà thằng bé chả cho mày ăn một bụng no căng. Bấy giờ trâu mới vạch mặt:
-Cưỡi trâu ra đánh khăng đánh đáo, cưỡi trâu về nói láo trâu no. Nó gì mà no: trong mo ngoài đất sét. ỉa cái phẹt, hết no. Sự giả dối của cậu bé chăn trâu vì thế bại lộ. Ngay buổi trưa hôm đó người chủ vừa lột những cái mo đầy bùn dưới bụng trâu vừa đánh cho hắn một trận mê tơi. Hắn đau ê cả người. Nhưng trâu thì rất hả hê và từ hôm đó ngày nào cũng được ăn no lại được tắm rửa sạch sẽ. Qua mấy ngày sau, những chỗ bị đánh hãy còn sưng húp, cậu bé ngồi trên bờ ruộng giọt ngắn giọt dài. Trong khi đó trâu ung ung ăn cỏ. Bỗng dưng có một ông lão hiện ra sau lưng, hỏi cậu bé vì cớ gì mà khóc. Hắn chỉ vào trâu mà nói: "Tại nó cả. Vì nó mách chủ..." Đoạn hắn kể cho ông nghe hết đầu đuôi. ạng lão nghe xong dỗ dành cậu bé và nói: "Ta rất thương con gặp phải chuyện không may. Bây giờ con muốn gì ta sẽ làm cho con vui lòng". Hắn đáp: "Vì nó biết nói làm cho con phải đòn. Bây giờ chỉ muốn làm thế nào cho nó không thể nói được nữa. ạng lão bảo: 89 90 "Khó gì việc đó. Ta sẽ có phép làm cho con vừa ý". ạng lão bèn rút trong người ra một cây hương đốt lên thư phù vào trâu, rồi bất thình lình ông lấy cây hương đó gí vào dưới cổ con vật. Trâu cố giãy giụa nhưng không kịp. Trâu kêu lên oai oái khản cả cổ. Tiếng nói của trâu dần dần mất hẳn. Cuối cùng, lúc nào muốn nói, trâu chỉ còn phát ra có mỗi một tiếng "nghé ọ..." mà thôi. Chỗ bị thương sau thành một cái sẹo như cái nốt ruồi, từ đó trâu không nói được nữa. Cả dòng dõi nhà trâu sinh ra cũng đều không biết nói và cũng đều mang cái nốt ở dưới cổ cho mãi đến ngày nay.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

I Nguồn gốc sự vật

**sự tích cái chổi**

Ngày xưa ở trên cung điện nhà trời có một người đàn bà nấu ăn rất khéo tay. Bà chế những món bánh trái tuyệt phẩm, làm những thức ăn ngon đến nỗi chỉ nếm qua một miếng là không thể nào quên được. Cho nên Ngọc Hoàng thượng đế cho bà chuyên trông nom công việc nấu ăn cho mình ở thiên trù. Nhưng bà lại hay ăn vụng và tham lam. Lệ nhà trời những người hầu hạ đều có thức ăn riêng, nhất thiết không được đụng chạm đến ngự thiện, dù là Ngọc Hoàng ăn thừa cũng vậy. Nhưng luật lệ đó không ngăn được những người đang sẵn thèm khát. Người đàn bà vẫn tìm đủ mọi cách để làm cho kho thức ăn của nhà Trời hao hụt. Tuy đã quá tuổi xuân, bà ta lại yêu một lão vốn chăn ngựa cho thiên đình. Đời sống của những người chăn ngựa thì ở cõi trời cũng như cõi đất đều cực khổ không kém gì nhau. ạng ta thích rượu và từ khi gặp người đàn bà này lại thèm ăn ngon. Bà ta say mê ông tưởng trên đời không còn có gì hơn được. Mỗi lúc thấy người đàn ông đó thèm thức ăn, đồ uống của nhà Trời, bà ta không ngần ngại gì cả. Đã nhiều phen bà lấy cắp rượu thịt trong thiên trù giấu đưa ra cho ông. Và cũng nhiều phen bà dắt ông lẻn vào kho rượu, mặc sức cho ông bí tỉ.
Một hôm, Ngọc Hoàng thượng đế mở tiệc đãi quần thần. Bà và các bạn nấu bếp khác làm việc tíu tít. Chỉ vào chập tối, các món ăn đã phải làm đầy đủ. Rồi khi ánh nguyệt của đêm rằm sáng lòa là mọi người bắt đầu vào tiệc. Nhưng giữa lúc cỗ đang bày lên mâm thì từ đàng xa, bà đã nghe tiếng lão chăn ngựa hát. Bà biết ông tìm mình. Bà lật đật ra đón và đưa giấu ông ta vào phía góc chạn. Bà đưa cho ông mấy chén rượu, thứ rượu ngon nhất của thiên tào rồi trở ra làm nốt mẻ bánh hạnh nhân. Người đàn ông đó mới đi tắm ngựa ở bến sông về. Bưng lấy bát cơm hẩm, ông sực nhớ đến rượu thịt bây giờ chắc đang ê hề ở thiên trù, nên vội lẻn đến đây. Trong bóng tối, ông nuốt ực mấy chén rượu lấy làm khoái. Chén rượu quả ngon tuyệt, hơi men bốc lên làm ông choáng váng. ạng bỗng thèm một thức gì để đưa cay. Trong bóng tối, trên giá mâm đặt ở gần đó có biết bao là mỹ vị mùi thơm phưng phức. Đang đói sẵn, ông giở lồng bàn sờ soạng bốc lấy bốc để... Khi những người lính hầu vô tình bưng mâm ngự thiện ra thì bát nào bát ấy đều như đã có người nào nếm trước. Ngọc Hoàng thượng đế vừa trông thấy không ngăn được cơn thịnh nộ. Tiếng quát tháo của Ngọc Hoàng dữ dội làm cho mọi người sợ hãi. Bữa tiệc vì thế mất vui. Người đàn bà nấu bếp cúi đầu nhận tội. Và sau đó thì cả hai người cùng bị đày xuống trần, làm chổi để phải làm việc luôn tay không nghỉ và tìm thức ăn trong những rác rưởi dơ bẩn của trần gian. Đó là tội nặng nhất ở thiên đình. Lâu về sau, thấy phạm nhân bày tỏ nông nỗi là phải làm khổ sai ngày này qua tháng khác không lúc nào ngơi tay, Ngọc Hoàng thương tình ra lệnh cho họ được nghỉ ba ngày trong một năm. Ba ngày đó là ba ngày Tết nguyên đán. Bởi vậy đời sau trong dịp Tết nguyên đán, người ta có tục lệ kiêng không quét nhà. Người Việt Nam chúng ta có câu đố về cái chổi "Trong nhà có một bà hay la liếm" mô tả thần tình động tác quét nhà nhưng trong đó chắc còn có ngụ ý nhắc lại sự tích của cái chổi.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

I Nguồn gốc sự vật

**sự tích ông đầu rau**

Ngày xưa, có hai vợ chồng son nhà nghèo. Họ đều sinh nhai bằng nghề làm thuê làm mướn. Tuy nghèo nhưng họ rất yêu nhau. Thường buổi tối sau khi đi làm về, hai vợ chồng ngồi bên bếp lửa hay dưới ánh trăng kể cho nhau những chuyện xa gần mới nghe được, hay hát những câu tình duyên, có khi vui vẻ quên cả cơm nước. Một năm trời làm mất mùa, hạt gạo kiếm rất khó khăn. Tình trạng đói kém diễn ra khắp mọi miền. Hai vợ chồng theo lệ cũ đi tìm việc ở các nhà giàu nhưng chả mấy ai thuê nữa. Người vay công lĩnh nợ thì đông mà gạo rất khan hiếm nên khó chen vào lọt. Hơn nữa, cổng mấy lão trọc phú lại thường đóng chặt vì chúng không muốn cho ai quấy nhiễu. Túng thế hai vợ chồng phải đi mò cua bắt ốc, hoặc đào củ, hái rau về ăn. Tuy có đỡ phần nào nhưng tình thế vẫn không mảy may sáng sủa. Cái chết luôn luôn đe dọa họ vì trận đói còn kéo dài. Một buổi chiều, sau khi húp vội mấy bát canh rau má, chồng bảo vợ:
-Tôi phải đi một nơi khác kiếm ăn, không thể ở nhà được. Nghe chồng nói, người đàn bà đòi đi theo để sống chết cho có bạn. Nhưng người chồng bảo:
-Tôi chưa biết sẽ đi đến đâu và sẽ phải làm những gì. Nàng ở nhà dễ sống hơn tôi, không nên theo làm gì cho vất vả. Chưa biết chừng tôi sẽ nằm lại dọc đường để cho loài chim đến than khóc. Nhưng cũng chưa biết chừng tôi lại mang những quan tiền tốt bó mo về đây nuôi nàng cũng nên! Chao ôi! Số mệnh! Nàng hãy chờ tôi trong ba năm, nghe! Hết ba năm không thấy tôi trở về ấy là tôi đã bỏ xác quê người. Nàng cứ việc đi lấy chồng khác. Người vợ khóc lóc thảm thiết như đứng trước cảnh tang tóc thực sự. Nhưng không biết làm thế nào cả, nàng đành phải để chồng ra đi. Sau khi tiễn chồng, người đàn bà kiếm được việc làm ở một nhà kia. Nhà họ không giàu gì nhưng thương cảnh ngộ nàng, có ý giúp đỡ cho qua những ngày thảm đạm. ở đây, người đàn bà kiếm mỗi ngày hai bữa, trong đó có một bữa cháo bữa khoai. Nhờ lanh lẹn và xinh xắn nên nàng lấy được cảm tình của chủ. Nhưng hình dáng người chồng thân yêu không bao giờ phai nhạt trong tâm trí nàng. Thời gian trôi nhanh như nước chảy. Người ta đã bớt nhắc đến trận đói khốc liệt vừa qua. Nàng thì ngày ngày hồi hộp chờ đợi chồng. Nhưng cây bưởi trước sân đã ba lần trổ hoa mà chồng nàng vẫn không thấy tăm dạng. Giữa lúc ấy người chủ đã từng bao bọc nàng trong lúc đói, vừa chết vợ. Sẵn có cảm tình với nàng, người ấy ngỏ ý muốn được nối duyên cùng nàng. Nhưng người ấy đâu có hiểu được lòng của người thiếu phụ. Câu trả lời của nàng là:
-Chồng tôi hẹn tôi trong ba năm sẽ về. Đến bây giờ tôi mới tin là chồng tôi đã chết. Vậy cho tôi để tang chồng trong ba năm cho trọn đạo. Ba năm nữa lại trôi qua một cách chóng vánh. Không một nét chữ, một lời đồn về người xấu số. Hàng ngày, những buổi chiều tà, nàng vẫn đăm đăm nhìn bóng người đi lại trên con đường cái quan. Và rồi nàng khóc cạn cả nước mắt. Người đàn ông kia giục nàng quyết định:
-Một là chồng nàng đã chết, hai là còn sống nhưng đã lập một gia đình khác ở một nơi xa xôi hẻo lánh. Đằng nào nàng cũng khó mong tái hợp. Œu là cùng tôi lập một gia đình mới. Sức của tôi và của của tôi đủ bảo đảm cho nàng sung sướng trọn đời. Nàng sửa lại vành khăn trắng đã ngả màu, cảm ơn hậu tình của anh ta và xin rốn chờ cho một năm nữa. Một năm nữa lại trôi qua không mang lại một tin tức gì mới mẻ. Lần này nàng mới tin là chồng mình chết thật. Sau một bữa rượu cúng chồng và đãi họ hàng làng xóm, nàng đến ở cùng người chồng mới.
\* \* \*
Đột nhiên sau đó ba tháng, người chồng cũ xách khăn gói trở về quê hương. Chàng không có vẻ gì khấm khá hơn trước. Chàng chỉ ôm một hy vọng là được gặp lại người vợ yêu. Nhưng vườn cũ nay đã thuộc về chủ mới. Chàng lẩm bẩm: "Thế là hết. Bởi số cả!". Việc người đàn ông đột ngột trở về làm cho mọi người ngơ ngác. Nhất là đôi vợ chồng mới cưới không biết ăn nói làm sao bây giờ. Người đàn bà xấu hổ không dám dàn mặt. Nhưng người chồng cũ đã tìm đến họ và an ủi họ.
-Tôi đi vắng lâu quá. Cái đó hoàn toàn là lỗi ở tôi. Nàng xử sự như thế rất đúng. Tôi chỉ cần về gặp nàng một chút. Thế là đủ. Bây giờ tôi sẽ đi khỏi nơi này mãi mãi.
Mặc dầu người vợ nài nỉ hết sức, mặc dầu người chồng mới đoan xin trả lại vợ, nhưng chàng nhất quyết dứt áo ra đi. Chàng không nỡ phá hạnh phúc của họ. Mà chàng cũng không có gan đi đâu xa vì không thể quên được vợ cũ. Băn khoăn dằn vặt hành hạ tâm trí chàng. Đầu óc rối như mớ bòng bong. Chàng nghĩ đến cái chết và trong một lúc cuồng loạn, chàng tự treo cổ lên cây đa đầu làng. Cái chết kinh khủng đó như một tiếng sét nổ vào đầu người đàn bà. Nàng cảm thấy chính mình là thủ phạm gây ra cái chết của người chồng cũ. Tại sao ta chờ chồng được bảy năm trời mà không rán chờ thêm ít lâu nữa? Tại sao thấy chồng trở về, ta không dám giáp mặt? Nàng không tự chủ được nữa. Tất cả những câu hỏi như lên án một cách âm thầm nhưng kịch liệt trong đầu óc nàng. Thế rồi buổi sáng hôm sau, trong khi người ta sắp sửa cất đám người đàn ông bạc mệnh thì người ta lại hoảng hốt kéo nhau đi vớt tử thi người đàn bà dưới cái ao bên cạnh nhà. Người chồng mới sau khi làm ma cho vợ, trở nên như người mất trí. Hai cái chết đánh mạnh vào đầu óc mọi người, riêng đối với chàng chưa bao giờ có một sự xúc động dữ dội đến như thế. Chàng luôn miệng kêu to: "Tại sao ta cố ý cướp vợ của người khác". Rồi một hôm, sau khi đem hết gia sản chia cho họ hàng và cúng vào chùa, chàng uống thuốc độc tự tử. Lúc xuống đến thế giới bên kia, cả ba người đều được đưa tới trước tòa án của Diêm vương để định công luận tội. Tất cả mọi người một khi đã đến đây đều phải khai rõ sự thật ôm ấp trong lòng. Theo lời khai của người chồng cũ thì chàng không thể nào xa lìa vợ cũ. Chàng sở dĩ chết ở làng là chỉ mong luôn luôn được gần gũi nàng. Người chồng mới cũng khai rằng chàng có cảm tình rất sâu xa đối với người vợ mới mặc dầu mới chính thức lấy nhau chỉ có ba tháng. Khi Diêm vương hỏi tình của chàng đối với người vợ cũ như thế nào thì chàng giơ ngón tay so sánh rằng một bên mười, một bên chưa được một. Đến lượt người đàn bà thì nàng thú thật rằng cái tình của nàng đối với chồng cũ choán một chỗ rộng rãi trong lòng mình, đồng thời đối với người chồng mới, nàng cũng không thể nào quên được tình cảm nồng nhiệt của chàng. Diêm vương ngồi nghe rất cảm động. Những người như thế này cũng thật hiếm có. Cần phải làm cho bộ ba ấy sống gần nhau mãi mãi. Sau một hồi lâu suy nghĩ, Diêm vương cho ba người hóa thành ba ông đầu rau để cho họ khỏi lìa nhau và để cho ngọn lửa luôn luôn đốt nóng tình yêu của họ. Đồng thời vua còn phong cho họ chức Táo quân trông nom từng bếp một, nghĩa là từng gia đình một trên trần thế.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

I Nguồn gốc sự vật

**Sự tích cây nêu ngày tết**

Ngày ấy, không biết từ bao giờ và cũng không biết bằng cách gì, Quỷ chiếm đoạt tất cả đất nước. Người chỉ ăn nhờ ở đậu và làm rẽ ruộng đất của Quỷ. Quỷ đối với Người ngày càng quá tay. Chúng nó dần dần tăng số phải nộp lên gấp đôi và mỗi năm nhích lên một ít. Cuối cùng, chúng nó bắt Người phải nộp theo một thể lệ đặc biệt do chúng nó nghĩ ra là "ăn ngọn cho gốc". Người không chịu. Chúng nó lấy áp lực, bắt Người phải theo. Vì thế, năm ấy sau vụ gặt, Người chỉ còn trơ ra những rạ là rạ. Cảnh tượng da bọc xương thê thảm diễn ra khắp mọi nơi. Bên cạnh bọn Quỷ reo cười đắc ý, Người cơ hồ muốn chết rũ. Phật từ phương Tây lại, có ý định giúp Người chống lại sự bóc lột tàn nhẫn của Quỷ. Sau mùa đó, Phật bảo Người đừng trồng lúa mà cào đất thành luống trồng khoai lang. Người cứ y lời làm đúng như Phật dặn. Quỷ không ngờ Người đã bắt đầu có mưu kế mới chống lại mình nên cứ nêu đúng thể lệ như mùa trước: "†n ngọn cho gốc". Mùa thu hoạch ấy, Quỷ rất hậm hực nhìn thấy những gánh khoai lúc lỉu chạy về nhà Người đổ thành từng đống lù lù, còn nhà mình chỉ toàn những dây và lá khoai là những thứ không nhá nổi.
Nhưng ác nỗi, thể lệ đã quy định, chúng nó đành cứng họng không thể chối cãi vào đâu được. Sang mùa khác, Quỷ thay thể lệ mới là "ăn gốc cho ngọn". Phật bảo Người chuyển sang trồng lúa. Kết quả Quỷ lại hỏng ăn. Những hạt lúa vàng theo Người về nhà, còn rạ phó mặc cho Quỷ. Quỷ tức lộn ruột nên mùa sau chúng nó tuyên bố "ăn cả gốc lẫn ngọn". Lần này Quỷ nghĩ: "Cho chúng mày muốn trồng gì thì trồng, đằng nào cũng không lọt khỏi tay chúng tao". Nhưng Phật đã bàn với Người thay đổi giống mới. Phật trao cho Người hạt giống cây ngô để gieo khắp nơi mọi chỗ. Năm ấy lại một lần nữa Người sung sướng trông thấy công lao của mình không uổng. Trong nhà Người thóc ăn chưa hết, từng gánh ngô đã tiến về chứa từng cót đầy ắp. Về phần Quỷ lại bị một vố cay chua, tức uất hàng mấy ngày liền. Cuối cùng Quỷ nhất định bắt Người phải trả lại tất cả ruộng đất không cho làm rẽ nữa. Trong bụng chúng nó nghĩ: "Thà không được gì cả còn hơn là để cho chúng nó ăn một mình". Phật bảo Người điều đình với Quỷ cho tậu một miếng đất vừa bằng bóng một chiếc áo cà sa. Nghĩa là Người sẽ trồng một cây tre trên có mắc chiếc áo cà sa, hễ bóng che bao nhiêu diện tích ở mặt đất là đất sở hữu của Người ở đó. Ban đầu Quỷ không thuận, nhưng sau chúng nó suy tính thấy đất tậu thì ít mà giá rất hời bèn nhận lời: "ồ! Bằng một chiếc áo cà sa có là bao nhiêu". Chúng nó nghĩ thế. Hai bên làm tờ giao ước: ngoài bóng che là đất của Quỷ, trong bóng che là đất của Người. Khi Người trồng xong cây tre, Phật đứng trên ngọn, tung áo cà sa bay tỏa ra thành một miếng vải tròn. Rồi Phật hóa phép làm cho cây tre cao vút mãi lên, đến tận trời. Tự nhiên trời đất trở nên âm u: bóng của áo cà sa dần dần che kín khắp cả mặt đất. Bọn Quỷ không ngờ có sự phi thường như thế; mỗi lần bóng áo lấn dần vào đất chúng, chúng phải dắt nhau lùi mãi, lùi mãi. Cuối cùng Quỷ không có đất ở nữa phải chạy ra biển Đông. Vì thế người ta mới gọi là Quỷ Đông. Tiếc vì đất đai hoa màu đều thuộc về tay Người, Quỷ rất hậm hực, cố chiêu tập binh mã vào cướp lại. Lần này Người phải chiến đấu với Quỷ rất gay go vì quân đội của Quỷ có đủ một bầy ác thú như voi, ngựa, chó ngao, bạch xà, hắc hổ v.v... rất hung dữ.
Phật cầm gậy tầm xích đánh giúp Người, làm cho quân của Quỷ không tiến lên được. Sau mấy trận bất lợi, Quỷ bèn cho quân đi dò xem Phật sợ gì. Phật cho chúng biết là sợ hoa quả, oản chuối và cơm nắm, trứng luộc. Đối với Phật cũng dò hỏi và biết quân của Quỷ chỉ sợ độc có mấy thứ: máu chó, lá dứa, tỏi và vôi bột. Lần giáp chiến sau đó, quân của Quỷ đem không biết cơ man nào là hoa quả đến ném Phật. Phật bảo Người nhặt làm lương ăn rồi đem máu chó vẩy khắp mọi nơi. Quân của Quỷ thấy máu chó sợ hoảng hồn bỏ chạy. Lần thứ hai, quân của Quỷ lại đem oản chuối vào ném quân Phật. Phật bảo Người nhặt làm lương ăn rồi giã tỏi phun vào quân địch. Quân của Quỷ không chịu được mùi tỏi nên cũng cắm đầu chạy biệt tích. Lần thứ ba, quân của Quỷ lại đem cơm nắm, trứng luộc vào ném quân Phật. Người tha hồ ăn và theo lời Phật dùng vôi bột vung vào Quỷ. Người lại lấy lá dứa quất vào chúng. Quỷ chạy không kịp, lại bị Phật bắt đày ra biển Đông. Ngày Quỷ già, Quỷ trẻ, Quỷ đực, Quỷ cái cuốn gói ra đi, bộ dạng của chúng vô cùng thiểu não. Chúng rập đầu sát đất cố xin Phật thương tình cho phép một năm được vài ba ngày vào đất liền thăm phần mộ của tổ tiên cha ông ngày trước. Phật thấy chúng khóc váng cả lên mới thương hại, hứa cho. Vì thế, hàng năm cứ đến ngày Tết nguyên đán là ngày Quỷ vào thăm đất liền, thì người ta theo tục cũ, trồng nêu để cho Quỷ không dám bén mảng vào chỗ người đang ở.
Trên nêu có khánh đất, mỗi khi gió rung thì có tiếng động phát ra để luôn luôn nhắc bọn Quỷ nghe mà tránh. Cũng trên đó có buộc một bó lá dứa hoặc cành đa mỏ hái để cho Quỷ sợ. Ngoài ra, người ta còn vẽ hình cung tên hướng mũi nhọn về phía Đông và rắc vôi bột xuống đất vào những ngày Tết để cấm cửa Quỷ. Có câu tục ngữ: Cành đa lá dứa treo kiêu (cao), Vôi bột rắc ngõ chớ trêu mọi nhà. Quỷ vào thì quỷ lại ra, Cành đa lá dứa thì ta cứa mồm(2). Ngày xưa người ta tin rằng những lúc cần đuổi Quỷ như khi có dịch tễ chẳng hạn, thì treo một nắm lá dứa ở trước ngõ hay vẩy máu chó khắp mọi nơi cho Quỷ khỏi quấy. Đàn bà thường buộc tỏi vào giải yếm là cũng có một mục đích gần như vậy.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

I Nguồn gốc sự vật

**Gốc tích bánh chưng và bánh dầy**

Ngày đó vua Hùng trị vì đất nước. Vua tuổi đã già, ngồi trên ngai vàng đằng đẵng đã bao nhiêu năm. Thấy sức khỏe của mình ngày một suy, vua có ý định chọn người nối ngôi. Các bà vợ của vua sinh được cả thảy hai mươi hai người con trai. Họ đều đã khôn lớn cả. Vua nghĩ: "Kể về tài cũng có nhiều đứa trội. Nhưng chính vì thế mà cần phải lựa chọn cẩn thận. Nhất là phải làm thế nào cho chúng nó không tranh giành nhau". Đây là điều vua thường bận tâm nhất. Cuối cùng, nhờ có viên quan hầu bày kế, vua mới quyết định mở một cuộc thi để căn cứ vào đó mà kén chọn. Vua Hùng bèn cho hội họp tất cả các hoàng tử lại. Khi họ đã về đông đủ, vua bảo:
-Cha biết mình đã gần đất xa trời. Cha muốn truyền ngôi cho một trong các con. Bây giờ mỗi con cố kiếm hoặc làm một món ăn lạ để cúng tổ tiên. Ai có món ăn ngon vừa ý ta thì ta sẽ chọn người đó. Nghe vua cha phán bảo thế, bọn hoàng tử thi nhau cho người đi khắp mọi nơi để tìm thức ăn quý. Họ lần mò thôi thì trên ngàn dưới biển không sót nơi nào. Bất kỳ thứ gì nghe nói là ngon và lạ họ đều cố tìm cho bằng được. Trong số hai mươi hai hoàng tử có Liêu là hoàng tử thứ mười tám. Vì thuở nhỏ mồ côi mẹ nên Liêu từng sống nhiều ngày cô đơn. Trong khi các hoàng tử khác chạy vạy tìm vật lạ, thì Liêu nằm khểnh ở nhà. Chả có ai giúp đỡ chàng trong việc này. Chỉ còn ba ngày nữa là đến kỳ thi mà Liêu vẫn chưa có gì. Đêm ấy Liêu nằm gác tay lên trán nhớ lại tất cả những bữa ăn ngon xưa nay chàng đã từng được dự.
Liêu suy nghĩ mãi và ngủ quên lúc nào không biết. Liêu mơ mơ màng màng thấy mình cùng với hai mươi mốt anh em khác đang làm bánh thi. Mỗi người có một gian nhà nhỏ mà vua cha đã sai làm sẵn ở đám hội. Liêu chưa biết nên bắt đầu bằng việc gì thì bỗng có một vị nữ thần tự trên trời bay xuống giúp chàng làm bánh. Nữ thần bảo: "To lớn trong thiên hạ không gì bằng trời đất, của quý báu nhất trần gian không gì bằng gạo. Ta đừng làm nhiều, chỉ hai thứ bánh có ý nghĩa là đủ. Hãy nhặt hộ cho tôi chỗ nếp này, rồi đi kiếm cho tôi một ít đậu". Tự nhiên Liêu thấy thần lần lượt lấy ra những tầu lá rộng và xanh. Thần vừa gói vừa giảng giải: "Bánh này tượng đất. Đất có cây, cỏ đồng ruộng núi rừng thì màu cũng phải xanh, hình phải vuông vắn. Trong bánh phải bỏ thịt, bỏ đỗ để lấy ý nghĩa đất chở cầm thú, cỏ cây... Rồi đem thứ nếp thơm đồ lên cho dẻo, giã ra làm thứ bánh tượng trời: màu phải trắng, hình phải tròn và khum khum như vòm trời..." Tỉnh dậy, Liêu bắt đầu làm bánh y như trong giấc mộng.
\* \* \*
Ngày các hoàng tử đưa món ăn về dự thi là một ngày náo nhiệt nhất ở Phong Châu. Người đông nghìn nghịt. Dân chúng mọi miền đều náo nức về dự một cái Tết tưng bừng ít có: mở đầu bằng một cuộc thi các món ăn và kết thúc bằng lễ đăng quang của vua mới. Đúng vào lúc mặt trời mọc thì vua Hùng đi kiệu đến làm lễ gia tiên. Chiêng trống cờ quạt tưng bừng, rộn tai nhức mắt mọi người. Tất cả đều ngong ngóng trông chờ lúc các vị giám khảo bình giá các món ăn. Và giờ phút mong đợi đã đến. Tất cả những món "nem công, chả phượng, tay gấu, gan tê" v.v... của các hoàng tử đều không bằng hai thứ bánh quê mùa của Liêu. Khi mọi người thoạt nhìn thấy cỗ của chàng, số đông đều lắc đầu bĩu môi, vẻ chê bai hiện ra nét mặt. Nhưng sau khi nếm xong, họ bỗng đổi hẳn thái độ, không ai không gật gù tán thưởng. ạng Lạc tướng xoa tay: "Đây là một thứ hương vị khác thường làm từ những cái tầm thường". Riêng vua Hùng rất lấy làm ngạc nhiên về miếng bánh lạ vừa ăn. Nhà vua lật lên lật xuống ngắm nghía kỹ càng những tấm bánh khác chưa bóc. Vua cho đòi Liêu lên điện, hỏi cách thức làm bánh thế nào. Hoàng tử cứ thực tâu lên, không quên nhắc lại giấc mộng lạ của mình. Quá trưa hôm ấy, vua Hùng trịnh trọng ban bố kết quả với các con: Hoàng tử thứ mười tám được giải nhất và sẽ được truyền ngôi. Vua cầm hai thứ bánh giơ lên cho mọi người xem và nói rõ cái cớ khiến cho mình chọn nó đứng đầu các thứ cỗ. Vua nói:
-Nó chẳng những ngon và quý mà còn mang nhiều ý nghĩa đặc biệt: nó bày tỏ lòng hiếu thảo của người con, tôn cha mẹ như trời đất; nó chứa đầy một tấm tình quê hương ruộng đồng. Nó rất dễ làm vì làm bằng những hạt ngọc quý nhất trong những hạt ngọc của Trời Đất, nhưng mà những hạt ngọc ấy mọi người đều làm ra được. Phải là người có tài mới nghĩ được một loại bánh như vậy... Từ đó thành tục lệ, hàng năm cứ đến ngày Tết, mọi người đều làm hai thứ bánh đó và gọi là bánh chưng bánh dầy để thờ cúng gia tiên. Hoàng tử Liêu sau được làm vua, mang hiệu là Tiết Liêu Vương, tức là Hùng Vương thứ bảy. Lần đó có nhiều hoàng tử hỏng thi sinh ra ganh ghét, ác cảm với Lang Liêu. Cho nên sau khi vua cha mất, người nào người ấy giữ chịt lấy đất của mình. Họ làm hàng rào gỗ xung quanh vùng mình ở để làm kế cố thủ, có ý tranh nhau với Tiết Liêu Vương.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

I Nguồn gốc sự vật

**Gốc tích ruộng thác đao hay là truyện Lê Phụng Hiểu**

Đời Lý, ở vùng Thanh Hóa có Lê Phụng Hiểu. Nhà Hiểu ở gần một hòn núi nhỏ nhô lên ở giữa đồng gọi là núi Bơng (Băng Sơn) nên người ta cũng gọi Hiểu là ông Bơng. Hiểu là người to lớn khỏe mạnh. Mẹ chàng lúc trước lên núi trông thấy một dấu chân to lạ thường. Bà ướm chân mình vào thử, không ngờ tự nhiên cảm động mà có thai, về sau sinh ra Hiểu. Thuở nhỏ, Hiểu không học chữ, chỉ thích tập ném dao, đánh gậy, cử tạ, múa quyền. Chàng thường dùng một hòn đá tròn ở trên núi làm quả tạ để tập luyện. Hòn đá đó nặng tám người khiêng mới nổi. Năm Hiểu hai mươi tuổi, những tay đô vật trong vùng hết dám tỉ thí với chàng. Hiểu có thể chỉ một đấm vật ngã một con bò mộng. Thuở ấy, ở vùng Đông Sơn có ông Tuấn tục gọi là ông Vồm, sức khỏe vô địch lại rất giỏi vật. Nghe tiếng Hiểu là tay đô vật mới nổi lên, Vồm tìm đến Băng Sơn đòi thử sức. Vồm đến gặp lúc Hiểu đi kiếm củi vắng. Mẹ Hiểu bảo:
-Ông cần hỏi gì cháu thì rán chờ một lát. Nó sắp gánh củi về rồi đấy!
Mới nhìn thấy Hiểu từ đàng xa do mẹ chàng chỉ cho thì Vồm đã giật mình kinh sợ. Bởi vì bóng Hiểu hiện ra giữa con đường núi là một gã to lớn quảy hai bó củi to như đụn rạ một, chạy vùn vụt như bay. Thấy thế Vồm không đợi nữa, thác kế cáo từ đi thẳng. Hiểu vừa bước vào ngõ nghe mẹ nói có khách chờ mình lúc nãy, vội quẳng ngay gánh củi bắn tung ra đầy sân, rồi đuổi theo Vồm. Chả mấy chốc chàng đã theo kịp. Hai bên bắt đầu làm quen nhau bằng một cuộc tỉ thí dữ dội trên hòn Băng Sơn. Đất bay rào rào, cây cối xiêu vẹo vì những cái quật kinh người. Trong keo vật lần thứ tám, không chịu được cái móc của Hiểu, Vồm bị chẹt vào giữa hai tảng đá lớn. Gần miền lúc đó có hai thôn Đàm Xá và Cổ Bi tranh nhau một bãi đất. Dân Đàm Xá đông gấp hai Cổ Bi, lại thêm lúc này có tay Tá Lực vốn là hào trưởng mới ở Kẻ chợ về tự khoe giỏi võ, nên họ quyết lấy thịt đè người để chiếm đoạt lâu dài bãi đất kia. Không nói thì ai cũng biết bên Cổ Bi nắm chắc thất bại. Thất bại nhưng họ vẫn không chịu để mất đất. Hai bên đánh nhau trót tháng. Bọn trai tráng Đàm Xá dưới sự điều khiển của Tá Lực ngày ngày cầm gậy tầy tay thước tiến sang đất Cổ Bi che chở cho một bọn khác trồng tre đắp bờ ngăn hẳn bãi bồi làm đất của mình. Hễ bên Cổ Bi thò ra người nào thì chúng xúm lại đuổi đánh. Không kể số sứt đầu mẻ tai, những người bị thương nặng nằm la liệt cả một đình làng. Tá Lực vẫn thỉnh thoảng đứng trên gò cao nói vọng vào những câu khiêu khích. Bấy giờ Lê Phụng Hiểu có việc qua đó. Nghe rõ câu chuyện, chàng bừng bừng nổi giận, Hiểu vung tay áo nói với mấy vị phụ lão Cổ Bi:
-Nó cong, ta thẳng, không thể ỷ chúng hiếp cô như vậy được! Rồi chỉ vào ngực mình:
-Chỉ một mình tôi có thể đánh tan được bọn nhãi.
Các cụ mừng lắm, sai dọn cỗ mời ăn. Một mình Hiểu tì tì chén hết một dãy hai mươi cỗ cơm. †n xong Hiểu vỗ bụng đứng dậy, tay không xông thẳng vào trận, trên mình chỉ còn mỗi chiếc khố. Trước hết, Hiểu rẽ vào lùm cây nhổ những cây gỗ vừa tầm để thành từng đống. Rồi cầm lấy cả cành cả rễ, Hiểu vụt túi bụi vào đám đông địch thủ đang sấn tới trước mặt mình. Cây nào gãy, chàng thay cây khác. Cứ thế Hiểu đã quật ngã không biết bao nhiêu người. Nghề võ của Tá Lực và ngọn côn của y không thể trụ nổi những đòn bằng trời giáng của Hiểu. Chưa xong một hiệp, Tá Lực đã ngã quay lơ xuống đất. Các tay võ khác và dân đinh Đàm Xá còn sót đều co chân chạy thục mạng. Hiểu quay lại giẫm chân lên ngực Tá Lực, bắt hắn phải nhận điều kiện trả lại ruộng đất cho dân Cổ Bi rồi mới chịu cho khiêng về. Từ đấy tiếng tăm của Hiểu được truyền đi khắp nơi. Ngày đó, vua Lý kén người khỏe mạnh sung vào quân túc vệ. Chỉ một cuộc tỉ thí đầu tiên, Hiểu đã được vua triệu vào bệ kiến và cho chỉ huy một đội quân toàn những tay lực sĩ. Chẳng bao lâu Hiểu được vua cất làm tướng, người ta gọi là Võ vệ tướng quân. Chưa được mấy năm thì vua băng hà. Triều thần theo di chiếu định tôn hoàng thái tử lên ngôi báu trước khi làm lễ phát tang. Nhưng lễ đăng quang của ông vua mới chưa cử hành thì ngoài thành cấm đã thấy ồn ào tiếng người, tiếng ngựa. Quân canh cho biết ba hoàng tử: Võ Đức vương, Đông Chinh vương và Dực Thánh vương đem quân ba phủ vây thành đòi chia sẻ ngôi báu với hoàng thái tử. Bấy giờ trong thành kinh động. Vệ binh được phái đi các nơi phòng thủ. Hoàng thái tử vướng tình máu mủ chưa quyết. Lê Phụng Hiểu nghe chuyện, không nhịn được nữa, bèn đi tìm hoàng thái tử đòi một hai sống mái với quân phản nghịch. Chàng vỗ gươm tâu:
-Trước tình thế này xin cho cây gươm của hạ thần ra nói chuyện với chúng. Rồi đó, Hiểu phi ngựa tiến đến cửa Quảng Phúc, tuốt gươm xông vào, chỉ mặt Võ Đức vương quát:
-Chúng bay cả gan muốn cướp ngôi ư? Đồ bất hiếu bất mục. Tao cho chúng bay nếm lưỡi gươm này.
Võ Đức vương kinh sợ không dám giao phong, quay ngựa toan chạy, nhưng nhát gươm thứ nhất của Hiểu đã làm cho ngựa ngã khuỵu xuống và nhát thứ hai xả đôi người Võ Đức vương. Thế rồi lưỡi gươm của Hiểu múa tít giữa đám quân ba phủ bấy giờ đã chạy tán loạn. Vệ quân của Hiểu được thể mặc sức chém giết. Hai hoàng tử kia chạy trốn biệt tích. Trận đó, ông vua mới cảm ơn Hiểu vô hạn. Hiểu được vua ban tước hầu với chức Đô thống đại tướng quân, coi hết quân sĩ trong nước. Lần đánh giặc thắng trận trở về triều, nhà vua định phong thưởng thêm nữa, nhưng Hiểu tâu vua:
-Hạ thần không muốn lĩnh tước. Nhà hạ thần ở chân núi Bơng. Hạ thần chỉ muốn bệ hạ ban cho một số ruộng đất bằng cách đứng trên núi ném dao xuống, hễ dao cắm đến đâu, hạ thần xin lĩnh số đất ấy để về lập nghiệp. Vua đáp:
-Tưởng là khanh muốn thế nào, chứ đã muốn ruộng đất thì phải ném dao làm gì cho mệt. Nhưng Lê Phụng Hiểu thì chỉ muốn ném dao. Vua không đợi nói nhiều, bằng lòng ngay. Ngay hôm làm lễ ném dao, mọi người đổ tới xem như đám hội. Trên hòn Băng Sơn chưa khi nào có chiêng trống cờ quạt và quan dân đi lại rộn rịp đến như thế. Dứt tiếng trống, Hiểu cởi trần đóng khố, cầm dao xoay mấy vòng lấy đà, rồi phóng đi. Chiếc dao bay bổng lên như một con chim được thả. Mọi người ngạc nhiên và say sưa nhìn nó bay mãi như một dấu chấm ở lưng chừng trời, xa đến mười dặm mới chịu hạ xuống. Mũi dao chọc xuống địa phận làng Đa Mỹ. Các quan hầu đi đo đạc đóng mốc, trở về cho biết từ chân núi cho đến chỗ ném dao quy vuông lại được hơn một ngàn mẫu. Vua nhà Lý y ước ban cho Hiểu làm hương hỏa truyền cho con cháu và tha không đánh thuế. Từ đó, những ruộng thưởng cho công thần, người ta quen gọi là ruộng thác đao.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

II Sự tích đất nước Việt

**Sự tích hồ gươm**

Vào thời ấy, giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam. Chúng coi dân ta như cỏ rác, thi hành nhiều điều bạo ngược làm cho thiên hạ căm giận đến tận xương tủy. Bấy giờ ở vùng Lam Sơn, nghĩa quân đã nổi dậy chống lại chúng, nhưng buổi đầu thế lực còn non yếu nên nhiều lần bị giặc đánh cho tan tác. Thấy vậy, đức Long quân quyết định cho họ mượn thanh gươm thần để họ giết giặc. Hồi ấy ở Thanh Hóa có một người làm nghề đánh cá tên là Lê Thận. Một đêm nọ, Thận thả lưới ở một bến vắng như lệ thường. Tự nhiên trong một lần kéo lưới, chàng thấy nằng nặng, trong bụng mừng thầm chắc là có cá to. Nhưng khi thò tay bắt cá, Thận mới biết đó là một thanh sắt. Chàng vứt luôn xuống nước rồi lại thả lưới ở một chỗ khác. Lần thứ hai cất lưới lên cũng thấy nặng tay. Thận không ngờ thanh sắt vừa rồi lại chui vào lưới mình. Chàng lại nhặt lên và ném xuống sông. Lần thứ ba lại vẫn thanh sắt ấy mắc vào lưới. Lấy làm quái lạ, Thận ghé mồi lửa lại nhìn xem. Bỗng chàng reo lên một mình:
-Ha ha! Một lưỡi gươm! Thận về sau gia nhập đoàn quân khởi nghĩa Lam Sơn. Chàng đã mấy lần vào sinh ra tử nơi trận mạc để diệt lũ cướp nước. Một hôm, chủ tướng Lê Lợi cùng mấy người tùy tòng đến nhà Thận. Trong gian nhà tối om, thanh sắt hôm đó chợt sáng quắc lên ở xó nhà. Lấy làm lạ, Lê Lợi đến gần cầm lấy xem và nhận ra có hai chữ "Thuận Thiên" khắc sâu vào lưỡi. Song tất cả mọi người vẫn không biết đó là báu vật. Một hôm bị giặc đuổi, Lê Lợi và các tướng chạy tháo thân mỗi người một ngả. Lúc đi qua một khu rừng, Lê Lợi bỗng thấy một ánh sáng lạ trên ngọn cây đa. ạng trèo lên mới biết đó là một cái chuôi gươm nạm ngọc. Nhớ tới lưỡi gươm ở nhà Lê Thận, Lê Lợi rút lấy chuôi giắt vào lưng. Ba ngày sau, Lê Lợi gặp lại tất cả các bạn, trong đó có Lê Thận. Khi lắp lưỡi vào với chuôi thì kỳ lạ thay, vừa vặn khớp nhau. Lê Lợi bèn kể lại câu chuyện. Mọi người nghe xong đều hồ hởi vui mừng. Lê Thận nâng gươm lên ngang đầu nói với chủ tướng:
-Đây là thần có ý phó thác cho "minh công" làm việc lớn. Chúng tôi nguyện đem xương da của mình theo "minh công" và thanh gươm thần này để báo đền xã tắc! Từ đó khí thế của nghĩa quân ngày một tăng.
Trong tay Lê Lợi, thanh gươm thần tung hoành trên mọi trận địa và làm cho quân Minh bạt vía. Chẳng bao lâu tiếng tăm của quân Lam Sơn ran khắp nơi. Họ không phải trốn tránh trong rừng mà xông xáo đi tìm giặc. Họ không phải ăn uống khổ cực như trước nữa, đã có những kho lương của giặc mới cướp được tiếp tế cho họ. Gươm thần đã mở đường cho họ đánh tràn ra mãi, cho đến lúc không còn bóng một tên giặc trên đất nước. Sau khi đuổi giặc Minh về được một năm, ngày hôm ấy Lê Lợi -bấy giờ đã là một vị thiên tử -cưỡi thuyền rồng dạo quanh hồ Tả Vọng trước kinh thành. Nhân dịp đó, Long quân sai rùa vàng lên đòi lại thanh gươm thần. Khi chiếc thuyền chèo ra giữa hồ thì tự nhiên có một con rùa lớn nhô đầu và mai lên khỏi làn nước xanh. Theo lệnh vua, thuyền đi chậm lại. Vua đứng lên và nhận thấy lưỡi gươm thần đeo bên mình cũng đang cử động. Con rùa vàng không sợ người, nhô thêm nữa, tiến sát về phía thuyền vua. Nó đứng nổi trên mặt nước và nói:
-Bệ hạ hoàn gươm lại cho Long quân!
Nghe nói thế nhà vua bỗng hiểu ra, bèn thò tay rút gươm ra khỏi bao. Chỉ một lát, thanh gươm thần rời khỏi tay vua bay đến phía rùa vàng. Nhanh như cắt, rùa ngước đầu lên, há miệng đớp lấy ngang lưỡi gươm. Cho đến khi cả gươm và rùa lặn xuống, người ta vẫn thấy có vệt sáng le lói dưới mặt nước hồ xanh. Khi những chiếc thuyền của bá quan tiến lên kịp thuyền rồng thì vua liền báo ngay cho họ biết:
-Đức Long quân cho chúng ta mượn thanh gươm thần để trừ giặc Minh. Nay đất nước đã thanh bình, người sai rùa lấy lại. Và từ đó, hồ bắt đầu được mang tên là hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

II Sự tích đất nước Việt

**Sự tích hồ Ba Bể**

Vào hồi đó ở xã Nam Mẫu có mở một hội "vô già" cúng Phật. Mọi người nô nức đi xem. Ai nấy đều lo ăn chay niệm Phật và làm những việc từ thiện như buông cá, thả chim v.v... để cầu phúc cho mấy ngày hội. Hôm ấy, xuất hiện ở đám hội một bà già ăn mày. Người ta không biết mụ ta từ đâu lại. Bộ dạng thật là gớm ghiếc: những mảnh vải vá víu của mụ không đủ che tấm thân gầy còm và lở loét. Mùi hôi thối xông ra rất khó chịu. Đến đâu, mụ cũng thều thào mấy câu: "Đói lắm các ông các bà ơi!". Rồi cầm cái rá, mụ giơ ra khắp bốn phía, đầy vẻ cầu khẩn. Nhưng mãi đến chiều, người đàn bà đó vẫn chả được tí gì. Đến đâu mụ cũng bị xua đuổi. Đám trẻ tuổi nhất là các cô gái cho mụ là hủi nên trốn như trốn dịch. Hễ thấy mụ đâu là họ xô nhau chạy đi chỗ khác. Mấy bà đang lễ thì rất bực tức. Họ ngừng những tiếng "Nam mô Phật" lại và quay ra mắng xả vào mụ sao dám đi sát vào người. Cuối cùng bọn hương lý sai tuần phu đuổi mụ đi. Mụ không thể kiên gan được trước những trận mưa roi của bọn tuần, đành phải lê mình ra khỏi đám hội. Sau khi ra khỏi đám hội, người đàn bà ấy thất thểu bước vào xóm. Cũng như ở đám hội, vào nhà nào, mụ cũng bị nghi là hủi và bị đuổi.
Mấy nhà giàu có đóng chặt cửa lại và thả chó ra. May sao đến ngã ba, mụ gặp hai mẹ con bà góa vừa đi chợ về. Thấy bà lão ăn mày tội nghiệp, người mẹ đưa về nhà lấy cơm nguội cho ăn. Khuya hôm đó hai mẹ con đang ngủ thì người đàn bà ấy lại gọi cửa. Mụ xin ngủ nhờ một đêm vì mọi chỗ, người ta đều cấm cửa không cho vào. Hai mẹ con vui lòng đón người ấy vào nhà, lấy cơm cho ăn và trải chiếu ở một cái chõng cho mụ ngả lưng. Còn mẹ con thì nằm tạm ở một chỗ khác. Người đàn bà vừa nằm là ngủ liền, tiếng mụ ngáy như sấm. Hai mẹ con nhìn ra thấy cái chõng sáng rực lên trong bóng tối. Đây không phải là một mụ ăn mày già yếu lở loét nữa mà là một con giao long đang cuộn mình lù lù một đống, đầu gác lên xà nhà, đuôi thò xuống đất. Người mẹ rụng rời kinh hãi, nhưng vì chỗ ở của mình cách biệt với làng xóm, không biết kêu cứu ai, đành trùm chăn kín mít, phó mặc cho may rủi. Nhưng đến sáng hôm sau, khi người mẹ nhìn ra thì chả thấy giao long đâu cả. Trên chõng, mụ ăn mày già đã dậy và sắp sửa ra đi. Trước khi từ biệt, mụ bỗng lên tiếng:
-Chúng nó thờ Phật mà kỳ thực là buôn Phật. Chúng nó xứng đáng phải chịu trầm luân. Chỉ có hai mẹ con nhà ngươi là tốt bụng. Hãy cầm lấy gói tro này, nhớ rắc ngay xung quanh chỗ ở và nội trong đêm hôm nay chớ đi đâu cả. Hoặc nếu có đi thì đưa nhau lên đỉnh núi cao mà tránh. Người mẹ băn khoăn hỏi thêm:
-Nhưng làm thế nào để cứu mọi người được? Người đàn bà ấy ngần ngừ hồi lâu rồi lấy từ trong áo một hạt thóc ra cắn tách đôi vỏ trấu đưa cho hai mẹ con và nói:
-Hai mảnh vỏ trấu này sẽ giúp hai mẹ con làm việc thiện. Người mẹ toan hỏi thêm thì vụt một cái đã không thấy người đàn bà hủi đâu nữa. Hai mẹ con vội làm theo lời dặn rồi đi kể chuyện cho mấy người gần đó biết. Họ nghe nói chỉ mỉm cười cho là một chuyện bâng quơ. Quả nhiên tối hôm đó giữa đám hội náo nhiệt, lúc thiện nam tín nữ đang tấp nập lễ bái thì bất ngờ có một dòng nước từ dưới đất phun lên ngay chính giữa đàn tràng. Nước càng phun càng mạnh làm lở dần đất ở xung quanh. Người ta ngơ ngác không hiểu thế nào, tưởng là phép Phật hiển hiện nên càng vái lấy vái để. Nhưng dòng nước mỗi lúc một mạnh nuốt hết người và vật. Chỉ trong nháy mắt đã ngập bằng một cái ao. Thấy thế mọi người hoảng hốt bỏ cả lễ bái đua nhau chạy. Nhưng họ không thể chạy được nữa. ở dưới chân họ đất nứt nẻ, rung động hất họ ngã xuống. Bỗng chốc một tiếng ầm dữ dội phát ra, đất đá, nhà cửa, người vật đều chìm nghỉm, nước tung tóe mù trời. Một con giao long to lớn từ mặt nước nhô lên bay vòng quanh xã Nam Mẫu. Trong khi đó thì nền nhà, chuồng lợn, chuồng gà của mẹ con người đàn bà từ thiện kia mỗi lúc một nâng cao hơn mực nước. Đau xót trước cảnh nước lụt, hai mẹ con đem hai mảnh vỏ trấu ra. Vừa đặt xuống nước, họ bỗng thấy hai mảnh vỏ biến ngay thành hai chiếc thuyền. Thế rồi, mặc gió mặc mưa, họ chèo đi mọi nơi cố sức vớt những người bị nạn. Chỗ đất sụt ấy ngày nay là hồ Ba Bể ở Bắc Cạn, còn cái nền nhà ấy tức là một hòn đảo nhỏ ở giữa hồ mà người địa phương thường gọi là Pò-già-mải.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

II Sự tích đất nước Việt

**Sự tích đầm nhất dạ và bãi tự nhiên**

Vua Hùng Vương thứ ba có một nàng công chúa rất xinh đẹp. Người ta nói thuở mới lọt lòng, nàng được các bà tiên tô điểm, nên về sau mới có nhan sắc như thế. Vì vậy vua đặt tên là Tiên Dung. Vua Hùng là người hay nuông con. Đối với Tiên Dung vua lại càng yêu chiều, muốn gì được nấy. Nhưng công chúa Tiên Dung chỉ có mỗi một sở thích là đi chơi mọi nơi trong nước. Vua phải sắm cho nàng một chiếc thuyền rất xinh, có đủ mọi người hầu hạ và mọi thức cần dùng. Mỗi năm vào khoảng cuối mùa xuân, chiếc thuyền công chúa bắt đầu xuất phát. Cho đến lúc những con chim hậu điểu bay từng đàn ở phương Bắc sang thì công chúa mới trở về nơi cung cấm. Cũng có lúc công chúa quá vui quên cả về, làm cho vua lo lắng. Năm nàng mười tám tuổi, từng có một vài hoàng tử ở các nước láng giềng ngỏ ý muốn được kết duyên nhưng công chúa nhất thiết từ chối. Nàng nói với vua Hùng trong một bữa tiệc:
-Cha à! Con sẽ không lấy chồng đâu!
\* \* \*
Hồi đó ở Chử Xá có một người đánh cá tên là Chử Cù Vân và con trai là thằng bé Chử. Tuy nghèo, họ vẫn sống vui vẻ trong túp lều dựng trên bãi cát. Không may một hôm trong khi cha con đi câu vắng, ở nhà lửa bén cháy sạch chả còn tý gì. Hai cha con chỉ còn có một bộ đồ nghề và mỗi một chiếc khố vải đang mặc. Chiếc khố độc nhất ấy dùng để làm vật che thân cho cả hai mỗi lần ra ngoài. Khi người này mang khố thì người kia phải chịu cởi truồng nằm co để đợi đến lượt mình. Cha con họ Chử hết nạn này lại tiếp nạn khác. Chử Cù Vân tuổi già thiếu áo không chịu được lạnh, dần dần sinh bệnh. Bệnh của ông mỗi ngày mỗi nặng. Trước còn gắng gượng đi câu được, nhưng sau nằm liệt ở nhà. Một hôm, biết mình sắp chết, ông gọi con lại dặn dò mọi việc. Qua hơi thở phều phào, ông trối: "Có mỗi một chiếc khố... con giữ mà mặc... cứ chôn trần là được rồi!" Nhưng thằng bé Chử -sau này người ta gọi là Chử Đồng Tử -rất thương cha, không muốn để người chết lạnh lẽo. "Rồi ta sẽ cố kiếm nhiều cá để đổi lấy một cái khố khác!" Nghĩ thế, anh quyết định dùng chiếc khố độc nhất đó cuốn cha lại từ đầu đến chân. Rồi chờ đến nửa đêm, anh đưa lên cồn cao vùi lại. Từ đó không còn có cái gì để che thân, Chử Đồng Tử phải làm việc ban đêm. Cứ đến chiều hôm, khi không còn trông rõ mặt người nữa, anh bắt đầu ra bãi câu cá. Cho đến mờ sáng, anh sẽ lội ngập nửa người, lần mò đến bến đổi cá cho những thuyền buôn lấy gạo.
Thế rồi lại lội đến bến vắng người, lén về lều của mình nấu ăn và ngủ một giấc đến chiều mới dậy. Rồi lại ăn uống và chuẩn bị đi câu nữa. Đồng Tử đã sống một cuộc đời cô đơn lẩn lút như thế đã hơn hai năm. Có lúc anh câu được nhiều cá, lúc ít cá không chừng. Cũng có lúc không câu được gì cả đành phải men theo các thuyền xin ăn. Nhưng chả có lúc nào câu được một số nhiều cá để đổi lấy một cái khố cả. Vì thế anh vẫn phải chịu trần truồng mãi. Một hôm, Đồng Tử đang mang cá đổi gạo thì chợt có tiếng huyên náo. Mọi người kháo nhau có thuyền của công chúa sắp tới địa phương. Từ đàng xa, chiếc thuyền sơn hiện ra mỗi lúc một lớn, có quân gia cờ quạt, chiêng trống đàn sáo vang động cả một khúc sông. Thấy mọi người đổ ra đường, ra bến đi xem rất đông, Chử Đồng Tử bí lối không về lều được. Anh đành rúc vào một bụi lau ở bãi rồi bỗng nghĩ ra được một kế giấu mình kín hơn là bới cát thành một cái huyệt rồi nằm xuống, tự vùi mình lại.
Giữa lúc đó thì Tiên Dung sai cắm sào lại rồi bỏ thuyền lên bộ. Tự nhiên công chúa có ý muốn tắm. Theo lệ thường, người ta quây màn lại một chỗ kín đáo trên đất, rồi đun nước thơm đưa vào để công chúa dùng. Không ngờ chỗ mà bọn thị tỳ quây màn hôm nay lại chính là chỗ Đồng Tử vùi mình dưới đó. Anh nằm dưới đất chả biết gì hết, chỉ nghe có tiếng nện, tiếng chân người giẫm thình thịch và tiếng nước giội rào rào. Cho đến lúc anh thấy toàn thân ướt đẫm cả nước. Rồi chỉ một lúc sau, dòng nước giội hẳn vào người anh. Biết là bại lộ, Đồng Tử ngượng ngùng ngồi nhỏm dậy. Công chúa xiết bao kinh ngạc, khi thấy có một người lạ cũng trần truồng như nàng ở trong màn. Thoạt đầu, Tiên Dung tưởng là ma quái, toan la lên để bọn quân hầu vào cứu, nhưng thấy người con trai đó chẳng có chút gì là độc ác, nên nàng cố trấn tĩnh, ôn tồn bảo:
-Người là ai? Tại sao lại vùi mình ở đây? Nói mau!
Nghe người trai lạ kể nông nỗi của mình, công chúa rơm rớm nước mắt. Nàng không ngờ trong đất đai của cha nàng trị vì lại có hạng người đói khổ đến nỗi không có lấy một mẩu vải che thân. Cảm lòng chí hiếu của người con trai ngồi trước mặt, Tiên Dung nói một mình: "Những người như thế này chưa chắc bọn con trai trong thiên hạ đã sánh kịp!" Bỗng chốc nàng đưa gáo cho Đồng Tử:
-Thôi anh tắm rửa đi nhé. Lạ thật! Chắc có trời! Bọn thị tỳ và lính tráng hôm đó rất lấy làm sửng sốt vì thấy từ trong màn bước về thuyền không phải một mình công chúa mà là hai người và người thứ hai lại không phải là nữ mà là một chàng trai khỏe đẹp. Nàng đã sai lấy một bộ võ phục của một viên quan hầu cho Đồng Tử mặc. Bấy giờ trước mặt mọi người, công chúa thẳng thắn kể cuộc gặp gỡ kỳ dị lúc nãy rồi nói:
-Người này sẽ là chồng tôi! Nghe thế, Chử Đồng Tử đỏ mặt:
-Tôi không dám, không dám. Nhưng Tiên Dung bảo:
-Tôi vốn không có ý định lấy chồng. Nay tình cờ gặp gỡ thế này chắc có Trời xui. Tất cả đều theo ý Tiên Dung. Duy có hai viên quan hầu và một số thị tỳ, lính tráng không cho là cuộc phối hợp tốt đẹp. Nhưng thấy công chúa táo bạo lại thường được vua chiều chuộng cho nên cuối cùng họ cũng không dám cản. Và rồi hôn lễ cử hành ngay trên sông, có một số đông bô lão địa phương tới dự.
\* \* \*
Nhưng khi tin bắn về cung, vua Hùng không ngăn được cơn giận dữ. Vua bảo quần thần:
-Thà nó không có chồng còn hơn. Thực là đốn mạt! Tại sao nó không chịu hỏi ta. Thôi từ nay nhất thiết cấm cửa. Hễ nó vác mặt về Phong Châu thì cho phép Lạc tướng chém chết trước, tâu sau. Thuyền của Tiên Dung vừa nhổ neo ra về thì một người em gái của nàng đã lén sai một người đầy tớ trung thành, hỏa tốc báo tin không hay đó cho nàng biết. Nàng nhận tin với một vẻ lo ngại. Nàng đã biết tính vua cha khi thương thì thương rất mực mà khi giận cũng có thể đang tay được. Hai vợ chồng cùng nhau bàn bạc. Cuối cùng, nàng hội họp tất cả những người dưới quyền mình lại rồi nói rõ ý định:
-Vua cha nay không thương ta nữa. Vậy vợ chồng ta quyết định không về. Cho các ngươi được về với cha ta và về với bà con làng nước. Hai vợ chồng từ đó sống một cuộc đời mới. Họ giao thiệp với các thuyền buôn nước ngoài vẫn thường ghé vào để bán hàng và cất hàng. Công cuộc buôn bán của họ mỗi ngày một khá. Chỗ bến sông ấy dần dần trở thành một cái chợ quyến rũ được nhiều người. Một hôm, Đồng Tử mang vàng theo một khách buôn lớn định ra nước ngoài mua hàng tận gốc để kiếm một số lãi to. Họ dong buồm đi về phương Nam. Chỉ trong năm ngày đến một ngọn núi giữa biển, gọi là núi Quỳnh Viên, thuyền dừng lại lấy nước ngọt. Đồng Tử bước lên đất rồi vui chân, anh trèo mãi lên tận đỉnh đảo. Đang say sưa ngắm cảnh, bỗng nhiên Đồng Tử thấy mình đứng trước một cái am nhỏ.
Trước am có một đạo sĩ ngồi định thần trên một phiến đá. Anh bước tới toan cất tiếng thì người kia đã hỏi trước:
-Thằng bé Chử! Sao lại muộn thế? Biết là bậc thần dị, anh phủ phục xuống bên cạnh người lạ, xin làm đồ đệ. Khi bọn lái thuyền đến am tìm Chử Đồng Tử thì anh trao tất cả vàng cho họ và nói:
-Các bác cứ cầm lấy mà buôn bán. Tôi sẽ ở đây cho đến khi thành đạo. Đồng Tử hiểu đạo rất chóng. Sư phụ còn dạy cho anh nhiều phép mầu nhiệm. Cho đến khi chiếc thuyền buôn trở lại đón, thì anh được sư phụ trao cho một chiếc gậy và một cái nón và bảo:
-Thế là con có thể hạ sơn được. Ta giao cho con những vật này. Tất cả sự linh diệu đều ở đó cả. Bước xuống thuyền, Đồng Tử không ngờ số vốn của mình hồi trước giờ đây người ta đã làm nảy nở gấp mười. Nhưng nhìn những thoi vàng sáng chóe, anh không thấy thích thú như xưa. Những câu chào hỏi, những lời bàn bạc tính toán nhao nhao của các bạn buôn bây giờ đối với anh đều nhạt nhẽo. Về đến nhà, Đồng Tử truyền đạo lại cho vợ. Cũng như chồng, Tiên Dung học đạo rất chóng. Thế rồi một hôm, hai vợ chồng đem tất cả gia sản của mình phân phát cho những người nghèo khổ trong vùng. Mọi người đều lấy làm lạ khi thấy hai vợ chồng công chúa bỏ sự làm ăn đang thịnh để ra đi, không biết là đi đâu. Hai vợ chồng ngày đi đêm nghỉ cốt tìm thầy học đạo thêm nữa. Một hôm, trời đã tối, họ đi mãi, rất mệt nhưng vẫn chưa gặp một cái quán nào. Chỗ này không nghe qua một tiếng gà gáy chó sủa. Cuối cùng, họ nghỉ lại trên bãi cỏ. Đồng Tử cắm gậy của mình xuống đất rồi úp nón lên che sương. Canh ba đêm hôm ấy, bỗng có tiếng chuyển động dữ dội. Thế là phút chốc họ không phải nằm trên bãi cỏ nữa mà nằm trên một chiếc giường ngọc trong một tòa lầu chăn gối êm dịu như nhung. Quần áo của họ mặc là thứ quần áo màu, lấp lánh như vảy bạc. Khi ra dãy hành lang có bao lơn trắng như tuyết, hai vợ chồng mới biết không phải chỉ có một nhà mà là rất nhiều nhà, nhiều lầu. Ngoài xa xa lại có một bức thành chạy dài ôm lấy khu vực này. Đến đâu cũng có người hầu hạ và quân lính canh gác. Họ ăn bận nhiều màu nhiều kiểu rất đẹp. Tiên Dung hỏi hai người thị nữ:
-Đây là chốn nào? Họ đáp:
-Đây là giang sơn riêng của công chúa như lời ước muốn của người. Khoảng canh ba, bỗng có tên quân vào báo tin rằng cầu phao bên địch đã bắc xong và hiện nay họ đang nấu ăn. Hai vợ chồng ngồi dậy cùng hướng mặt lên trời. Thế là một trận bão vụt nổi lên, mỗi lúc một dữ dội. Đồng thời đất chuyển động ầm ầm. Gió xoáy một cách kinh khủng đến nỗi có thể bốc tất cả mọi cái trên mặt đất ném đi nơi khác. Sáng hôm sau, nhân dân quanh vùng cũng như quân đội vua Hùng đều thấy một sự lạ chưa từng có. Bão đã tạnh từ lâu, nhưng thành quách của công chúa, kể cả cung điện, nhà cửa, quân gia, súc vật, đồ dùng đều bay đâu mất cả không còn sót một tý gì. Giữa đó là một cái đầm rộng mênh mông, đầy nước trắng xóa. Duy chỉ có cái nền cung của hai vợ chồng công chúa thì vẫn còn. Người ta gọi cái đầm ấy là đầm Một Đêm (Nhất-dạ) và cái nền ấy là bãi Tự Nhiên. Về sau trên cái nền ấy, người ta có lập miếu thờ hai vợ chồng Chử Đồng Tử.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

II Sự tích đất nước Việt

**Sự tích đầm mực**

Ngày ấy vào đời nhà Trần có một cụ đồ nho ở xã Quang Liệt tên là Chu An. Học vấn của cụ sâu và rộng. Cũng vì tiếng tăm của cụ truyền khắp mọi nơi nên học trò xa gần đến học rất đông. Về sau nhà vua nghe tiếng, vời cụ về Kinh giao cho trông nom trường Quốc tử và dạy thái tử học. Cụ để nhà lại cho vợ con rồi đi nhậm chức. Nhưng được hơn một năm đã thấy cụ chống gậy trở về. Cụ bảo mọi người rằng:
-Ta không thể chịu được với bảy tên quyền thần dối vua hại nước? Từ đó người ta thấy cụ trở lại nghề dạy học. Lần này những người đến xin "nhập môn" đông vô kể. Cả một cái gò cao ở xóm Văn phải dựng thêm ba bốn mái nhà nữa mới đủ chỗ để chứa học trò. Nhà trong xóm chật ních những anh đồ nho, đủ mặt người kinh, người trại. Đó là chưa kể những người ở quanh vùng hàng ngày cơm đùm cơm gói đi về học tập. Trong số học trò của cụ có hai anh em con vua Thủy. Nghe tiếng cụ đồ, vua Thủy cũng cho con lên học. Ngày ngày hai anh em đến bờ sông trút lốt thuồng luồng ở nước rồi lên đất, nói năng cử chỉ không khác gì người trần. Một hôm cụ đồ đang chấm bài thì anh trưởng tràng đến kể cho biết rằng sáng hôm nay, khi chưa rõ mặt người, anh có việc đi chợ huyện, đến cầu Bưu tình cờ thấy từ dưới sông có hai người đi trên mặt nước tiến vào bờ:
-Đúng là hai anh em nhà Gàn thầy ạ? Con đầu tiên sợ nhưng cũng cố đi theo. Quả nhiên họ vào đây. Thầy bảo bây giờ nên làm thế nào? Cụ đồ gật gù đáp:
-Con cứ để yên mặc họ, con ạ! Nếu là quỷ thần mà họ chuộng đạo thánh hiền thì lại càng hay chứ sao!
\* \* \*
Năm ấy vùng Thanh Đàm trời làm đại hạn. Suốt từ cuối năm ngoái cho đến tháng Hai năm nay không có lấy một giọt mưa. Đồng ruộng nứt nẻ. Mấy đám lúa, đám ngô cứ héo dần. Thấy mọi người nhao nhác, cụ đồ sốt ruột không kém. Một chiều kia sau buổi học, cụ đồ lưu hai anh em chàng Gàn ở lại rồi bảo:
-Thầy muốn các con thương đến dân một chút. Hai anh em làm bộ ngơ ngác không nói gì. Thấy họ còn giấu mình, ông cụ nói:
-Các con bất tất phải giấu. Thầy đã biết cả. Bây giờ đây chỉ có các con là cứu được dân sự. Các con hãy làm mưa cho họ nhờ. Hai anh em đưa mắt nhìn nhau, hồi lâu bảo cụ:
-Dạ, nhưng hiềm vì sông hồ đều có lệnh "phong bế" cả thì lấy đâu ra nước bây giờ. ạng cụ khẩn khoản:
-Các con cố nghĩ thử xem có thể lấy nước ở đâu được không. Không cứu được nhiều thì ta hẵng tạm cứu ít vậy! Hai anh em ngần ngừ hồi lâu rồi chỉ vào nghiên mực đặt trên án thư, bảo cụ đồ:
-Dạ, oai trời thì rất nghiêm nhưng lời của thầy thì rất trọng. Chúng con xin vâng lời thầy. Chúng con sẽ dùng nước ở nghiên mực này tạm thấm nhuần trong một vùng vậy. Cụ đồ mừng rỡ chạy lại án thư bê cái nghiên mực lớn còn đầy nước và cả quản bút lông của mình thường dùng, đưa cho họ.
Hai anh em đỡ lấy rồi cả ba người cùng tiến ra bờ sông. Đến nơi họ xắn ống tay áo rồi sau đó em bưng nghiên mực, anh cầm quản bút nhúng mực vẩy lên trời nhiều lần. Đoạn họ vứt cả nghiên lẫn bút xuống nước, cúi vái cụ đồ rồi biến mất. Đêm hôm ấy quả nhiên mây mù tối tăm rồi mưa một trận như trút. Cụ đồ vừa mừng vừa sợ, suốt đêm chạy ra chạy vào không ngủ. Sáng dậy, điều mà ai nấy đều lấy làm lạ là nước chỉ lênh láng suốt mấy cánh đồng trong vùng Thanh Đàm mà thôi. Hơn nữa sắc nước chỗ nào chỗ ấy đều đen như mực. Trận mưa đêm hôm đó quả cứu vớt được biết bao nhiêu là ruộng lúa, ruộng ngô và các hoa màu khác. Dân vùng Thanh Đàm lại vui vẻ như xưa.
Nhưng lúc đó ở thiên đình, các thiên thần đều lấy làm lạ về một trận mưa bất ngờ. Ngọc Hoàng nổi giận sai một thiên thần đi tìm bắt cho được thủ phạm trị tội. Và cả hai anh em đều không thoát lưới trời nghiêm ngặt: cả hai đều rơi đầu dưới lưỡi búa của thần sét. Xác của họ hiện nguyên hình là hai con thuồng luồng song đầu một nơi mình một nẻo, giạt vào gậm cầu Bưu. Cụ đồ nghe tin rất thương xót. Cụ khóc và cụ bắt tất cả học trò đưa đám chôn hai con thuồng luồng. Khăn áo hôm ấy trắng phau cả một bờ sông. Xác hai con vật được chôn cất một cách tử tế ở bên cầu và cũng đắp thành nấm như mộ của người. Cái nghiên mực của cụ đồ Chu An sau đó trôi về làng Quỳnh Đô làm đen cả nước đầm ấy, ngày nay người ta vẫn quen gọi là đầm Mực. Còn quản bút thì lại trôi về làng Tó cho nên các cụ thường truyền rằng nhờ thế làng Tó tức là làng Tả Thanh Oai bây giờ, có lắm người họ hành đỗ đạt. Còn chỗ ngôi mộ hai con quái vật tức là hai anh em thuồng luồng sau đó người ta lập miếu thờ, ngày nay vẫn còn có tên là miếu Gàn.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

II Sự tích đất nước Việt

**Sự tích sông Nhà Bè hay là truyện thủ huồn**

Ngày xưa ở Gia Định có một người tên là Thủ Huồn. Hắn xuất thân làm thơ lại. Trong hơn hai mươi năm luồn lọt trong các nha các ti, hắn đã làm cho bao nhiêu gia đình tan nát, bao nhiêu người bị oan uổng; do đó hắn đã vơ vét được bao nhiêu là tiền của. Vợ hắn chết sớm lại không có con cho nên tiền bạc của hắn không biết tiêu đâu cho hết. Ngoài số chôn cất, hắn đem tiền tậu ruộng làm nhà. Ruộng của hắn cò bay thẳng cánh, mỗi mùa thu hoạch kể hàng ngàn "giạ" lúa. Khi thấy cuộc sống quá thừa thãi, hắn bèn thôi việc về nhà, sống một cuộc đời trưởng giả. Một hôm, có người mách cho Thủ Huồn biết chợ Mạnh Ma ở Quảng Yên là chỗ người sống và người chết có thể gặp nhau. Muốn gặp người chết, người sống phải chờ đến mồng một tháng Sáu, mang một món hàng vào chợ hồi nửa đêm mà đi tìm. Thủ Huồn là người rất yêu vợ. Tuy vợ chết đã ngoài mười năm nhưng hắn vẫn không lúc nào quên. Hắn bèn giao nhà lại cho người bà con rồi làm một chuyến du lịch ra Bắc, mong gặp lại mặt vợ cho thỏa lòng thương nhớ bấy lâu. Khi gặp vợ, Thủ Huồn không dám hỏi vì thấy vợ ăn mặc rất đài các. Sau cùng người đàn bà ấy cũng nhận ra được. Thủ Huồn mừng quá vội dắt vợ ra một chỗ kể cho vợ nghe cảnh sống của mình từ lúc âm dương cách biệt. Rồi hắn hỏi vợ:
-Mình lâu nay làm gì?
-Tôi làm vú nuôi trong cung vua. Cuộc đời của tôi không có gì đáng phàn nàn. Tôi có một gian nhà riêng trong hoàng cung, cái ăn cái mặc được chu cấp đầy đủ. Hắn nói:
-Tôi nhớ mình quá. Tôi muốn theo mình xuống dưới ấy ít lâu có được không?
-Đi được. Nhưng chỉ trong vài ngày là cùng, nếu quá hạn sẽ nguy hiểm. Thủ Huồn và vợ cùng đi. Qua mấy dặm đường tối mịt, chả mấy chốc đã đến cõi âm. Hắn rùng mình khi lọt qua bao nhiêu cổng trước lúc vào thành nội, qua những tên quỷ gác cổng có những bộ mặt gớm ghiếc. Nhờ có vợ nên chỗ nào cũng vào được trót lọt. Đến một gian nhà thấp, vợ bảo chồng:
-Đây là nhà bếp, đằng kia là nhà ngục, trước mặt là cung hoàng hậu, chỗ tôi túc trực hàng ngày. Qua khỏi đấy là cung vua. Cứ ẩn tạm trong buồng vắng này vì không thể lên buồng tôi trên kia được. Tôi sẽ kiếm cách cho chàng đi xem một vài chỗ, nhưng rồi phải về ngay.
Chiều hôm đó người vợ về trao cho Thủ Huồn một mảnh giấy phép và nói:
-Chỉ có cung vua và cung hoàng hậu thì đừng có vào còn mọi nơi khác chàng cứ đi xem cho thỏa thích. Hắn lượn mấy vòng xung quanh nhà bếp rồi tiện chân đến nhà ngục. Chưa lọt khỏi cổng mà những tiếng kêu khóc, tiếng la hét ở phía trong làm cho hắn bồn chồn. Qua mấy phòng chuyên mổ bụng, móc mắt, cắt tay v.v... hắn thấy đây quả là nơi hành hạ tội nhân kinh khủng, đúng như lời đồn ở trên trần thế. Sau cái bàn xẻo thịt là cả một kho gông. Trong đó có một cái gông đặc biệt: nó vừa to vừa dài, làm bằng những thanh gỗ nặng như sắt. Thủ Huồn lân la hỏi người cai ngục:
-Thứ gông này để làm gì?
-Để chờ một thằng ác nghiệt ở trần xuống đây. Bao nhiêu những cái gông trong này đều đã có chủ cả. Cứ xem gông to hay nhỏ thì biết tội ác của nó. Thủ Huồn lại hỏi:
-Thế cái thằng sẽ đeo cái gông vừa to vừa dài đó là ai? Lão cai ngục thủng thỉnh giở một cuốn sách vừa to vừa dày chỉ vào một hàng chữ, đọc: "Hắn là Võ Thủ Hoằng tức là Thủ Huồn". Rồi nói tiếp:
-Thằng cha đó ở Đại Nam quốc, Gia Định tỉnh, Phúc Chính huyện... Nghe nói thế, Thủ Huồn giật mình mặt xám ngắt. Nhưng hắn vẫn giữ được vẻ bình tĩnh. Hắn hỏi thêm:
-Thế nào? Hắn có tội gì? Lão cai ngục mắt vẫn không rời quyển sách:
-Khi làm thơ lại hắn bẻ mặt ra trái làm bao nhiêu việc oan khốc đến nỗi tội ác của hắn đen kín cả mấy trang giấy đây. Này nghe tôi đọc này: năm ất sửu hắn sửa hai chữ "ngộ sát" thành "cố sát" làm cho hai mẹ con thị Nhàn bị chết để cho người anh họ chiếm đoạt gia tài. Việc này Thủ Huồn được mười nén vàng và mười nén bạc, một trăm quan tiền. Cũng năm đó, hắn làm cho ông Ngô Lai ở thôn Bình Ca bị hai mươi năm tội đồ chỉ vì trong nhà có cái áo vải vàng, để đoạt không của ông ta mười hai mẫu ruộng. Năm... Thủ Huồn tái mặt, không ngờ mỗi một cái cất tay động chân của mình trên kia, dưới này đều rõ mồn một. Hắn ngắt lời đánh trống lảng:
-Thế vợ hắn có cùng đeo gông không hở ông?
-ồ! Ai làm người ấy chịu chứ! Vợ hắn nghe đâu là người tốt đã xuống đây rồi. Thủ Huồn lại hỏi gặng:
-Ví thử hắn muốn hối cải thì phải làm thế nào? Lão cai ngục bỏ sách xuống bàn, đáp:
-Đã vay thì phải trả! Nếu hắn muốn thì phải đem những thứ của cải cướp giật được đó bố thí và cúng lễ cho hết đi. Từ biệt lão cai ngục và những hình cụ khủng khiếp, Thủ Huồn không còn bụng dạ nào để đi xem nơi khác nữa. Vợ thấy chồng đòi về, lại đưa chồng ra khỏi hoàng cung của Diêm vương và ra khỏi mấy dặm đường tối tăm mù mịt. Lúc sắp chia tay hắn bảo vợ:
-Tôi về trang trải công nợ có lẽ ba năm nữa tôi lại xuống. Mình nhớ lên chợ đón nghe! Về tới Gia Định, Thủ Huồn mạnh tay bố thí. Hắn tập hợp những người nghèo khó trong vùng lại, phát cho họ tiền, lúa. Hắn đem ruộng đất của mình cúng cho làng, cho chùa, chia cho họ hàng thôn xóm.
Hắn mời hầu hết sư, sãi các chùa gần vùng tới nhà mình cúng đơm, tốn kém kể tiền vạn. Người ta lấy làm lạ không hiểu tại sao một tay riết róng như hắn bây giờ trở nên hào phóng một cách lạ thường. Ai xin gì được nấy. Có những người trước chửi hắn bây giờ lại đâm ra thương hại hắn. Nhiều người bảo nhau: "Thứ của vô nhân bất nghĩa ấy không trước thì sau thế nào cũng đội nón ra đi mà thôi!" hay là: "Có lẽ hắn không con, biết để của cũng chả làm gì nên tự làm cho vợi bớt". Thủ Huồn có nghe rất nhiều lời đàm tiếu về mình, nhưng hắn chẳng nói gì sốt, cứ việc quẳng của không tiếc tay. Cứ như thế ba năm sau, Thủ Huồn tính ra đã phá tán được ba phần tư cơ nghiệp. Nhớ lại lời hẹn, hắn lại khăn gói ra Bắc tìm đến chợ Mạnh Ma. ở đây, hắn dỗ khéo được vợ cho hắn xuống thăm cõi âm một lần nữa. Khi trở lại nhà ngục, Thủ Huồn thấy quang cảnh vẫn như cũ. Lão cai ngục vẫn là lão cai ngục ba năm về trước. Cách bố trí y hệt như xưa: cũng có nơi mổ bụng, nơi móc mắt, cắt tay v.v ...
Duy chỗ để gông thì có ít nhiều thay đổi. Bên cạnh những cái vẫn còn nguyên hình như xưa thì lại có những cái trước bé nay đã lớn lên, có cái trước lớn nay nhỏ hẳn đi. Đặc biệt cái gông mà Thủ Huồn chú ý nhất thì bây giờ đã rút ngắn lại tuy vẫn còn to và dài hơn các thứ gông thường một tí. Hắn lân la hỏi lão cai ngục:
-Cái gông để ở nơi này trước kia tôi nhớ hình như to lắm thì phải.
-Đúng đấy!
-Lão đáp.
-Có lẽ gần đây ở trên dương thế thằng cha ấy đã biết chuộc lỗi, nên nó đã nhỏ lại. Nếu hắn gắng hơn nữa, thì rồi sẽ có phúc lớn.
Thủ Huồn lại lên đất, trở về Gia Định. Hắn lại làm tiếp công việc bố thí và cúng dàng. Lần này hắn bán hết tất cả những gì còn sót lại, kể cả nhà cửa của mình. Hắn đến Biên Hòa dựng một ngôi chùa lớn để cúng Phật. Hắn xuôi sông Đồng Nai để làm một việc nghĩa cuối cùng. Hồi đó ở ngã ba sông Đồng Nai và sông Gia Định việc đi lại rất bất tiện. Cũng vì thế mà bên kia sông Đồng Nai người ta còn ngần ngại chưa dám di cư sang để sinh cơ lập nghiệp. Thủ Huồn bèn quyết định ở lại đây. Hắn kết một cái bè lớn, trên bè có nhà ở, có đủ chỗ nghỉ, có sẵn nồi niêu, đồ dùng và tiền gạo. Những thứ ấy hắn dùng để tiếp rước những người qua lại, nhất là những người nghèo khó. Hắn cho họ trú ngụ tại bè của mình kẻ năm ba ngày, người một đôi tháng mà không lấy tiền. Hắn làm công việc đó mãi cho đến ngày xuống âm phủ thật sự.
\* \* \*
Sau đó khá lâu, có lần một ông vua tên là Đạo Quang bên Trung Quốc lúc mới lên ngôi có cho sứ sang Việt Nam hỏi lai lịch một người ở Gia Định. Số là khi nhà vua mới sinh, người ta thấy trong lòng bàn tay vua có mấy chữ: "Đại Nam, Gia Định, Thủ Hoằng", nên nhà vua cần biết rõ gốc gác Thủ Hoằng là ai. Sau khi sứ giả cho biết rõ lai lịch Thủ Huồn, vua Trung Quốc có cúng vào ngôi chùa Biên Hòa ba pho tượng vàng. Do việc đó người ta bảo Thủ Huồn nhờ thành thực hối lỗi, chẳng những làm tiêu mất cái gông chờ hắn ở cõi âm, mà còn được Diêm vương cho đi đầu thai làm vua Trung Quốc. Ngày nay, một ngôi chùa ở Biên Hòa còn mang tên là chùa Thủ Huồn: chỗ ngã ba sông Đồng Nai và Gia Định còn gọi là sông Nhà Bè để kỷ niệm lòng tốt của Thủ Huồn đối với khách bộ hành Nam Bắc qua con sông đó. Có câu tục ngữ:
Nhà Bè nước chảy phân hai, Ai về Gia Định Đồng Nai thì về.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

II Sự tích đất nước Việt

**Tại sao sông Tô Lịch và sông Thiên Phù hẹp lại**

Ngày xưa về đời nhà Lý có một ông vua bị bệnh đau mắt. Mấy ông thầy thuốc chuyên môn chữa mắt ở trong kinh thành cũng như ngoài nội đều được vời vào cung chạy chữa, trong số đó cũng có những tay lương y nổi tiếng, nhưng tất cả mọi cố gắng đều vô hiệu. Cặp mắt của vua cứ sưng húp lên, đêm ngày nhức nhối rất khó chịu. Đã gần tròn hai tháng vua không thể ra điện Kính Thiên coi chầu được. Triều đình vì việc vua đau mà rối cả lên. Những cung giám chạy khắp nơi tìm thầy chạy thuốc, và lễ bái các chùa đền nhưng mắt của thiên tử vẫn không thấy bớt. Một hôm có hai tên lính hầu đưa vào cung một ông thầy bói từ núi Vân Mộng về. ạng thầy chuyên bói dịch nổi tiếng trong một vùng. Sau khi gieo mấy đốt cỏ thi, ông thầy đoán:
-Tâu bệ hạ, quẻ này có tượng vua rất linh nghiệm. Quả là bệ hạ bị "thủy phương càn tuất" xuyên vào mắt cho nên bệnh của bệ hạ không thể bớt được, trừ phi trấn áp nó đi thì mới không việc gì.
Vua bèn sai hai viên quan trong bộ Lễ đi về phía Tây bắc kinh thành. Thuở ấy ở phía Tây bắc thành Thăng Long có hai con sông nhỏ: Tô Lịch và Thiên Phù đều hợp với nhau để thông ra sông Cái ở chỗ cứ như bây giờ là bến Giang Tân. Họ tới ngã ba sông dựng đàn cúng Hà Bá để cầu thần về bệnh của hoàng đế. Đêm hôm đó, một viên quan ăn chay nằm sẵn trước đàn cầu mộng. Thần cho biết: đến sáng tinh sương ngày ba mươi cho người đứng ở bên kia bến đò, ai đến đó trước tiên lập tức bắt quẳng xuống sông phong cho làm thần thì trấn áp được. Nghe hai viên quan tâu, vua lập tức sai mấy tên nội giám chuẩn bị làm công việc đó. Một viên đại thần nghe tin ấy khuyên vua không nên làm việc thất đức, nhưng vua nhất định không nghe. Con mắt của hoàng đế là rất trọng mà mạng của một vài tên dân thì có đáng kể gì. Hơn nữa sắp sửa năm hết tết đến, việc vua đau mắt sẽ ảnh hưởng nhiều đến những nghi lễ long trọng và quan hệ của triều đình. ở làng Cảo thuộc về tả ngạn sông Tô hồi ấy có hai vợ chồng làm nghề bán dầu rong, người ta vẫn quen gọi là ông Dầu bà Dầu. Hàng ngày hai vợ chồng buổi sáng đưa dầu vào thành bán, buổi chiều trở ra: vợ nấu ăn, chồng đi cất hàng.
Hôm đó là ngày ba mươi tháng Một, hai vợ chồng định bụng bán mẻ dầu cho một số chùa chiền vào khoảng cuối năm, người ta cần dùng nhiều dầu để thắp tết. Họ dậy thật sớm chồng gánh chảo vợ vác gáo cùng rảo bước đến ngã ba sông Tô Lịch Thiên Phù. Đến đây họ vào nghỉ chân trong chòi canh đợi đò. Đường vắng tanh vắng ngắt chưa có ai qua lại. Nhưng ở trong chòi thì vẫn có hai tên lính canh đứng gác. Vừa thấy có người, chúng liền từ trong xó tối xông ra làm cho hai vợ chồng giật mình. Họ không ngờ hôm ấy lại có quân cấm vệ đứng gác ở đây. Tuy thấy mặt mũi chúng hung ác, nhưng họ yên tâm khi nghe câu hỏi của chúng:
-Hai người đi đâu sớm thế này? Họ cứ sự thật trả lời. Họ có ý phân vua việc bán dầu hàng ngày của mình chỉ vừa đủ nuôi miệng. Nhưng chúng cứ lân la hỏi chuyện mãi. Chúng nói:
-à ra hai người khổ cực như thế đó. Vậy nếu có tiền thừa thãi thì hai người sẽ thích ăn món gì nào. Nói đi! Nói đi, rồi chúng tôi sẽ kiếm cách giúp cho. Thấy câu chuyện lại xoay ra như thế, ông Dầu bà Dầu có vẻ ngạc nhiên. Nhưng trước những lời hỏi dồn của chúng, họ cũng phải làm bộ tươi cười mà trả lời cho qua chuyện:
-Tôi ấy à?
-Người chồng đáp.
-Tôi thì thấy một đĩa cơm nếp và một con gà mái ghẹ là đã tuyệt phẩm. Người vợ cũng cùng một ý như chồng nhưng có thêm vào một đĩa bánh rán là món bà ấy thèm nhất. Thấy chưa có đò, hai vợ chồng lấy làm sốt ruột. Nói chuyện bài bây mãi biết bao giờ mới vào thành bán mẻ dầu đầu tiên cho chùa Vạn Thọ được. Hai người bèn bước ra nhìn xuống sông. Hai tên lính từ nãy đã rình họ, bấy giờ sẽ lén đến sau lưng, thình lình bịt mắt họ và lôi đi sềnh sệch. Họ cùng van lên: "Lạy ông, ông tha cho chúng cháu, chúng cháu chẳng có gì". Nhưng hai thằng khốn nạn chẳng nói chẳng rằng, cứ cột tay họ lại và dẫn đến bờ sông. Chúng nhấc bổng họ lên và cùng một lúc ném mạnh xuống nước. Bọt tung sóng vỗ. Và hai cái xác chìm nghỉm. Rồi đó, hai thằng cắm cổ chạy.
\* \* \*
Lại nói chuyện mắt vua sáng mồng một tháng Chạp tự nhiên khỏi hẳn như chưa từng có việc gì. Nhưng ông Dầu bà Dầu thì căm thù vô hạn. Qua hôm sau, hai tên cấm vệ giết người không biết vì sao tự treo cổ ở gốc đa trong hoàng thành. Rồi giữa mồng một Tết, lão chủ quán bên kia Giang Tân phụ đồng lên giữa chùa Vạn Thọ nói toàn những câu phạm thượng. Hắn nói những câu đứt khúc, nhưng người ta đều hiểu cả, đại lược là: "Chúng ta là ông Dầu bà Dầu đây... Chúng mày là quân man rợ bạc ác, chúng mày là quân giết người lương thiện... Chúng mày sẽ chết tuyệt chết diệt... Họ Lý chúng mày sẽ không còn một mống nào để mà nối dõi... Chúng tao sẽ thu hẹp hai con sông Tô Lịch và Thiên Phù lại... Chừng nào bắt đầu thì chúng mày đừng hòng trốn thoát...". Những tin ấy bay về đến tai vua làm cho vua vô cùng lo sợ. Vua sai lập một cái đền thờ ở trên ngã ba Giang Tân và phong cho hai người làm phúc thần. Mỗi năm cứ đến ba mươi tháng Một là có những viên quan bộ Lễ được phái đến đấy cúng ông Dầu bà Dầu với những món ăn mà họ ưa thích. Nhưng đúng như lời nguyền của ông Dầu bà Dầu, ngôi báu nhà Lý chẳng bao lâu lọt về tay nhà Trần. Dòng dõi Lý quả nhiên chết tuyệt chết diệt, đến nỗi chỉ người nào đổi qua họ Nguyễn mới hòng trốn thoát. Sông Thiên Phù quả nhiên cứ bị lấp dần, lấp dần cho mãi đến ngày nay chỉ còn một lạch nước nhỏ ở phía Nhật Tân. Sông Tô Lịch cũng thế: ngày nay chỉ là một rãnh nước bẩn đen ngòm. Duy có miếu thờ ông Dầu bà Dầu thì hàng năm dân vùng Bưởi vẫn mang lễ vật theo sở thích của hai vợ chồng đến cúng lễ vào ngày ba mươi tháng Một.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

II Sự tích đất nước Việt

**Sự tích đá vọng phu**

Ngày xưa, có đôi vợ chồng nghèo sinh được hai mụn con: đứa lớn là trai mười một tuổi, đứa bé là gái lên sáu tuổi. Mỗi lần hai vợ chồng đi làm đồng hay đi đâu vắng, thường để hai con ở lại nhà, dặn anh trông nom em gái. Một hôm trước khi đi làm, người mẹ trao cho hai con một cây mía, bảo con lớn ở nhà chặt cho em ăn và đưa em đi chơi. Thường ngày mẹ vẫn nhắc:
-Con đừng làm em khóc, kẻo cha về đánh chết nghe không! Thằng anh đưa em ra sân cùng em trồng đá bẻ cây làm nhà làm cửa chơi với bạn bè quanh xóm. Chơi chán, anh đưa em vào nhà rồi tìm dao chặt mía. Không ngờ khi nó vừa giơ dao lên chặt, thì lưỡi dao sút cán văng vào đầu em. Cô bé ngã quay ra bất tỉnh nhân sự, máu đỏ lênh láng cả một vạt đất. Thấy thế thằng anh rất sợ, nghĩ bụng: "Tội ta to lắm. Cha về đánh chết mất!" Thế rồi, anh bỏ em nằm sóng sượt ở giữa nhà mà trốn đi. Cậu bé đi, đi mãi. Trên bước đường lưu lạc, hắn ở nhà này ít lâu rồi bỏ đi đánh bạn với nhà khác. Trong hơn mười lăm năm, hắn không biết mình đã đi những xứ nào, ăn cơm của bao nhiêu nhà. Cho đến lần cuối cùng, làm con nuôi một người đánh cá ở miền biển vùng Bình Định. Nghề chài lưới giữ chân hắn lại ở đây. Ngày lại ngày nối nhau trôi qua. Rồi hắn kết duyên cùng một người đàn bà. Vợ hắn cũng thạo nghề đan lưới. Mỗi khi thuyền của chồng về bãi, vợ nhận lấy phần cá của chồng, quảy ra chợ bán. Sau hai năm có được mụn con, hai vợ chồng cảm thấy sung sướng vô hạn. Hôm ấy biển động, chồng nghỉ ở nhà vá lưới. Cơm trưa xong, vợ xõa tóc nhờ chồng bắt chấy. Đứa con đi chập chững trước sân nhà, bốc cát chơi một mình. Thấy vợ có một cái sẹo bằng đồng tiền ở trên tai bên phải, chồng lấy làm ngạc nhiên vì mấy lâu mái tóc đen của vợ đã hữu ý che kín cái sẹo không cho một người nào biết, trong số đó có cả chồng. Anh liền hỏi về lai lịch chiếc sẹo. Vợ vui miệng kể:
-Ngày đó cách đây hơn hai mươi năm, tôi mới bằng một tí đã biết gì đâu. Anh ruột của tôi chặt mía. Chao ôi! Cái mũi mác tai hại. Tôi ngất đi. Sau này, tôi mới biết, lúc đó hàng xóm đã đổ tới cứu chữa rất lâu cho đến khi cha mẹ tôi về thì mới chạy tìm thầy tìm thuốc. May làm sao tôi vẫn sống để nhìn lại cha mẹ tôi. Nhưng tôi lại mất người anh ruột vì anh tôi sợ quá bỏ trốn. Cha mẹ tôi cố ý tìm tòi nhưng tuyệt không có tin gì. Rồi đó, cha mẹ tôi thương con buồn rầu quá, thành ra mang bệnh, kế tiếp nhau qua đời. Về phần tôi không có người nương tựa, lại bị người ta lập mưu cướp hết của cải và đem tôi đi bán cho thuyền buôn. Tôi không ở yên một nơi nào; nay đây mai đó, cuối cùng đến đây gặp anh... Sau lưng người vợ, nét mặt của chồng từng lúc mỗi biến sắc khi biết là lấy nhầm phải em ruột. Lòng người chồng càng bị vò xé vì tin cha mẹ, tin quê quán do vợ nói ra. Nhưng người chồng vẫn cố ngăn cảm xúc của mình, gói kín sự bí mật đau lòng đó lại, không cho vợ biết. Qua mấy ngày sau, sóng gió yên lặng. Nhưng lòng người đàn ông thì không thể nào yên lặng được nữa. Như thường lệ, hắn lại chở lưới ra biển để đánh cá. Nhưng lần này một đi không bao giờ trở lại. Người vợ ở nhà trông đợi chồng ngày một mỏi mòn. Tại sao sau khi đánh cá xong, giữa lúc đêm tối, mọi người đều cho thuyền trở về đất liền, thì chồng mình lại dong buồm đi biệt. Mà chồng mình là người chí thú làm ăn và thương con mến vợ. Thật là khó hiểu. Mỗi chiều, nàng lại bồng con trèo lên hòn núi ở cửa biển, con mắt đăm đăm nhìn về phía chân trời mù mịt. Ba tuần trăng qua. Rồi sáu... rồi chín tuần trăng. Tuy nước mắt bấy giờ đã khô kiệt, nhưng người đàn bà vẫn không quên trèo núi trông chồng. Cái hình bóng ấy đối với dân làng thành ra quen thuộc. Về sau cả hai mẹ con đều hóa ra đá, trở thành hình bóng quen thuộc vĩnh viễn. Hòn đá ấy ngày nay vẫn còn trên đỉnh núi ở bên cửa biển Đề Di, thuộc huyện Phú Cát, tỉnh Bình Định. Người ta vẫn gọi là đá Trông Chồng hay là đá Vọng Phu.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

II Sự tích đất nước Việt

**Sự tích đá bà rầu**

Ngày xưa, có gia đình một người thuyền chài có một cô gái rất xinh tươi. Khi cô đã lớn, nhiều chàng trai muốn xin kết duyên với nàng, nhưng chưa có đám nào thành cả. Mãi về sau một chàng trai người Quảng lấy được nàng làm vợ. Anh chàng là người khỏe mạnh, làm nghề buôn hàng bằng thuyền mà ở đây người ta gọi là buôn ghe. Sau thời kỳ ân ái ngắn ngủi, đôi vợ chồng ấy phải rời nhau vì sinh kế. Người chồng theo thuyền, theo bạn ra đi, để một mình vợ ở lại với gian nhà nhỏ. Thế rồi, cứ chiều chiều, người vợ lại ra bờ sông trông đợi bóng những cánh buồm tiến vào cửa sông. Nhưng qua ba bốn tuần trăng mà chồng và các bạn của chồng vẫn không thấy về. Những đoàn thuyền khác lần lượt cập bến không nhắc tới họ. Người đàn bà đâm ra lo sợ: hay là trận bão vừa qua đã nhận chìm thuyền xuống thủy phủ. Hay là chồng mình làm điều gì thất thố, nên bọn quan quân địa phương đã giam tất cả mọi người vào ngục tối... Năm, sáu tháng qua, người chồng vẫn chưa thấy về. Người đàn bà đó hàng ngày ra đứng bờ sông nhìn những cánh buồm tiến vào cửa biển. Mỗi một cánh buồm đối với nàng là một tia hy vọng, nhưng tia hy vọng ấy vừa lóe lên, thì một chốc sau đó lại tắt ngay.
Đột nhiên chồng về giữa lúc vợ đinh ninh sống một thân một bóng lạnh lẽo. Người lái buôn bước vào nhà làm cho mọi người kinh ngạc và mừng rỡ. Anh kể rất dài về cuộc sống chung đụng với những người khác nòi ở hải đảo. Nếu không có mưu trí thì anh và bạn hữu chưa chắc đã sống sót để nhìn lại quê hương. Thế là ngày vui trở lại. Thú ái ân lại tràn ngập chăn gối cho bõ những lúc xa nhau. Nhưng vui chưa trọn mà buồn đã xuất hiện. Sự nghi ngờ bỗng nảy nở trong lòng người chồng. Chồng vốn là người cả ghen, lại cũng đã biết vợ ngày trước có phần nào tự do trong việc giao thiệp. Bây giờ đây, người ta mách nhỏ với anh rằng: trong những ngày vừa qua người đàn bà hay bỏ nhà ra đi từ buổi chiều cho đến tối mịt mới về. Nghe đoạn, máu ghen của anh bừng bừng bốc lên. Hắn không ngờ trong những lúc mình gian lao như thế, thì vợ lại có thể như thế được. Những lời phân trần của người vợ chẳng ăn thua gì. Trong tình cảnh đó, nàng chỉ đành ngậm miệng. Vì thế chồng không tiếc tay hành hạ vợ. Không một lời oán trách, người đàn bà chỉ biết mình khóc với mình mà thôi. Vợ càng làm thế, thì chồng lại càng lạnh nhạt. Một hôm để cho vợ phải hối hận, người chồng lại cùng bạn dong buồm ra đi, không một lời rỉ tai với vợ. Người đàn bà ấy không biết chồng đi đâu và bao giờ trở lại.
\* \* \*
Nhưng một hôm, người chồng lại cùng với các bạn bè trở về quê hương, sau một thời gian buôn bán ở phương xa. Hắn làm ra rất nhiều tiền, nhưng hắn thấy tiền của không đủ lấp sự trống trải trong lòng mình. Hắn ao ước được gặp lại vợ cũ để tìm hạnh phúc trong sum họp. Lần này, chồng dự định lúc về sẽ khuyên dỗ cho vợ mình tu tỉnh để nối lại những ngày thắm đẹp xưa kia. Nhưng khi bước chân vào nhà, người chồng thấy nhà lạnh lẽo. Xóm giềng cho hay rằng vợ anh bỏ đi đã hơn một tháng. Hắn thấy gánh buồn đè nặng lên người. Hắn vơ vẩn đi lại bờ sông, chỗ mà người ta cho biết là vợ mình lần trước cũng như lần này hay đứng đây trông đợi. Sự hối hận tràn ngập trong lòng người đàn ông. Tự nhiên hắn reo lên vì xa kia bên cạnh cái tháp Chàm có bóng một người thiếu phụ nổi bật trong ánh chiều giống hệt vợ mình. Mừng quá, hắn cắm đầu chạy tới. Quả đúng là vợ, nhưng vợ bây giờ đã hóa thành đá, con mắt vẫn đăm đăm nhìn về phía chân trời vô tận. Thời gian bây giờ đã xóa đi mất tích nhiều sự vật, nhưng bức tượng người đàn bà cô đơn buồn rầu kia ở Quảng Nam vẫn còn. Bên cạnh đó là một ngọn tháp cổ. Cái tượng đó người ta gọi là tượng Bà Rầu. Vì tượng ở cạnh tháp, nên tháp cũng gọi là tháp Bà Rầu.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

II Sự tích đất nước Việt

**Sự tích thành lồi**

Ngày xưa, có một ông vua nước Chàm muốn lấy một nàng công chúa nước Đại Việt làm vợ. Nhà vua nghe nói công chúa Huyền Trân nhan sắc tuyệt trần, những phi tần trong cung vua khó bề sánh kịp. Ao ước người đẹp, nhà vua đêm mơ ngày tưởng. Vua nghĩ đến việc dâng vàng bạc, châu báu, kỳ nam và voi ngựa để làm sính lễ, nhưng những món ấy chưa hẳn đã đưa lại kết quả như ý muốn. Một viên nội thị rỉ vào tai vua:
-Muốn chiếm được người đẹp, trừ phi hiến đất không có kế nào khác. Trước vua còn ngần ngại, nhưng sau đó quả quyết sai một sứ bộ ra cầu hôn với sính lễ hai châu ạ, Rí ở biên giới. Thấy triều thần có người can ngăn, nhà vua ung dung đáp:
-Tất cả đất đai này đều là của trẫm. Mà trẫm thì chả vui gì nếu không lấy được công chúa Đại Việt. Hơn nữa, giữa hai nước máu chảy đã nhiều rồi. Ngày nay trẫm muốn mượn mối nhân duyên để dẹp yên can qua khốc hại.
Trước món sính lễ đặc biệt, triều đình Đại Việt ai nấy đều tỏ vẻ hài lòng. Vua Trần và công chúa Huyền Trân gật đầu ưng thuận. Được lời như cởi tấm lòng, vua Chàm sai quan thái bốc chọn ngày lành tháng tốt, rồi phái một sứ bộ mang năm trăm quân sĩ đi thuyền ra đón vợ về. Đám rước dâu từ kinh thành ra đi, vượt qua muôn trùng sóng nước mới tới kinh đô. Vua Chàm mừng rỡ. Công chúa muốn gì được nấy. Bọn nội thị từ đấy mới thấy hoàng cung rộn rịp tươi vui hơn trước. Trong khi đó sứ bộ Đại Việt bắt đầu vào nhận đất mới.
\* \* \*
Nhưng việc đời còn éo le nhiều nỗi. Công chúa cùng vua Chàm hương đượm lửa nồng chưa được một năm thì nhà vua bỗng nhiên mắc bệnh rồi mất. Tin dữ truyền đi khắp hai nước, riêng đối với công chúa thì không khác gì tiếng sét ngang tai. Đầu xanh đã phải chịu cảnh góa bụa. Không những thế, công chúa sẽ chịu tang trong một thời kỳ ngắn để rồi lên hỏa đàn về với vua Chàm bên kia thế giới. Nhập gia tùy tục, tuy công chúa là người Việt nhưng nay đã là hoàng hậu Chàm, không thể không theo đúng tục lệ có tự nghìn xưa. Vua Trần nghe tin lo sợ, vội sai sứ bộ vào điều tang và tìm cách cứu công chúa. Nhân lúc mọi người bối rối, sứ bộ Việt giả cách xin phép đưa công chúa ra bờ biển làm lễ cầu hồn rồi lén đưa xuống thuyền nhỏ, một mạch dong buồm ra Bắc. Việc hoàng hậu bỏ trốn làm cho triều đình nước Chàm nổi giận. Đã thế thì lời hứa cũ không còn có giá trị nữa. Món đồ sính lễ là hai châu ạ, Rí phải được trả lại. Nghĩ thế, ông vua mới nước Chàm bèn sai năm vạn quân mã ra giữ chắc lấy hai châu đó, mặc dầu việc bàn giao đã sắp xong. Bên Đại Việt không ngờ có chuyện xảy ra như thế chỉ phái tướng quân Đoàn Nhữ Hài mang mấy ngàn quân vào dò động tĩnh. Một buổi chiều hè, quân Đại Việt mang theo cát bụi từ Đàng ngoài đã tiến vào tới sát bờ sông Trong. Quân do thám về báo quân Chàm đã kéo ra đông vô kể do một viên tướng mặt đen râu xồm tên là Lồi hiện đang đóng trên mấy ngọn đồi ở bên kia sông. Thấy tình thế đã trở nên nghiêm trọng, tướng Việt lo lắng vì sức người sức mình cách nhau một trời một vực. Đoàn tướng quân vò đầu suy nghĩ. Rồi đó người ta thấy quân lính Việt được lệnh cắm trại rải rác suốt mấy dặm dài dọc theo bờ sông. Mỗi trại chia ra từng nhóm quân, nhóm nào nhóm ấy cắm cờ la liệt. Để khoa trương thanh thế, ban đêm mọi nơi thắp đèn đuốc sáng choang, lại đánh trống chiêng và hò reo rầm trời. Ban ngày có một toán quân đã cắt đặt sẵn, vác gươm giáo sáng quắc, nai nịt chỉnh tề đi quanh hòn núi nổi lên bên bờ sông(2). Bên Chàm thấy bên Việt án binh bất động lại thấy quân địch kéo qua núi liên miên không ngớt, nghĩ tới oai hùng của những người đã chiến thắng trăm vạn quân hùm beo Mông Cổ nên sinh khiếp sợ.
Song vâng mệnh vua đem đại quân ra giữ biên thùy, không lẽ chưa giao chiến đã vội rút lui. Sau mấy ngày làm kế nghi binh, Đoàn tướng quân cho quân mang thư mời tướng Chàm ra trước trận để cùng thương lượng. Kết quả, các tướng lĩnh hai bên đi đến một đính ước: "Trong một đêm hai bên đều khởi công, mỗi bên đắp một bức thành cho suốt tới sáng, bên nào hơn thì thắng. Bên thua lập tức lui binh nhường đất, để khỏi giết hại sinh linh." Trong khi quân Đại Việt còn đủng đỉnh nấu ăn coi bộ chưa nghĩ tới cuộc đấu sức đã bắt đầu, thì quân Chàm đã vội vã kẻ đào, người chuyền đất, đắp một bức thành suốt dọc bờ sông vắt qua mấy ngọn đồi. Tướng Lồi đốc thúc ráo riết. Trời chưa tối hẳn thì quân Chàm đã đắp nổi một quãng khá cao.
Cho đến mờ sáng, cả tướng lẫn quân lấy làm mừng rỡ vì mặt thành đã cao hơn trượng. Chợt nghe một hồi trống đồng từ bên kia vọng đến, quân Chàm bên này trông sang, thì kia, thăm thẳm mấy dặm dài, thành của bên quân Đại Việt đã xây xong từ bao giờ: tường cao dễ đến mấy trượng, cổng thành với cái vọng lâu của nó trông thật là đồ sộ. Chẳng những thế, trong thành lại còn nhà cửa mới xây rất nguy nga: mái lợp ngói đỏ tường quét vôi trắng, trên mặt thành voi ngựa, quân lính dàn ra không biết bao nhiêu mà kể. Thật là bạt ngàn san dã... Hàng ngũ của họ rất chỉnh tề, đứng im phăng phắc dưới bóng cờ như chỉ chờ lệnh là xông ra. Tướng Lồi ở trên chòi cao đưa mắt nhìn với một vẻ ngơ ngẩn hãi hùng. Quân Việt quả là dồn tất cả lực lượng vào đây. Trêu vào họ chỉ là chuốc lấy một thất bại thảm hại. Khi nghe tiếng loa bên địch thét lên, tướng Lồi nổi hiệu cho toàn quân rút lui khỏi vùng ạ, Rí.
\* \* \*
Tuy không phải đánh chác gì, nhưng Đoàn tướng quân cũng báo tin đại thắng về cho vua Trần, không quên nói hết mưu kỳ của mình trong cuộc đọ trí nguy hiểm này. Bởi vì quân Chàm có biết đâu thành của quân địch toàn bằng phên tre dựng lên, nhà cửa đều bằng nan ghép lại, quân sĩ voi ngựa đều bằng cỏ bện hoặc bằng đất, những mái đỏ tường trắng, cỏ xanh đều là màu thuốc tô điểm. Ngày nay vẫn còn dấu vết bức thành do quân Chàm đắp dở, thuộc địa phận mấy xã Dương Xuân, Nguyệt Biều (Thừa Thiên). Người ta gọi là thành Lồi để phân biệt nó với thành Phật Thệ ở gần đó và cũng để nhắc nhở cái tên viên tướng thua cay trong cuộc đấu trí vừa hiếm có, vừa ly kỳ ấy.

**Nguyễn đổng Chi**

Sự tích đất nước việt

II Sự tích đất nước Việt

**Sự tích núi Ngũ Hành**

Ngày xưa, có một ông cụ già sống một thân một mình trong một túp lều con trên bãi biển vắng. Những người dân gần đó không biết ông cụ đến đấy làm gì và đến từ lúc nào. Một hôm, tự nhiên ngoài biển khơi có một vùng sóng gió nổi lên dữ dội làm bầu trời tối mịt. Hồi lâu có một con giao long rất lớn ngoi vào bờ, trườn lên đất liền. Giao long quằn quại trên bãi cát làm vẹt đất thành từng đường ngoằn ngoèo. Gió thổi ào ào, bụi cát mù mịt. Gian lều của ông già gần đó xem chừng muốn đổ. Cuối cùng một tiếng gào rống lên, rồi một chiếc trứng lớn trong bụng giao long xuất hiện bên cạnh nhà của ông già. Đẻ xong, giao long lại trườn xuống biển đi mất. Một lát sau lại đến lượt một con rùa vàng to lớn cũng từ ngoài khơi tiến vào. Rùa vàng đào đất chôn trứng vào bãi cát. Đoạn, rùa bò đến trước mặt ông lão bảo rằng:
-Ta là thần Kim Quy. Ta muốn ngươi phải hết sức bảo hộ giọt máu này của Long quân!Ông già trả lời:
-Sức cùng tài tận như tôi thì làm sao mà bảo hộ được. Rùa liền trao cho ông già một cái móng và nói:
-Ngươi hãy cầm lấy cái này, bao giờ có việc gì khó khăn nguy cấp thì đặt nó vào tai, ta sẽ giúp ngay, không lo gì cả.
-Được, tôi sẽ xin hết sức.
Một hôm từ đàng xa tiến đến một chiếc xe trâu, trên có mấy tên lính hung dữ.Ông già hoảng hốt lo sợ vì chiếc xe cứ nhằm đúng hướng trứng mà lao tới.Ông đứng dậy khoát tay làm dấu cho xe chạy đi ngả khác mà không được.Ông vội đặt móng rùa vào tai. Tự nhiên có một tiếng nói nhỏ đủ lọt vào tai ông: "Nằm xuống! Nằm xuống!"Ông vừa phủ phục thì hóa ngay một con hổ lớn. Bọn lính trên xe hoảng hốt đánh xe quay trở lại. Sau đó, ông cụ tháo gian nhà của mình đưa tới dựng lên che cho trứng thần. Nhưng ông không ngờ rằng trứng thần cứ mỗi ngày một lớn mãi. Thoạt tiên nó làm nổi cát lên. Rồi ngày một, ngày hai nó rẽ dần cát ra và nhô lên khỏi mặt đất. Mỗi lần như thế thì cụ già lại hì hục xúc cát lấp lại. Nhưng vô ích vì chỉ ngày mai, ngày kia nó đã nhô cao hơn, đến nỗi đội cả gian nhà của ông cụ lên trời. Trứng càng ngày càng lớn làm cho ông cụ thấy sức của mình bé lại. Tuy nhiên, ông vẫn hết lòng vì trứng thần.Ông đi chặt cây, chặt lá về che cho kín trứng. Nhưng cây lá cũng không che nổi nữa vì trứng ngày một phình to ra. Không những nó nhô cao lên trời mà còn nở cả bề rộng. Màu vỏ trứng xanh đỏ tím vàng lóng lánh như một hòn ngọc khổng lồ. Một hôm, gian lều của ông cụ bị những tên vô lại đốt cháy.Ông cụ cầu cứu với móng rùa. Tự nhiên trong lòng trứng hiện ra một cái hang đá có đủ giường chiếu sẵn sàng.Ông già vừa đặt mình xuống là ngủ thiếp ngay. Giữa lúc đó thì một cô gái bé từ trong lòng trứng ra đời bên cạnh giường của ông già. Sữa ở mạch đá trong hang chảy ra nuôi cô bé lớn lên như thổi. Nhưng tuy ông già ngủ mà cô gái cũng không cô quạnh. Hàng ngày có những con khỉ hái hoa quả đến cho cô ăn, có những con chim cu tha bông đến dệt cho cô mặc.Ông già ngủ một giấc tỉnh dậy lấy làm kinh ngạc khi thấy một thiếu nữ xinh đẹp ngồi bên cạnh mình. Cô gái reo lên: "Mười lăm năm nay con ngày ngày lắng nghe hơi thở đều đặn của cha. Nay cha đã dậy, con vui mừng biết mấy".Ông già ngơ ngác nhìn trứng thần bấy giờ đã thành một hòn núi đá to lớn, cỏ cây đã rậm rạp, chim chóc thú vật đã đến sinh hoạt nhộn nhịp. Móng rùa vẫn còn ở đầu giường.
ạng vội cầm lấy để vào tai. Móng rùa mách đường cho ông già và cô gái ra khỏi hang đá và cho biết phải làm những việc gì. Từ đây ông già lại có thêm chức trách dạy dỗ săn sóc cô gái của Long quân. Trong khi đó, chim chóc và thú rừng đến quấn quít bên cạnh hai người. Bọn mục đồng cũng không quên lui tới làm quen với bọn họ. Một hôm có một đội quân không hiểu từ đâu lại, mặt mũi hung ác, gươm tuốt sáng lòe, đến bổ vây chiếm lấy hòn núi mới. Bọn chúng xô tới định bắt cả trẻ lẫn già đi, nhưng móng rùa đã làm cho chúng chết không kịp ngáp. Cả một vòng lửa rất dày ùn ùn bốc lên vây lấy chúng và chẳng cho một tên nào chạy thoát. Thấy núi và người bỗng dưng xuất hiện ở địa phương mình, nhân dân quanh vùng cho là một sự lạ chưa từng có. Tin là tiên xuống trần cứu dân, họ đến gặp cô gái và ông già để xin thuốc và cầu khẩn mọi việc. Thấy họ cần dùng thuốc, cô gái lấy những mảnh đá có màu xanh, đỏ sáng giấp giới, buộc lại với nhau rồi ném ra xung quanh chỗ ngồi. Trên mặt đất bỗng mọc lên một loài cây có hoa năm cánh dùng để chữa bệnh sốt rét rất hiệu nghiệm. Người ta đua nhau đi hái hoa đó về chữa bệnh. Họ gọi là hoa Tứ quý. Tiếng đồn thổi mỗi ngày một rộng. Ai ai cũng nhắc đến nàng tiên bé nhỏ với một tấm lòng trìu mến. Sau đó chẳng bao lâu, nhà vua nghe tin có nàng tiên xinh đẹp, bèn sai quan quân mang lễ vật đến cầu hôn cho hoàng tử. Khi sứ giả đến thì trông thấy một già một trẻ đang đánh cờ "gánh" trên tảng đá lớn. Sứ giả bước vào đệ trình lễ vật và quốc thư. Giữa khi ông cụ già lúng túng chưa biết nên xử trí thế nào thì rùa vàng đã từ dưới biển hiện lên báo tin cho ông biết là Long quân đã bằng lòng gả. Từ đây núi vắng người tiên. Cô gái từ biệt cha nuôi lên kiệu đi theo sứ giả, có mấy trăm quân sĩ theo hầu. Còn ông già trả móng lại cho rùa thần rồi cưỡi lên lưng rùa đi biệt. Ngày nay hòn núi đá ấy vẫn hãy còn. Nó là hòn núi đẹp nhất nổi lên ở bờ biển Quảng Nam. Người ta gọi nó là núi Ngũ Hành. ở phía Tây núi có sông Vĩnh Điện chảy ra cửa Hàn. Người ta bảo sông đó cũng như sông Cẩm Lệ, sông Hàn đều do bà vợ Long quân vô tình làm ra trong khi quằn quại ở cữ.

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.
Nguồn: http://vnthuquan.net
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Nguồn: Mọt Sách
Được bạn: MS đưa lên
vào ngày: 26 tháng 2 năm 2004